**HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP**

**PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRUNG ƯƠNG**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ĐẶC SAN**

**TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT**

**Số: 07/2016**

**CHỦ ĐỀ**

**PHÁP LUẬT VỀ TIẾP CẬN THÔNG TIN**

**Năm 2016PHẦN I**

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

**I. KHÁI NIỆM THÔNG TIN VÀ QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN**

**1. Thông tin**

Trong cuộc sống khái niệm thông tin (Information) thường được nhắc tới như nguồn lực của sự phát triển, với sự phát triển mạnh mẽ của hợp tác quốc tế, sự cạnh tranh các nền kinh tế thì dường như người (quốc gia) nào nắm giữ được thông tin thì người (quốc gia) đó phát triển, đi trước thời đại; còn người (quốc gia) nào không biết thông tin sẽ bị tụt hậu.

***Vậy thông tin là gì?***

Có rất nhiều cách hiểu về thông tin. Dưới góc độ triết học, thông tin là sự phản ánh của tự nhiên và xã hội (thế giới vật chất) bằng ngôn từ, ký hiệu, hình ảnh… hay nói rộng hơn, thông tin là tất cả mọi mặt của đời sống xã hội tác động lên giác quan của con người. Theo cách hiểu thông thường, thông tin là tất cả các sự việc, sự kiện, ý tưởng, phán đoán làm tăng thêm sự hiểu biết của con người. thông tin hình thành trong quá trình nhận biết hiện tượng xung quanh, trong quá trình giao tiếp.

Ở Việt Nam (theo quy định của Luật tiếp cận thông tin), “thông tin” là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẻ, băng đĩa, bản ghi hình, bản ghi âm hoặc các dạng khách do cơ quan nhà nước tạo ra.

**2. Quyền tiếp cận thông tin**

- Quyền được thông tin: Là khả năng tiếp nhận những thông tin do những cơ quan cung cấp dịch vụ công nắm giữ, nhằm mục đích thực hiện hoặc bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể quyền;

**-** Quyền tiếp cận thông tin : Là quyền của cá nhân, công dân được chủ động tìm kiếm, tiếp cận và phổ biến thông tin do cơ quan nhà nước nắm giữ hoặc thông tin do cơ quan hành chính nắm giữ (cơ quan cung cấp dịch vụ công)[[1]](#footnote-2).

- Quyền tự do thông tin: Là sự lưu thông của mọi loại thông tin bất kể chủ thể nắm giữ và có thể cho nhiều mục đích (giải trí, học thuật, chính trị, văn hóa,…)

- Quyền thông tin: quyền bao hàm cả quyền tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến thông tin. Quyền này cũng đã được quy định trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người: “Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ quan điểm; kể cả tự do bảo lưu ý kiến không phụ thuộc vào bất cứ sự can thiệp nào, cũng như tự do tìm kiếm, thu nhận, truyền bá thông tin và ý kiến bằng bất cứ phương tiện thông tin đại chúng nào và không giới hạn về biên giới”. Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 cũng quy định: “Mọi người đều có quyền tự do phát biểu quan điểm bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận, và phổ biến mọi tin tức và ý kiến bằng truyền khẩu, bút tự hay ấn phẩm, dưới hình thức nghệ thuật, hay bằng mọi phương tiện truyền thông khác, không kể biên giới quốc gia... Quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật vì nhu cầu tôn trọng những quyền tự do, thanh danh của người khác và an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng hay đạo lý”. Đây là hai văn kiện pháp lý quốc tế nền tảng, ghi nhận các quyền pháp lý cơ bản của con người về dân sự, chính trị, mà quyền tiếp cận thông tin được coi là quyền cơ bản nhất trong nhóm các quyền dân sự, chính trị đó. Tiếp đến, quyền tiếp cận thông tin tiếp tục được ghi nhận trong nhiều văn bản quốc tế quan trọng khác như Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003, Tuyên bố Rio về Môi trường và phát triển năm 1992, Công ước UNECE về tiếp cận thông tin môi trường, v.v…

Như vậy, so với quyền thông tin thì quyền tiếp cận thông tin hẹp hơn, nó chỉ bao gồm hoạt động tìm kiếm và tiếp nhận thông tin. Quyền tiếp cận thông tin là một trong những quyền cơ bản của con người, được các văn kiện pháp lý quốc tế ghi nhận và xếp trong nhóm các quyền dân sự - chính trị. Dưới góc độ pháp lý, “quyền tiếp cận thông tin” là quyền rất căn bản mà mọi người ở tất cả các quốc gia đều có quyền được hưởng, đó là quyền được biết thông tin của Nhà nước (thông qua cách thức trực tiếp hay gián tiếp) để thỏa mãn các nhu cầu trong cuộc sống của mình cũng như để bảo vệ và thực hiện các quyền năng khác đã được pháp luật ghi nhận.

**II. THỰC TRẠNG QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN Ở VIỆT NAM**

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, đất nước ta bước vào thời kỳ kháng chiến chống ngoại xâm. Trong các cuộc kháng chiến, bảo mật thông tin luôn là một trong những yêu cầu quan trọng. Các phong trào *không nói, không biết, không tin* trong những giai đoạn kháng chiến được coi là “kế sách kháng chiến”. Kháng chiến thành công, sau chiến thắng Điện Biên phủ (năm 1954), đất nước bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam. Trong giai đoạn này (và cả sau năm 1975 khi thống nhất đất nước, kéo dài đến năm 1986) nền kinh tế được điều hành theo cơ chế tập trung, bao cấp, do vậy, thông tin chỉ từ một phía. Trong các giai đoạn lịch sử ấy, hầu như chỉ có luồng thông tin tuyên truyền một chiều từ Trung ương, Nhà nước xuống cho người dân. Người dân bị động tiếp thu các nguồn thông tin chính thức của Nhà nước.

Bước sang nền kinh tế thị trường, từ năm 1986 công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế đã giúp xây dựng một hệ thống pháp luật phù hợp với bối cảnh mới của nền kinh tế - xã hội đất nước. Đảng và Nhà nước ta cũng luôn quan tâm, chú trọng đến các vấn đề thuộc quyền con người và luôn có các biện pháp cụ thể nhằm bảo đảm không ngừng nâng cao quyền tiếp cận thông tin của người dân, coi đây là một giải pháp hữu hiệu bảo đảm quyền con người được thực thi ở Việt Nam, cũng như thể hiện thái độ tích cực hội nhập quốc tế theo xu thế nhân quyền và hòa bình. Hệ thống các văn bản pháp luật quy định về công khai thông tin, về quyền được thông tin của người dân đã được quy định rải rác trong nhiều văn bản pháp luật như Hiến pháp, Luật đất đai, Luật bảo vệ môi trường, Luật phòng, chống tham nhũng, Luật khiếu nại, tố cáo, Luật báo chí, Luật kiểm toán nhà nước, Pháp lệnh thực hiện dân chủ cơ sở; Luật trưng cầu ý dân, Luật báo chí, ...

1. **Quyền tiếp cận thông tin trong Hiến pháp**

 Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin là quá trình thúc đẩy công bằng và thực thi pháp luật, củng cố nhà nước pháp quyền. Việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin sẽ góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, làm tăng tính hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước. Quyền tiếp cận thông tin có vai trò tích cực và tác động mạnh mẽ đến việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của dân, do dân và vì dân.

Ở nước ta, để đảm bảo quyền được thông tin, Đảng ta đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thông qua Đại hội VII năm 1991. Điều 69 Hiến pháp Việt Nam năm 1992 ghi rõ: “*Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin theo quy định của pháp luật*”. Đến Hiến pháp năm 2013 quyền tiếp cận thông tin của công dân được quy định một cách chủ động thay vì quy định quyền được thông tin của công dân như trong Hiến pháp năm 1992. Theo đó, Điều 25 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”. Đồng thời, lần đầu tiên, Hiến pháp năm 2013 đã hiến định các nguyên tắc thực hiện quyền con người, quyền công dân trong đó có quyền tiếp cận thông tin (xem Điều 14, 16, 21, 28 Hiến pháp năm 2013).

Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, thực hiện chủ trương của Đảng, đồng thời nội luật hóa một số quy định trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nhiều văn bản pháp luật và văn bản dưới luật đã được ban hành quy định về quyền được thông tin và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra và nắm giữ (các thông tin về môi trường, thông tin về quy hoạch, về xây dựng, về đất đai, về các dự án, về vệ sinh, an toàn thực phẩm, về chi tiêu ngân sách...), như Luật Báo chí (năm 1989 được sửa đổi, bổ sung năm 1999, nay là Luật báo chí năm 2016); Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 và Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 và Nghị định 79/2003/NĐ-CP ngày 07/07/2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg ngày 4/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế “một cửa” tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (năm 1996, sửa đổi, bổ sung năm 2002, nay là Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2014); Luật Xuất bản năm 2004, 2012; Luật Kiểm toán nhà nước năm 2005, năm 2015; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012); Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí (năm 2005, nay là Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013); Luật Nhà ở năm 2005, 2014... Việc quy định trách nhiệm công khai, minh bạch và cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trong các văn bản pháp luật được ban hành sau ngày càng rõ ràng, cụ thể hơn so với các văn bản được ban hành trước.

**2. Quyền tiếp cận thông tin trong các văn bản quy phạm pháp luật**

2.1. Thực trạng tiếp cận thông tin hoạch định chính sách và xây dựng pháp luật

Việc chủ động công khai, minh bạch các hoạt động hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật trong thời gian qua đã được thực thi khá tốt trên thực tế. Điều này cũng đã được quy định cụ thể trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật từ khâu lập chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định đến quá trình soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật đều có các quy định về việc phải công khai thông tin để người dân có cơ hội tham gia đóng góp ý kiến. Trong quá trình soạn thảo văn bản, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chủ động trong việc công khai dự thảo văn bản để người dân tham gia đóng góp ý kiến qua các cuộc hội thảo, toạ đàm, phiếu lấy ý kiến, đăng dự thảo trên trang thông tin điện tử của cơ quan... Bên cạnh đó, nhiều báo, tạp chí cũng đã đăng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và xây dựng các diễn đàn để công dân tham gia đóng góp ý kiến. Quốc hội, Chính phủ đã mở chuyên mục, diễn đàn để công dân, tổ chức, doanh nghiệp đóng góp ý kiến trên trang thông tin điện tử của mình. Nhiều phiên họp của Quốc hội khi thảo luận về việc hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật cũng đã được truyền hình trực tiếp đến với người dân.

2.2. Thực trạng tiếp cận thông tin trong việc giải quyết yêu cầu của người dân

Trong giải quyết công việc của công dân, cơ chế “một cửa” tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương đã tạo thuận lợi cho công dân, tổ chức, doanh nghiệp khi tham gia giao dịch với cơ quan nhà nước. Các thông tin về thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, phí, lệ phí trong một số lĩnh vực được niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan hành chính. Nhiều cơ quan còn chủ động công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang thông tin điện tử. Qua ba năm thực hiện, cơ quan hành chính nhà nước các cấp ở địa phương đã giải quyết cơ bản những yêu cầu của nhân dân và doanh nghiệp trong các lĩnh vực đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, cấp giấy phép xây dựng, các quyết định về đầu tư, các lĩnh vực về đăng ký hộ khẩu, hộ tịch, chính sách xã hội v.v.. Thời gian được rút ngắn, chất lượng giải quyết công việc được nâng lên, người dân chỉ cần đến một nơi, với thời gian nhất định, để được giải quyết công việc đúng nguyện vọng, không phải đi lại nhiều lần.

 2.3. Thực trạng tiếp cận thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước

Các vấn đề, lĩnh vực thuộc phạm vi hoạt động của cơ quan công quyền, phải công khai, được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau như: Pháp lệnh Dân chủ cơ sở năm 2007; Luật Kế toán năm 2003, năm 2015; Luật Kiểm toán năm 2005năm 2015; Luật Nhà ở năm 2005, năm 2014; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012); Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2005, năm 2013; Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, 2014; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, 2015…

Với tư cách là người đứng đầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thực hiện chế độ báo cáo trước nhân dân những vấn đề quan trọng thông qua những báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội, trả lời của Chính phủ đối với chất vấn của đại biểu Quốc hội và ý kiến phát biểu với các cơ quan thông tin đại chúng.

Điều 11 Luật Phòng, chống tham nhũng quy định: Nguyên tắc và nội dung công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, theo đó: cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai hoạt động của mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác theo quy định của Chính phủ.

Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí (ban hành tại Quyết định số 25/2013/QĐ-TTg ngày 04/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ) còn quy định, các cơ quan nhà nước thực hiện việc cung cấp thông tin cho báo chí thông qua người phát ngôn, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức cung cấp thông tin định kỳ cho báo chí về hoạt động của cơ quan mình, về lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi quản lý của mình (Điều 2).

Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định công khai thông tin về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự án, công trình đầu tư, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã... bằng hình thức niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân cấp xã, công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã, công khai thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân (Điều 5, 6).

Nghĩa vụ công khai, minh bạch các hoạt động của cơ quan nhà nước theo yêu cầu của công dân thường liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người dân gắn với những công việc cụ thể, nếu thiếu các thông tin từ cơ quan nhà nước, người dân có thể mất khả năng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Mặc dù có ý nghĩa quan trọng như vậy nhưng việc thực hiện công khai, minh bạch các hoạt động của cơ quan nhà nước theo yêu cầu của công dân đang có rất nhiều hạn chế, gây ra sự chậm trễ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của công dân. Cụ thể là, mặc dù Luật Báo chí và Luật Phòng, chống tham nhũng đã quy định nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị và của công dân, nhưng tình trạng cơ quan nhà nước không trả lời bằng văn bản hoặc từ chối cung cấp mà không có lý do chính đáng vẫn còn phổ biến và chưa có biện pháp xử lý. Tình trạng này dẫn đến trong nhiều vụ việc người dân và chính quyền không tìm được tiếng nói chung, người dân buộc phải khiếu kiện vượt cấp, thậm chí gây mất trật tự xã hội.

Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là đa số các quy định của pháp luật về công khaiN, minh bạch các hoạt động của cơ quan nhà nước theo yêu cầu của công dân mới chỉ dừng lại ở mức độ có tính chất nguyên tắc, thiếu cụ thể nên cơ quan nhà nước có thể trốn tránh nghĩa vụ của mình mà không bị xử lý.

2.4. Thực trạng tiếp cận thông tin trong lĩnh vực tư pháp

Đối với Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, cùng với quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền, chủ trương từng bước công khai các bản án, phán quyết của Toà án đã xây dựng nền tảng cho việc công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan tư pháp. Luật Tổ chức Toà án nhân dân xác định nguyên tắc: Toà án xét xử công khai, trừ trường hợp cần xét xử kín để giữ gìn bí mật nhà nước, thuần phong mỹ tục của dân tộc hoặc để giữ bí mật của các đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ (Điều 7).

Các quy định pháp luật về tố tụng và thi hành án như quy định về quy trình thụ lý và giải quyết các vụ án, quy định việc cung cấp thông tin cho các đương sự trong vụ kiện dân sự, quy định công khai, minh bạch trong quá trình tranh tụng, quy định cho phép luật sư được tiếp cận với vụ án cũng như sao chụp các tài liệu phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp... đã thể hiện nghĩa vụ công khai, minh bạch hoạt động tư pháp trong thời gian qua.

Hạn chế lớn nhất trong công khai, minh bạch hoạt động trong lĩnh vực tư pháp hiện nay là các cơ quan tư pháp chưa chủ động niêm yết, công bố công khai, rộng rãi thủ tục, trình tự trong hoạt động tư pháp nên người dân gặp khó khăn khi yêu cầu cơ quan tư pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*2.5. Thực trạng tiếp cận thông tin thông qua báo chí*

Điều 2 Luật Báo chí năm 1989 quy định: Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí... Bên cạnh đó, Luật cũng quy định trách nhiệm của báo chí là: đăng, phát sóng tác phẩm, ý kiến của công dân; trong trường hợp không đăng, phát sóng, phải trả lời và nói rõ lý do. Bên cạnh việc thông tin cho công chúng, các cơ quan báo chí còn đóng vai trò là cầu nối để đưa yêu cầu cung cấp thông tin của công chúng tới các cơ quan nhà nước và chuyển tiếp câu trả lời của các cơ quan nhà nước tới công chúng. Điều này thể hiện ở việc hầu hết các cơ quan báo chí đều có các chuyên mục như “Trả lời bạn đọc”, “Chính sách mới, quyết định mới”, “Văn bản pháp luật”, “Đường dây nóng”, “Trả lời thư bạn đọc”, “Trả lời bạn xem truyền hình”, “Trả lời bạn nghe đài”, “ý kiến bạn đọc”... nhằm mục đích này.

Ngoài các hình thức yêu cầu cung cấp thông tin một cách trực tiếp và thông qua báo chí như đã nêu, công chúng còn có thể đưa ra yêu cầu tiếp cận với thông tin của các cơ quan nhà nước qua một số kênh khác, ví dụ như thông qua các đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp, hoặc thông qua các cuộc họp dân (họp đại diện gia đình trong thôn, tổ dân phố, họp cử tri…) hay thông qua hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đây là những kênh gián tiếp nhưng đang đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền tìm kiếm thông tin ở nước ta, vì đại bộ phận người dân Việt Nam vẫn còn chưa quen với việc gửi đơn trực tiếp yêu cầu các cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

**3. Một số hạn chế trong thực hiện quyền tiếp cận thông tin trước khi có Luật tiếp cận thông tin**

Mặc dù, quyền tiếp cận thông tin đã được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao (như Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh), nhưng trên thực tế thực hiện quyền tiếp cận thông tin của người dân còn chưa đạt được như quy định của pháp luật. Cụ thể, việc công bố, công khai thông tin còn chậm và hình thức, thiếu hiệu quả. Trong nhiều trường hợp, việc khai thác, tìm kiếm thông tin từ các cơ quan nhà nước thường bị gây phiền hà; quyền làm chủ, quyền được thông tin của người dân có lúc, có nơi bị hạn chế, thậm chí bị vi phạm nghiêm trọng.

Ví dụ như trường hợp một người dân cần thông tin về quy hoạch để mua đất nhưng bị UBND quận từ chối và giải thích đó là thông tin nội bộ; trường hợp một nhà báo công bố thông tin trong một văn bản lên báo, sau đó bị kiện với lý do văn bản đó có đóng chữ “mật”, trong khi chưa có quy định đáng tin cậy nào cho việc đóng chữ “mật” đó. Một địa phương đóng chữ “mật” cả lên danh bạ đại biểu HĐND, trong khi những đại biểu đó là do dân bầu lên để đại diện cho mình…

Việc tiếp cận thông tin do các cơ quan nhà nước nắm giữ vẫn còn khó khăn, dẫn tới tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan công quyền chưa được thực hiện, biểu hiện rõ nhất là trên lĩnh vực đất đai, đền bù giải tỏa, các dự án ưu đãi…Hiện tượng quan liêu, tham nhũng, cửa quyền, hách dịch trong cơ quan nhà nước vẫn còn phổ biến, dẫn đến khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp.

Việc công khai các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công việc làm ăn, sinh sống của doanh nghiệp, đến người dân không được đầy đủ, đồng bộ và không gắn liền với việc tuyên truyền rộng rãi, giải thích, giải đáp thắc mắc cụ thể để mọi người đều biết, đều hiểu được một cách cụ thể.

Một thực tế đáng phải suy nghĩ mà các doanh nghiệp Việt Nam đề cập đến nhiều lần, đó là thông tin đàm phán của Việt Nam trong quá trình gia nhập WTO. Với nhiều nước, những yêu cầu, đòi hỏi của doanh nghiệp nhanh chóng chuyển thành yêu cầu của quốc gia đó trên bàn đàm phán, thì đối với Việt Nam, những cam kết mở cửa thị trường, những thông tin trong quá trình đàm phán khác của  đang dường như là những thông tin không thể tiếp cận đối với doanh nghiệp.

Công khai mà không minh bạch là nhận định của nhiều doanh nghiệp, chuyên gia về cách thức lấy ý kiến văn bản pháp luật của nhiều cơ quan nhà nước hiện nay. Nhiều ý kiến đóng góp, phản hồi về văn bản, chính sách từ doanh nghiệp, hiệp hội đối với cơ quan nhà nước như rơi vào khoảng không thinh lặng. Không phản hồi, không giải trình, không lập luận, không phản biện tại sao không tiếp thu từ chính cơ quan lấy ý kiến. Đây thường là cách thức lấy ý kiến cho đủ thủ tục, tỏ ra cầu thị mà không đạt mục tiêu như mong muốn là văn bản pháp luật cần phản ánh được và cân nhắc đầy đủ các quan điểm khác nhau trong xã hội.

Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu còn phức tạp, phiền hà, do trình tự, thủ tục chưa được luật hoặc văn bản của Chính phủ quy định, nên việc cung cấp thông tin theo yêu cầu cá nhân, tổ chức còn phổ biến tình trạng gây khó khăn, phiền hà. Người dân rất khó để tiếp cận những thông tin cần thiết. Kém minh bạch luôn đi kèm với nhũng nhiễu. Các cơ quan nhà nước quản lý chuyên ngành, cơ quan chuyên về thống kê cũng chỉ có thói quen báo cáo theo yêu cầu của cấp trên. Thái độ không thiện chí trong cung cấp thông tin cũng phần nào xuất phát từ tình trạng thông tin gì cũng có thể dễ dàng quy là thông tin mật.

Những hiện tượng này cho thấy, Việt Nam chưa có quy định cụ thể về quyền tiếp cận thông tin của người dân, chưa quy định rạch ròi thông tin nào được phép cung cấp, thông tin nào không. Như vậy, chưa có khuôn khổ pháp lý để đẩy mạnh công khai, minh bạch, góp phần vào việc phát triển xã hội, chống tham nhũng. Thực tế cho thấy, việc công khai, cho phép được tiếp cận tất cả các thông tin về hoạch định chính sách pháp luật, về hoạt động của các cơ quan nhà nước, về chính sách thu hút đầu tư, quy hoạch, định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế, các thống kê về tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, các thủ tục hành chính cụ thể… là yêu cầu quan trọng. Để mọi người dân, tổ chức có thể tiếp cận những thông tin này cần phải có cơ chế bảo đảm việc thực hiện quyền được thông tin của người dân, quy định rõ cơ chế bảo đảm quyền yêu cầu tiếp cận thông tin của người dân cũng như việc bảo đảm thực hiện tốt việc công khai thông tin thuận tiện cho người cần sử dụng. Cung cấp được các thông tin cơ bản, tin cậy để mọi công dân, tổ chức, doanh nghiệp có thể bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình sẽ mang lại rất nhiều lợi ích, sẽ khuyến khích sự tham gia của người dân vào quá trình quản lý nhà nước một cách chủ động, thực chất và hiệu quả hơn, các doanh nghiệp chủ động hơn trong việc xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh… Thông tin phản hồi từ phía người dân sẽ giúp các cơ quan nhà nước cân nhắc, lựa chọn và đưa ra những chính sách, quyết định đúng đắn hơn, phù hợp với lòng dân hơn, tăng hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước.

**4. Những yếu tố tác động đến thực trạng quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam**

*4.1. Yếu tố chính trị:*

- Đảng lãnh đạo: Ở nước ta, Đảng là *“…lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.”*(2) nên rất dễ trở thành độc đoán, chuyên chế nếu không thực thi đầy đủ các nguyên tắc dân chủ và tăng cường hoạt động của các thiết chế dân chủ. Đảng lãnh đạo nên việc thông tin đến công chúng thường bị chi phối theo quan điểm và nhằm bảo vệ quyền lợi của Đảng cầm quyền là một tất yếu khó tránh khỏi. Tuy nhiên, bản chất của Đảng ta là đảng của nhân dân cần lao nên việc bảo vệ quyền lợi của Đảng cũng chính là bảo vệ quyền lợi của người lao động. Như vậy *“hoàn toàn không phải là hạ thấp bản chất giai cấp của Đảng, trượt sang quan điểm “đảng toàn dân” mà chính là thể hiện sự nhận thức bản chất giai cấp của Đảng một cách sâu sắc hơn, nhuần nhuyễn hơn. Nó đòi hỏi Đảng ta chẳng những phải trung thành với giai cấp công nhân, nâng cao lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân, mà còn phải học tập, kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tăng cường đoàn kết, tập hợp nhân dân phấn đấu vì lợi ích của cả giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc.”*(11) Mặc dù vậy, trong một số lĩnh vực, trên một số phương diện, Đảng ta cũng đang có những bước đi chưa thực sự hợp Hiến và cần có một sự giải thích thật sự hợp lý, khoa học để người dân có thể dễ chấp nhận và không cảm thấy đó là sự độc đoán, chuyên chế. Cụ thể như Điều 25 Hiến pháp 2013 đã quy định c*ông dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình.* Đã quy định là tự do thì không ai được phép xâm phạm, chà đạp các quyền đó. Có nghĩa là người dân phải được nói lên tiếng nói nội tâm của mình, nói ra những suy nghĩ sâu xa của mình. Và việc nói đó của người dân không bị xét là vi Hiến. Tuy nhiên, trên thực tế một số vấn đề được cho là nhạy cảm như Đảng cầm quyền, phương thức lãnh đạo của Đảng, đường lối kinh tế, dự án, tình trạng tham nhũng… người dân lại đang khó có thể nói lên tiếng nói của mình. Thực tế, đó chính là sự chưa bảo đảm quyền của người dân theo Hiến pháp. Khi không được tự do bàn luận về một số vấn đề của chính trị, pháp luật, xã hội thì cũng đồng nghĩa người dân không được tiếp cận thông tin cần thiết trong lĩnh vực họ quan tâm. Thiết nghĩ, trong thời đại công nghệ thông tin internet bùng nổ như hiện nay, trình độ văn hóa, ngoại ngữ của người dân ngày càng cao, nhu cầu và khả năng giao lưu quốc tế ngày càng lớn thì việc cấm đoán bàn luận vấn đề được cho là “nhạy cảm chính trị”, là “ảnh hưởng đến địa vị lãnh đạo của Đảng”… cũng sẽ trở lên hết sức phiêu lưu và khó có thể thực hiện được. Điều này khiến cho áp lực quản lý nhà nước về thông tin cũng hết sức khó khăn. Các cơ quan quản lý thông tin truyền thông vốn lực lượng đang bị dàn trải, lại quản lý một lĩnh vực có không gian rộng (bất cứ đâu trong và ngoài nước) và có chiều sâu (bất cứ ai dù quan chức hay dân thường) thể hiện tư tưởng, tâm tư, tình cảm của họ về một vấn đề nhất định thì khó có thể kiểm soát hiệu quả. Mặt khác, việc cụ thể một số quyền như biểu tình đến nay vẫn chưa có luật. Thực tế này cho thấy Đảng ta cần cởi mở hơn nữa về thông tin và tiếp cận thông tin để công tác quản lý nhà nước và xã hội của các cơ quan chức năng được bảo đảm, quyền tự do của người dân cũng được đảm bảo hơn và quan trọng là xã hội sẽ phát đạt hơn.

Chưa thể chế hóa kịp thời các quy định của Hiến pháp thành pháp luật, cộng thêm việc chưa cởi mở về sự tự do ngôn luận bày tỏ chính kiến của người dân sẽ khiến cho không khí chính trị trong nước sẽ bị cảm giác mất dân chủ chi phối. Thực tế thì người dân vẫn bàn luận những vấn đề quan tâm trên tất cả các phương diện chính trị, kinh tế, pháp luật, văn hóa, xã hội. Tầng lớp tri thức vẫn bàn luận cao xa những vấn đề mà họ quan tâm và đôi khi còn giữ vai trò chủ đạo trong định hướng dư luận của nhóm dân cư nhất định trên mọi diễn đàn, mọi phương tiện thông tin. Diễn đàn chính thống trong nước không được bàn luận thì họ bàn luận trên các diễn đàn quốc tế, diễn đàn phi chính thống. Đây là một điều nguy hiểm, vì bản chất của Đảng ta là *đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc*. Đã là đại biểu như vậy thì cần phải lắng nghe tiếng nói phản biện nhiều chiều từ phía người dân, còn việc có tiếp thu hay không và tiếp thu ở mức độ nào là do Đảng. Đối với mọi người dân, quyền được nói nếu không được bảo đảm thì sẽ làm tăng tính bức xúc của người dân với Đảng cầm quyền, lúc đó dù Đảng tốt mấy thì cũng dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng tuyên truyền nhảm là xấu, là mất dân chủ, mất nhân quyền…

Quyền tự do ngôn luận không được đảm bảo sẽ kéo theo quyền tiếp cận thông tin của người dân cũng sẽ không được đảm bảo. Vì tất yếu các thông tin trái chiều đến từ xã hội cũng sẽ không được chuyển tải đến người dân. Điều này sẽ khiến Đảng ta dễ xa rời quần chúng, trở nên độc đoán, chuyên chế và bất lợi cho hoạt động của Đảng trong quá trình lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

- Nhà nước quản lý: Nhà nước được xác định là trung tâm quyền lực chính trị - là công cụ giai cấp để Đảng cầm quyền biến các chủ trương, đường lối của mình thành hiện thực, vì xét cho cùng thì*“Tính giai cấp của nhà nước thể hiện ở chỗ nhà nước là bộ máy đặc biệt do giai cấp cầm quyền tổ chức ra”*(12) nên trong quá trình thực thi các hoạt động của mình, nhà nước luôn thể hiện rõ vai trò là nhà tổ chức quản lý và liên tục có các hoạt động cung cấp thông tin đến người dân. Các cơ quan nhà nước về cơ bản đã công khai rất nhiều thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng, tuy nhiên thông tin đưa ra công chúng được đánh giá là rất chậm chạp, tản mạn, đôi khi là trái chiều và ít có sự tổng hợp, bình luận, đánh giá và đưa ra kết luận vấn đề để người dân nắm vững thông tin được tiếp cận. Đặc biệt là chưa đưa ra những khuyến nghị cho người dân về hậu quả kèm theo của thông tin. Trong các chính sách có liên quan đến thông tin chưa đề cao tính chịu trách nhiệm của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong cung cấp thông tin nói chung và thông tin thất thiệt cho người dân nói riêng. Ví dụ: Thông tin về việc di dời Thủ đô Hà Nội về khu vực Ba Vì được đưa ra Quốc hội thảo luận đã dẫn đến việc người dân đổ xô đi mua đất ở khu vực Ba Vì, nhưng sau đó lại không di chuyển nữa. Hậu quả là rất nhiều người dân đã đầu tư vào đất đai, nhà cửa, hàng quán… ở Ba Vì và các quốc lộ đổ về Ba Vì trong chu vi khoảng 20 km gây ra lãng phí và thiệt hại rất lớn cho người dân. Nếu trong trường hợp này người dân được khuyến nghị trước thì sẽ tránh được những thất thoát, lãng phí không đáng có. Mặc dù trong khuôn khổ pháp lý để xét thì việc Quốc hội đưa ra họp bàn về việc dời Thủ đô về Ba Vì là không vi phạm luật, còn việc người dân chưa có thông tin đích xác đã tự đầu tư thì sự thiệt hại không thể đổ lỗi cho các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, xét về góc độ dư luận và tâm lý xã hội thì việc có thông tin di dời Thủ đô cũng làm xáo động rất nhiều đối với nhân dân. Vì trước khi có các thông tin chính thống về việc di dời này được Quốc hội đưa ra họp bàn và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về nội dung Quốc hội họp bàn thì đã nảy sinh những luồng dư luận phi chính thống khiến cho các hoạt động mua bán đất đai, xây dựng công trình… trong nhân dân cũng đã rất sôi động và phổ biến. Luồng dư luận phi chính thống này cũng chưa từng được cơ quan quản lý nào xác nhận về tính có thật hay không để cảnh báo người dân. Trong trường hợp này, rõ ràng nếu người dân được tiếp cận thông tin chính xác hay được khuyến nghị trước thì sẽ giảm thiệt hại rất nhiều.

Cá biệt, một số cơ quan nhà nước lại đưa ra những thông tin đã được xử lý khéo léo qua hoạt động thống kê và theo chiều hướng phục vụ chủ yếu cho các nhu cầu chính trị cá nhân, địa phương nên đã gây ra những sự hiểu nhầm của người dân trong hoạt động quản lý về tình hình tội phạm, tệ nạn ma túy, mại dâm, trộm cắp tài sản, sự tăng trưởng kinh tế… Điều này sẽ dẫn đến định hướng và quyết định sai lầm của người dân trong các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, dẫn đến tổn thất rất lớn cho người dân và gây lãng phí nguồn lực của đất nước.

Các hoạt động họp báo, ra thông cáo báo chí của nhiều cơ quan, tổ chức nhưng sau đó lại không tiến hành thực hiện các nội dung đã họp báo, thông cáo do tính không khả thi… cũng là những hoạt động cung cấp thông tin có khả năng gây ra sự thiệt hại lớn cho người dân và khiến dân mất niềm tin vào chính quyền.

*4.2. Yếu tố xã hội:*

+ Như đã phân tích ở trên, nhà nước luôn đưa đến công chúng các thông tin về quá trình hoạt động của mình trên mọi phương diện (cả trong và ngoài nước). Về cơ bản người dân đều nắm được các thông tin hàng ngày qua chương trình thời sự. Tuy nhiên, cần phải nhìn nhận thực tế khách quan là trình độ dân trí, học vấn, văn minh, văn hóa của nhân dân còn rất thấp, chưa có khả năng phân tích, tổng hợp thông tin để đưa ra những nhận định chính xác về thông tin được tiếp cận. Từ đó, dẫn đến tình trạng người dân sẽ không biết cần phải làm gì để quyền lợi của mình được bảo đảm. Trong vụ việc Quốc hội họp bàn di dời Thủ đô về Ba Vì cũng cho thấy người dân chưa có đủ tri thức để xử lý thông tin. Giai đoạn đó, cả nước đang nô nức hướng tới kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội, trên các phương tiện thông tin đại chúng đều khẳng định từ khi Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long đã hình thành nên một kinh đô phồn thịnh cho muôn đời, đủ sức chống đỡ với mọi kẻ thù và thúc đẩy giao lưu kinh tế bốn phương… Vậy, không có lý do gì để lại một lần nữa dân tộc ta phải chuyển kinh đô lên vùng trung du, miền núi.

+ Một số thiết chế xã hội thể hiện quyền làm chủ của ngýời dân nhý Hiệp hội an toàn thông tin, Hiệp hội chống hàng giả và bảo vệ thýõng hiệu Việt Nam, Hội bảo vệ quyền lợi ngýời tiêu dùng… lại chýa có hoạt ðộng quy củ, có chiều sâu, nên khi có các thông tin về vi phạm quyền lợi ngýời dân lại chýa có tiếng nói thiết thực, hành ðộng hiệu quả ðể bảo vệ ngýời dân. Bên cạnh ðó có thể thấy còn có một số thiết chế chính trị - xã hội thể hiện quyền làm chủ của người dân như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam…có tôn chỉ bảo vệ quyền lợi hội viên nhưng về cơ bản vẫn thiên về mục tiêu chính trị với ý nghĩa là cánh tay nối dài của Đảng nên tính bảo vệ, tính giám sát và phản biện xã hội còn nhiều hạn chế và vẫn mang nặng tính hình thức, vì trong chính bản thân hoạt động thực tiễn của các thiết chế này cũng chưa bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của thành viên nên khó có thể phát huy vai trò tích cực xã hội khác.

+ Sự thiếu minh bạch trong hoạt động tài chính của Nhà nước còn phổ biến, cộng thêm vai trò thực tế của các thiết chế dân chủ còn mang nặng tính hình thức, dẫn đến sự độc đoán, chuyên quyền trong các hoạt động của các chủ thể này còn nhiều. Từ đó kéo theo các hoạt động của một số cơ quan Nhà nước cũng có xu hướng bất minh và chuyên quyền nên những thông tin đưa ra vẫn tồn tại phổ biến trong tình trạng không minh bạch. Ví dụ, các báo cáo tài chính hàng năm cơ bản không đảm bảo tính chân thực, dẫn đến không đảm bảo đầy đủ quyền lợi hợp pháp của người dân, mặc dù thông tin đã có sự kiểm duyệt của kiểm toán hay các thiết chế tài chính khác, nhưng do có sự cấu kết hoặc “lách luật” hoặc thông tin không kịp thời… dẫn đến người dân vẫn trở thành nạn nhân của các hoạt động bất minh này.

**III. VAI TRÒ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CỦA QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN**

Các chuyên gia pháp lý cho rằng, quyền tiếp cận thông tin là quyền gốc, quyền của quyền nên cần xây dựng thiết chế để người dân có quyền chủ động tiếp cận thông tin, thay vì ở thế bị động, cơ quan Nhà nước cung cấp đến đâu biết đến đó như trước đây thì mới phòng, chống tham nhũng hiệu quả.

**1. Khó tiếp cận thông tin - gia tăng tùy tiện, tham nhũng**

Tham nhũng, tiêu cực luôn được coi là nguy cơ của mỗi quốc gia, diễn ra trong mọi lĩnh vực của hoạt động Nhà nước. Ở đâu có quyền lực, ở đó có nguy cơ quyền lực bị tha hóa và xảy ra tiêu cực, tham nhũng. Nguyên nhân có nhiều, nhưng một phần do hệ thống pháp luật còn nhiều bất cập “kẽ hở”, thông tin không được công khai, minh bạch. Ở mức độ nhất định, pháp luật hiện hành của nước ta đã ghi nhận quyền tiếp cận thông tin, song có nơi, có lúc vẫn khó khăn, thậm chí không thể tiếp cận được.

Thực tiễn cho thấy, còn một bộ phận cán bộ, công chức lợi dụng ví trí đặc quyền để trục lợi trong việc cung cấp thông tin, gây nên sự bất bình đẳng, thiếu công bằng trong xã hội. Thiếu thông tin cũng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả công việc của các cơ quan Nhà nước, đến năng lực thực thi công vụ của cán bộ, công chức dẫn đến tình trạng áp dụng pháp luật không thống nhất, thiếu bình đẳng, làm gia tăng sự tùy tiện, tham nhũng, tiêu cực. Nếu tạo được nền móng để công dân có thể tìm kiếm những thông tin liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, những thông tin ảnh hưởng tới quyền lợi của người dân sẽ góp phần đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Hơn nữa, thông tin không được cung cấp một cách chính thức, kịp thời dẫn đến việc người dân dễ tiếp nhận những thông tin sai lệch, làm ảnh hưởng đến đời sống sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, nguyên Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cũng đã yêu cầu "phải bảo đảm cung cấp thông tin chính thống, qua đó át đi những thông tin không chính thống".

**2. Cơ quan Nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin**

Các chuyên gia cho rằng, để việc tiếp cận thông tin của người dân không rơi vào bệnh hình thức, trước hết phải tạo cơ chế giải tỏa “nút thắt” về quan điểm thế nào là thông tin “mật”, ai có trách nhiệm cung cấp thông tin, chủ động công bố thông tin. Việc phải có một cơ chế giám sát việc thực thi quyền tiếp cận thông tin cũng quan trọng và cần được “luật hóa”.

Việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân cũng cần được quy định rõ ràng. Trước hết, thuộc về trách nhiệm của Nhà nước, của hệ thống các cơ quan Nhà nước bao gồm cơ quan lập pháp, hành pháp, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân để mọi công dân có quyền chủ động tiếp cận thông tin liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức như đất đai, môi trường, xây dựng, y tế, giáo dục...

Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, chủ thể phải cung cấp thông tin là tất cả các cơ quan Nhà nước và các tổ chức có sử dụng tài sản, ngân sách Nhà nước (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức do Thủ tướng thành lập, tổ chức sự nghiệp dịch vụ công, doanh nghiệp Nhà nước, quỹ được thành lập theo quy định của pháp luật), trừ tổ chức chính trị. Theo PGS.TS Phạm Hữu Nghị, Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, đây là “quan niệm chung trên thế giới”.

**3. Quy định rõ những thông tin hạn chế hoặc không được cung cấp**

Bên cạnh đó, luật cần “thiết kế” nêu rõ các thông tin cấm tiếp cận, hạn chế tiếp cận nhằm tránh tạo “khoảng tối” khiến người dân không thể biết được thông tin nào thuộc diện hạn chế tiếp cận, thông tin nào không.

Đó là thông tin về bí mật Nhà nước, bí mật cá nhân, bí mật kinh doanh… Đối với bí mật cá nhân, bí mật kinh doanh trong trường hợp xét thấy việc cung cấp thông tin là cần thiết để bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe của con người, bảo vệ môi trường vì lợi ích cộng đồng thì nên cho phép người đứng đầu cơ quan tạo ra và nắm giữ thông tin đó xem xét, quyết định cung cấp thông tin với thủ tục, quy trình chặt chẽ.

**PHẦN II**

**QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ TIẾP CẬN THÔNG TIN CỦA VIỆT NAM**

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

Quyền tiếp cận thông tin là một trong các quyền cơ bản của con người, của công dân thuộc nhóm quyền dân sự - chính trị đã được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền của Liên hợp quốc năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên. Quyền tiếp cận thông tin tiếp tục được khẳng định trong nhiều điều ước quốc tế khác như Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng, Tuyên bố Rio về Môi trường và phát triển, Công ước UNECE về tiếp cận thông tin môi trường.

Ở nước ta, Hiến pháp năm 1992 lần đầu tiên xác định quyền được thông tin là quyền cơ bản của công dân. Cụ thể hóa Hiến pháp, cùng với quá trình đổi mới kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền, trong những năm qua, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thực hiện và bảo đảm thực hiện quyền được thông tin của công dân trong một số lĩnh vực, góp phần xây dựng một xã hội cởi mở hơn về thông tin và một Chính phủ công khai, minh bạch hơn, trách nhiệm giải trình cao hơn trong hoạt động quản lý, điều hành đất nước, góp phần đưa chủ trương “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” từng bước đi vào cuộc sống. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện quyền được thông tin và pháp luật về quyền được thông tin của công dân ở nước ta thời gian qua còn có những vướng mắc, bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Cụ thể là:

*Thứ nhất,* về mặt thể chế, pháp luật hiện hành quy định chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ và chưa thống nhất về bảo đảm quyền được thông tin của công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 1992 và quyền tiếp cận thông tin của công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013. Cụ thể như sau:

- Hiến pháp năm 2013 kế thừa quy định của Hiến pháp năm 1992 về quyền được thông tin của công dân và sửa đổi thành quyền tiếp cận thông tin của công dân (Điều 25). Đồng thời, Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên quy định các nguyên tắc thực hiện quyền con người, quyền công dân, trong đó có quyền tiếp cận thông tin; khẳng định trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân (Điều 3), quy định nguyên tắc quyền con người, quyền công dân “chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng” (Điều 14).

Qua rà soát pháp luật hiện hành về bảo đảm và thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân trong các lĩnh vực cho thấy, pháp luật chưa xác định rõ quyền tiếp cận thông tin và nội hàm của quyền tiếp cận thông tin; quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin; chưa thể hiện rõ tinh thần của Hiến pháp về trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, cũng như các nguyên tắc, điều kiện hạn chế thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Một số văn bản dưới luật có quy định mang tính hạn chế quyền tiếp cận thông tin của công dân hoặc quy định hạn chế quyền tiếp cận thông tin không thuộc một trong các trường hợp được hạn chế theo quy định của khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013.

- Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên quy định cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước (Điều 2), đồng thời xác định trách nhiệm giám sát nhà nước, giám sát và phản biện xã hội của cơ quan đại diện nhân dân (Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước. Điều này đòi hỏi phải tăng cường tính minh bạch, công khai trong hoạt động của các cơ quan nhà nước nói chung và Chính phủ, bộ máy hành chính nói riêng - đây được coi là yếu tố then chốt của quản trị nhà nước, là một biểu hiện của “tăng tính dân chủ và pháp quyền trong điều hành của Chính phủ”[[2]](#footnote-3) và là công cụ giúp phòng, chống tham nhũng, tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tăng trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định đầy đủ về cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước và giám sát của xã hội đối với việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân.

- Pháp luật hiện hành quy định chưa rõ và chưa thống nhất về nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin; về cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin; về phương thức, hình thức, trình tự, thủ tục tiếp cận thông tin, do đó, chưa tạo cơ chế pháp lý đầy đủ, chặt chẽ nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân và trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

*Thứ hai,* về mặt thực tiễn, việc tiếp cận thông tin của công dân còn hạn chế:

- Nhu cầu thông tin của công dân đang ngày càng gia tăng, nhất là các thông tin liên quan trực tiếp đến việc thực hiện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân (như thông tin trong lĩnh vực quy hoạch đất đai, giao thông, xây dựng, đền bù, giải phóng mặt bằng,...). Trong khi đó, việc công khai và cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu của người dân, chưa tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin một cách chủ động, nhanh chóng và thuận tiện[[3]](#footnote-4).

Trên thực tế, phạm vi thông tin được công khai, hình thức công khai thông tin cũng như quy trình, thủ tục tiếp nhận yêu cầu và cung cấp thông tin theo yêu cầu tại các cơ quan nhà nước chưa được thực hiện thống nhất, còn phụ thuộc vào quyết định của từng cơ quan và thái độ phục vụ của công chức trực tiếp tiếp nhận yêu cầu. Việc đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin của công dân về hoạt động của các cơ quan nhà nước, về các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình còn hạn chế, nên người dân chưa thể chủ động thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, cũng như tham gia vào các hoạt động của Nhà nước và xã hội, đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật, giúp Nhà nước hoạch định chính sách, pháp luật vừa sát thực tế, vừa hợp với lòng dân, bảo đảm điều hành và quản trị xã hội hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, việc cung cấp thông tin còn nhiều bất cập đã dẫn đến nhiều hệ lụy, như một bộ phận cán bộ, công chức lợi dụng vị trí đặc quyền nắm giữ thông tin để trục lợi, tham nhũng, tiêu cực.

- Công dân chưa được bảo đảm cung cấp thông tin một cách chính thống bởi các cơ quan nhà nước tạo ra thông tin. Trên thực tế, việc cơ quan nhà nước không cung cấp thông tin chính thống, chính xác, đầy đủ, kịp thời trong một số trường hợp đã tạo cơ hội cho những thông tin không đúng sự thật, gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến trật tự và ổn định xã hội, ảnh hưởng tới sự đồng thuận xã hội trong việc xây dựng và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật.

Việc không minh bạch, kịp thời trong cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước cũng tạo nên sự bất bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, đồng thời dẫn đến nguy cơ rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cá nhân, các nhà đầu tư trong và ngoài nước; gây khó khăn cho việc xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, cản trở quá trình hội nhập quốc tế, từ đó làm ảnh hưởng đến tính cạnh tranh và sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

*Thứ ba,*quanghiên cứu một số điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên như đã báo cáo ở trên cho thấy, mặc dù chúng ta đã nội luật hóa các quy định liên quan đến quyền tiếp cận thông tin của các điều ước này trong một số luật như Luật phòng, chống tham nhũng, Luật bảo vệ môi trường... nhưng vẫn chưa đầy đủ, chưa bảo đảm tính tương thích với cam kết quốc tế này. Trong khi đó, trên bình diện quốc tế cũng như ở phạm vi quốc gia, quyền tiếp cận thông tin ngày càng được công nhận rộng rãi. Nhiều điều ước, hiệp ước quốc tế, kế hoạch hành động, tuyên bố quốc tế đã đưa ra những yêu cầu có tính ràng buộc hoặc khuyến nghị các quốc gia thành viên ban hành văn bản pháp luật ghi nhận quyền tiếp cận thông tin. Nhiều nước công nhận tầm quan trọng của tiếp cận thông tin không chỉ với tư cách là một trong những quyền cơ bản của con người mà còn là một công cụ quan trọng góp phần nâng cao khả năng điều hành của chính phủ, tăng cường tính minh bạch, phòng và chống tham nhũng trong hoạt động của các cơ quan chính phủ. Trên thế giới, ðến nay ðã có khoảng 100 nýớc ban hành đạo luật riêng quy định về quyền tiếp cận thông tin của công dân. Nước đầu tiên ban hành luật là Thụy Điển (năm 1766), đa số các nước còn lại ban hành luật vào những năm 90 trở lại đây. Ở châu Á, một số nước đã ban hành luật về tiếp cận thông tin như Thái Lan (năm 1997), Hàn Quốc (năm 1996 và sửa đổi năm 2004, năm 2008), Nhật Bản (năm 2001), Ấn Độ (năm 2005), Trung Quốc (năm 2007), Inđônêxia (2008)...

Từ những lý do nêu trên, việc xây dựng và ban hành Luật tiếp cận thông tin là rất cần thiết. Việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin với tư cách là quyền cơ bản của công dân có ý nghĩa làm tiền đề, điều kiện cho việc thực hiện các quyền tự do dân chủ khác của con người, của công dân mà Hiến pháp năm 2013 đã quy định, như quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, quyền bầu cử, ứng cử, quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân, quyền khiếu nại, quyền tố cáo, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí… Vì vậy, Luật tiếp cận thông tin được Ủy ban thường vụ Quốc hội xác định là một trong những dự án luật được ưu tiên ban hành trong nhóm các dự án luật liên quan đến bảo đảm quyền con người, quyền công dân nhằm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 (Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH ngày 02/01/2014[[4]](#footnote-5) của Ủy ban thường vụ Quốc hội).

**II. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO DỰ ÁN LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN**

**1. Giai đoạn năm 2008 - 2010**

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XII, Bộ Tư pháp đã tiến hành xây dựng dự án Luật tiếp cận thông tin và đã trình Chính phủ vào tháng 7 năm 2009[[5]](#footnote-6). Dự án Luật đã được chỉnh lý một bước theo ý kiến của các thành viên Chính phủ (tại Phiên họp ngày 05 tháng 8 năm 2009) và theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đã được trình xin ý kiến Bộ Chính trị (Tờ trình số 16-TTr/BCS ngày 18 tháng 3 năm 2010).

Bộ Chính trị đã họp, cho ý kiến về dự án Luật này và giao Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo Luật để trình Quốc hội vào thời điểm thích hợp (Thông báo số 326-TB/TW ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Văn phòng Trung ương Đảng).

**2. Giai đoạn năm 2010 - 2015**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, trong giai đoạn từ năm 2010 đến nay, Bộ Tư pháp đã phối hợp với một số bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai một số hoạt động nghiên cứu liên quan đến dự án Luật tiếp cận thông tin, chú trọng vào đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân và đánh giá pháp luật, hiệu quả thi hành pháp luật hiện hành về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin. Cụ thể như: nghiên cứu về sự cần thiết ban hành và thời điểm ban hành Luật tiếp cận thông tin (năm 2012)[[6]](#footnote-7); nghiên cứu, đánh giá về tính khả thi của việc cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước (năm 2013)[[7]](#footnote-8): nghiên cứu, điều tra xã hội học để đánh giá nhu cầu tiếp cận thông tin của công dân ở các vùng, miền và khả năng cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước (năm 2010 - 2012)[[8]](#footnote-9); nghiên cứu, rà soát hệ thống pháp luật hiện hành (trên 20 lĩnh vực với hơn 120 văn bản luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư) có liên quan đến bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân*.*

Theo Nghị quyết số 70/2014/QH13 ngày 02 tháng 7 nãm 2014 của Quốc hội, dự án Luật tiếp cận thông tin ðýợc ðýa vào Chýõng trình xây dựng luật, pháp lệnh nãm 2015. Bộ Tư pháp được Thủ týớng Chính phủ phân công là cơ quan chủ trì soạn thảo dự án Luật này (Quyết định số 1193/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2014).

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự án Luật trên cơ sở kiện toàn lại Ban soạn thảo, Tổ biên tập trước đây (theo Quyết định số 3522/QĐ-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014). Trong quá trình soạn thảo, Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm, cuộc họp với sự tham gia của các chuyên gia trong nước và nước ngoài, tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân với nhiều hình thức, quy mô khác nhau về những nội dung liên quan đến dự án Luật; đã nghiêm túc nghiên cứu kinh nghiệm pháp luật và áp dụng pháp luật của các nước phát triển cũng như các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước châu Á, như Trung Quốc, Thái Lan, Inđônêxia, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản...

Ngày 24 tháng 4 năm 2015, Bộ Tư pháp đã gửi hồ sơ dự án Luật đến các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan để lấy ý kiến; đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin tin điện tử của Bộ Tư pháp theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Các ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã được Bộ Tư pháp đã nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật.

Ngày 19 tháng 6 năm 2015, Hội đồng tư vấn thẩm định các dự án luật, pháp lệnh triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 đã họp cho ý kiến về dự án Luật nhằm bảo đảm cụ thể hóa đầy đủ, chính xác quy định, nội dung và tinh thần của Hiến pháp năm 2013; Hội đồng thẩm định (được thành lập theo Quyết định số 1087/QĐ-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp) đã tổ chức họp để thẩm định dự án Luật. Ý kiến của Hội đồng thẩm định đã được Bộ Tư pháp nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý dự án Luật*.*

Tại phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật ngày 27 tháng 7 năm 2015, Chính phủ đã thảo luận, cho ý kiến và thông qua dự án Luật tiếp cận thông tin để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ngày 09 tháng 8 năm 2015, Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội Tờ trình số 374/TTr-CP về dự án Luật tiếp cận thông tin, kèm theo dự thảo Luật và các tài liệu theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 12 tháng 8 năm 2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã cho ý kiến về dự án Luật tiếp cận thông tin.

Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Báo cáo Thẩm tra của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội và các chuyên gia, Chính phủ đã chỉ đạo nghiên cứu tiếp thu, chuẩn bị Tờ trình dự án Luật tiếp cận thông tin, chỉnh lý dự thảo Luật và Hồ sơ dự án Luật để trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến.

**III. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

Việc xây dựng dự án Luật tiếp cận thông tin được dựa trên các quan điểm chỉ đạo cơ bản sau đây:

1. Thể chế hoáchủ trương, chính sách của Đảng về "mở rộng dân chủ, bảo đảm quyền công dân, quyền con người", "tạo cơ chế nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, nhất là dân chủ trực tiếp"[[9]](#footnote-10), "bảo đảm quyền được thông tin" của công dân[[10]](#footnote-11).

2. Cụ thể hóa đầy đủ tinh thần và nội dung của Hiến pháp năm 2013 về công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các luật khác có liên quan.

3. Bảo đảm tính khả thi của dự thảo Luật trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam; tiến hành thận trọng, mở dần từng bước và phải phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, bảo đảm hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước.

**IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN**

Luật tiếp cận thông tin được Quốc hội thông qua ngày 06/4/2016 tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XIII, Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018. Luật gồm 5 chương, 37 điều.

**1. Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật**

Luật quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân; nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện quyền tiếp cận thông tin; trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân; quyền, nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

**2.** **Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Luật**:

***2.1. Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 13)***

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh, quyền tiếp cận thông tin của công dân, giải thích từ ngữ; nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin; quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin; Phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin; Cách thức tiếp cận thông tin ; các hành vi bị nghiêm cấm; chi phí tiếp cận thông tin; khiếu nại, khởi kiện, tố cáo; xử lý vi phạm; áp dụng pháp luật về tiếp cận thông tin.

*2.1.1. Nguyên tắc bảo đảm và chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin*

Hiến pháp năm 2013 quy định về quyền tiếp cận thông tin của công dân được cụ thể hóa trong Luật về nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin. Theo đó, Luật đưa ra 06 nhóm nguyên tắc như sau:

- Mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

- Thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ.

- Việc cung cấp thông tin phải kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

- Việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác.

- Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

Để thực hiện nguyên tắc ”mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt, đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin”, Điều 4 của Luật quy định cụ thể chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin như sau:

+ Công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định của pháp luật.

+ Người mất năng lực hành vi dân sự thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật.

Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin thông qua người giám hộ.

+ Người dưới 18 tuổi yêu cầu cung cấp thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp luật về trẻ em và luật khác có quy định khác.

*2.1.2. Thông tin công dân được tiếp cận và không được tiếp cận và được tiếp cận có điều kiện*

Các thông tin mà công dân được tiếp cận là thông tin của cơ quan nhà nước (gồm các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp) trừ thông tin không được tiếp cận là thông tin về bí mật quốc gia, bí mật đời tư, bí mật kinh doanh).

- Thông tin thuộc bí mật nhà nước, bao gồm những thông tin có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác theo quy định của luật.

Khi thông tin thuộc bí mật nhà nước được giải mật thì công dân được tiếp cận theo quy định của Luật này.

- Thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ.

**b) Thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện**

- Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý.

- Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý.

- Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Như vậy, ngoài hai loại thông tin không được tiếp cận và thông tin được tiếp cận có điều kiện thì công dân có quyền tiếp cận với các thông tin khác của cơ quan nhà nước.

*2.1.3* *Quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin*

Luật quy định công dân có quyền: Được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời; được khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin. Đồng thời công dân có nghĩa vụ: Tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin; Không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp; Không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

Công dân được tiếp cận thông tin bằng các cách thức sau:

- Tự do tiếp cận thông tin được cơ quan nhà nước công khai;

- Yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

Khi công dân được cung cấp thông tin (thông tin được cơ quan nhà nước công khai) thì không phải trả phí, lệ phí (trừ trường hợp luật khác có quy định). Người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin.

Người yêu cầu cung cấp thông tin có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với cơ quan nhà nước, người có trách nhiệm cung cấp thông tin. Công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin. Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo trong việc tiếp cận thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và pháp luật về tố tụng hành chính.

*2.1.4. Phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin*

Cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, trừ thông tin công dân không được tiếp cận; đối với thông tin mà công dân được tiếp cận có điều kiện thì cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra và thông tin do mình nhận được để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Cơ quan nhà nước trực tiếp tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin, trừ các trường hợp sau đây:

- Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- Văn phòng Chủ tịch nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chủ tịch nước tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Đoàn đại biểu Quốc hội tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp cho công dân cư trú trên địa bàn thông tin do mình và do các cơ quan ở cấp mình tạo ra, thông tin do mình nhận được để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; cung cấp cho công dân khác thông tin này trong trường hợp liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định đầu mối thực hiện cung cấp thông tin trong hệ thống tổ chức của mình.

*2.1.5.* *Các hành vi bị nghiêm cấm và xử lý vi phạm*

Nghiêm cấm việc thực hiện các hành vi sau trong việc tiếp cận và cung cấp thông tin:

- Cố ý cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, trì hoãn việc cung cấp thông tin; hủy hoại thông tin; làm giả thông tin.

- Cung cấp hoặc sử dụng thông tin để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết, kích động bạo lực.

- Cung cấp hoặc sử dụng thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây kỳ thị về giới, gây thiệt hại về tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

- Cản trở, đe dọa, trù dập người yêu cầu, người cung cấp thông tin.

Cá nhân thực hiện việc cung cấp thông tin và người yêu cầu cung cấp thông tin có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Người cung cấp thông tin thực hiện một trong các hành vi bị nghiêm cấm mà gây thiệt hại thì cơ quan nhà nước cung cấp thông tin phải bồi thường thiệt hại, cá nhân có hành vi vi phạm có trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Người thực hiện quyền tiếp cận thông tin sử dụng thông tin được cung cấp gây ảnh hưởng xấu đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

***2.2. Công khai thông tin (từ Điều 17 đến Điều 22)***

*2.2.1.Các thông tin công khai rộng rãi*

Luật quy định các thông tin phải được công khai rộng rãi gồm:

- Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;

- Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;

- Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, Điều chỉnh địa giới hành chính;

- Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;

- Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước;

- Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các Khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các Khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;

- Thông tin về danh Mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn;

- Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nýớc tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

- Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động;

- Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan nhà nước ban hành;

- Báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh Mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

- Danh mục thông tin phải công khai theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 34 của Luật này; tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

- Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

- Thông tin về thuế, phí, lệ phí;

Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Ngoài thông tin nêu trên, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ.

2.2.2. *Hình thức, thời điểm công khai thông tin*

a) Các hình thức công khai thông tin bao gồm: Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; Đăng Công báo; Niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước và các địa Điểm khác; Thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật; Các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định.

Trường hợp pháp luật có quy định về hình thức công khai đối với thông tin cụ thể thì áp dụng quy định đó. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thông tin thì căn cứ vào Điều kiện thực tế,cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này bảo đảm để công dân tiếp cận được thông tin.

Đối với đối tượng là người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ngoài các hình thức quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước xác định hình thức công khai thông tin phù hợp với khả năng, Điều kiện tiếp cận thông tin của công dân.

**-** Công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử

Trong các thông tin công khai rộng rãi, phải công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử các thông tin sau :

+ Văn bản quy phạm pháp luật; Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;

+ Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;

+ Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;

+ Thông tin về danh Mục dự án, chương trình và kết quả thực hiện đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, các nguồn vốn vay;

+ Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, sơ đồ tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước, người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

+ Báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; thông tin về danh Mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

+ Danh mục thông tin phải được công khai, trong đó phải nêu rõ địa chỉ, hình thức, thời điểm, thời hạn công khai đối với từng loại thông tin;

+ Các thông tin nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

+ Các thông tin khác mà pháp luật quy định phải đăng trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử.

Việc công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện theo kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định tại Luật này có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu đã được nhập vào danh Mục và phải xếp loại theo cách thức, hình thức tạo thuận lợi cho việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân; bảo đảm thông tin có thể được lưu trữ điện tử, phải được số hóa trong một thời hạn thích hợp và được để mở cho mọi người tiếp cận; đồng thời, phải kết nối với mạng điện tử trên toàn quốc để có thể truy cập dễ dàng từ các hệ thống khác nhau.

Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phải được liên kết, tích hợp với cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan trực thuộc để cập nhật thông tin, tạo thuận lợi cho công dân trong việc tìm kiếm, khai thác thông tin.

Ngoài các thông tin nêu trên, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động đăng tải thông tin khác do mình tạo ra trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử.

Trường hợp cơ quan nhà nước chưa có cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử, căn cứ vào Điều kiện thực tế, có trách nhiệm công khai thông tin bằng hình thức thích hợp khác.

- Công khai thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng: Cơ quan nhà nước cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời cho cơ quan thông tin đại chúng những thông tin theo quy định của pháp luật phải được công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. Việc đăng, phát thông tin trên báo chí thực hiện theo quy định của pháp luật về báo chí. Khi đăng, phát thông tin, cơ quan thông tin đại chúng phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin.

**-** Đăng Công báo, niêm yết: Việc công khai thông tin bằng hình thức đăng Công báo, niêm yết được thực hiện theo quy định của pháp luật. Đối với những thông tin được công khai bằng hình thức niêm yết mà pháp luật chưa quy định cụ thể về địa Điểm, thời hạn niêm yết thì phải được niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước hoặc địa Điểm sinh hoạt cộng đồng trong thời hạn ít nhất là 30 ngày.

b) Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải công khai thông tin.

*2.2.3.* *Xử lý thông tin công khai không chính xác*

- Trường hợp phát hiện thông tin do mình tạo ra và đã được công khai không chính xác thì cơ quan đó có trách nhiệm kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

- Trường hợp phát hiện thông tin do cơ quan khác tạo ra nhưng do mình công khai không chính xác thì cơ quan đã công khai thông tin có trách nhiệm kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

- Trường hợp phát hiện thông tin do mình tạo ra nhưng được cơ quan khác công khai không chính xác thì cơ quan tạo ra thông tin có trách nhiệm yêu cầu cơ quan đã công khai thông tin kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

- Trường hợp công dân cho rằng thông tin công khai không chính xác thì kiến nghị với cơ quan đã công khai thông tin đó. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan đó có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của thông tin và trả lời cho công dân; trường hợp xác định thông tin công khai không chính xác thì phải kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

Thông tin công khai không chính xác bằng hình thức nào thì phải được đính chính bằng hình thức đó.

***2.3. Cung cấp thông tin theo yêu cầu (từ Điều 23 đến Điều 31)***

Chương này quy định loại thông tin được cung cấp theo yêu cầu; hình thức yêu cầu cung cấp thông tin; hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu; tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin; các trường hợp từ chối yêu cầu cung cấp thông tin; tiếp cận một phần hồ sơ, tài liệu; trình tự, thủ tục cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin và qua dịch vụ bưu chính.

2.3.1. Những thông tin được cung cấp theo yêu cầu:

- Là những thông tin phải công khai nhưng trong thời hạn công khai mà chưa được công khai hoặc thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật hoặc Thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được (như người yêu cầu đang mắc bệnh phải điều trị trong bệnh viện hoặc người yêu cầu đang bị thiên tai lũ lụt không có điều kiện tiếp cận với thông tin đã được công khai).

- Là những thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình đủ điều kiện cung cấp (được chủ sở hữu bí mật kinh doanh đồng ý, được cá nhân, thành viên gia đình đồng ý).

- Thông tin liên quan đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu cung cấp thông tin nhưng không thuộc loại thông tin phải công khai và thông tin cung cấp có điều kiện.

Ngoài ra, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn, điều kiện và khả năng thực tế của mình, cơ quan nhà nước có thể cung cấp thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ.

2.3.2. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu

*a) Hình thức yêu cầu cung cấp thông tin*

Người yêu cầu có thể yêu cầu cung cấp thông tin bằng các hình thức sau đây:

- Trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác đến trụ sở của cơ quan nhà nước yêu cầu cung cấp thông tin.

Người tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hướng dẫn người yêu cầu điền các nội dung vào Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin. Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin không biết chữ hoặc bị khuyết tật không thể viết yêu cầu thì người tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm giúp điền các nội dung vào Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

- Gửi Phiếu yêu cầu qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax đến cơ quan cung cấp thông tin.

Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin phải được thể hiện bằng tiếng Việt gồm các nội dung chính sau đây:

+ Họ, tên; nơi cư trú, địa chỉ; số chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu của người yêu cầu; số fax, điện thoại, địa chỉ thư điện tử (nếu có);

+ Thông tin được yêu cầu cung cấp, trong đó chỉ rõ tên văn bản, hồ sơ, tài liệu;

+ Hình thức cung cấp thông tin;

+ Lý do, mục đích yêu cầu cung cấp thông tin.

Trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin có điều kiện thì phải kèm theo văn bản đồng ý của cá nhân, tổ chức liên quan.

*b) Hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu*

Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu được thực hiện bằng một trong các hình thức sau đây:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin;

- Qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax.

Cơ quan nhà nước được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin theo hình thức mà người yêu cầu đề nghị phù hợp với tính chất của thông tin được yêu cầu cung cấp và khả năng của cơ quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*c) Tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin*

- Cơ quan nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin và vào Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu.

- Trường hợp Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin chưa đầy đủ, chưa rõ ràng các nội dung trong Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm hướng dẫn người yêu cầu bổ sung.

- Trường hợp thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp thì cơ quan nhận được yêu cầu phải thông báo và hướng dẫn người yêu cầu đến cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin.

Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin thông báo về thời hạn, địa Điểm, hình thức cung cấp thông tin; chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax (nếu có) và phương thức, thời hạn thanh toán; thực hiện việc cung cấp thông tin theo trình tự, thủ tục quy định.

Cơ quan nhà nước từ chối cung cấp thông tin trong các trường hợp sau đây:

+ Thông tin không được tiếp cận; thông tin không đáp ứng điều kiện đối với thông tin được tiếp cận có điều kiện

+ Thông tin được công khai (trừ trường hợp chưa được công khai hoặc hết thời hạn công khai hoặc vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được);

+ Thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp;

+ Thông tin đã được cung cấp hai lần cho chính người yêu cầu, trừ trường hợp người yêu cầu có lý do chính đáng;

+ Thông tin được yêu cầu vượt quá khả năng đáp ứng hoặclàm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan;

+ Người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax.

Khi từ chối cung cấp thông tin, cơ quan nhà nước phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*d) Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin*

Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì người yêu cầu cung cấp thông tin được trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc yêu cầu cung cấp ngay bản sao, bản chụp tài liệu.

Đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải thông báo cho người yêu cầu đến trụ sở để đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc nhận bản sao, bản chụp tài liệu hoặc có văn bản thông báo về việc từ chối cung cấp thông tin. Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 10 ngày làm việc và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

*Đ) Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin qua mạng điện tử*

Việc cung cấp thông tin qua mạng điện tử được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Thông tin được yêu cầu phải là thông tin thuộc tập tin có sẵn và có thể truyền tải qua mạng điện tử;

- Cơ quan nhà nước có đủ điều kiện về kỹ thuật để cung cấp thông tin được yêu cầu qua mạng điện tử.

Việc cung cấp thông tin qua mạng điện tử được thực hiện bằng các cách thức sau đây:

+ Gửi tập tin đính kèm thư điện tử;

+ Cung cấp mã truy cập một lần;

+ Chỉ dẫn địa chỉ truy cập để tải thông tin.

Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin. Đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản về thời hạn giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin. Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin hoặc có văn bản thông báo từ chối cung cấp thông tin. Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

*e) Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax*

Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin.

Đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản về thời hạn giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin. Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin hoặc có văn bản thông báo từ chối cung cấp thông tin. Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

2.3.4. Xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác

- Kinh phát hiện thông tin do mình cung cấp không chính xác thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện, cơ quan nhà nước có trách nhiệm đính chính và cung cấp lại thông tin.

- Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin cho rằng thông tin được cung cấp là không chính xác thì có quyền yêu cầu cơ quan đã cung cấp thông tin cung cấp lại thông tin chính xác.

Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm xác định tính chính xác của thông tin và trả lời cho người yêu cầu; nếu thông tin đã cung cấp không chính xác thì phải đính chính và cung cấp lại thông tin.

- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không thể xác định được tính chính xác của thông tin do mình nắm giữ thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được đề nghị của người yêu cầu cung cấp thông tin, Ủy ban nhân dân cấp xã phải đề nghị cơ quan tạo ra thông tin xem xét. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan tạo ra thông tin phải xác định tính chính xác của thông tin và trả lời cho Ủy ban nhân dân cấp xã; nếu thông tin đã cung cấp không chính xác thì phải gửi kèm theo thông tin chính xác. Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải đính chính lại thông tin hoặc thông báo cho người yêu cầu cung cấp thông tin biết.

2.4. Trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân (từ Điều 33, Điều 34, Điều 35)

Luật quy định cụ thể các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân; trách nhiệm của cơ quan cung cấp thông tin; trách nhiệm của Chính phủ, các bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, các cơ quan nhà nước có trách nhiệm:

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

- Vận hành cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin mà cơ quan có trách nhiệm cung cấp theo quy định của Chính phủ.

- Tăng cường cung cấp thông tin thông qua hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước và phương tiện thông tin đại chúng.

- Xác định đơn vị, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin.

- Bố trí hợp lý nơi tiếp công dân để cung cấp thông tin phù hợp với Điều kiện của từng cơ quan.

- Củng cố, kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và Điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu tại trụ sở cơ quan nhà nước và qua mạng điện tử.

Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin phải :

- Công khai, cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ; trong trường hợp phát hiện thông tin đã cung cấp không chính xác hoặc không đầy đủ thì phải đính chính hoặc cung cấp bổ sung thông tin;

- Chủ động lập, cập nhật, công khai Danh mục thông tin phải được công khai và đăng tải Danh Mục trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; thường xuyên cập nhật và công khai thông tin theo đúng thời Điểm, thời hạn và hình thức theo Danh Mục thông tin phải được công khai;

- Duy trì, lưu giữ, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin có trách nhiệm cung cấp, bảo đảm thông tin có hệ thống, đầy đủ, toàn diện, kịp thời, dễ dàng tra cứu;

- Bảo đảm tính chính xác, đầy đủ của thông tin. Việc chuyển giao thông tin giữa các hệ thống dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật;

- Hướng dẫn kỹ thuật các biện pháp và quy trình bảo vệ thông tin và bảo vệ các hệ thống quản lý thông tin;

- Rà soát, phân loại, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp;

- Kịp thời xem xét, cân nhắc lợi ích của việc cung cấp thông tin để công khai thông tin hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu nhằm bảo đảm lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

- Ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của mình, gồm các nội dung chính sau đây: xác định đầu mối cung cấp thông tin; việc chuyển giao thông tin của đơn vị tạo ra cho đơn vị đầu mối cung cấp thông tin; việc phân loại thông tin được cung cấp và không được cung cấp; cập nhật thông tin được công khai, thông tin được cung cấp theo yêu cầu; trình tự, thủ tục xử lý yêu cầu cung cấp thông tin giữa đơn vị đầu mối với đơn vị phụ trách cơ sở dữ liệu thông tin và các đơn vị có liên quan;

- Rà soát các quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để kịp thời đề xuất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật này;

- Giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về tiếp cận thông tin theo quy định của pháp luật;

- Báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân tại cơ quan mình khi được yêu cầu.

Người đứng đầu đơn vị được giao làm đầu mối cung cấp thông tin chịu trách nhiệm bảo đảm thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin của cơ quan mình, kịp thời xử lý người cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi cản trở quyền tiếp cận thông tin của công dân. Người được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ cho công dân; không được nhũng nhiễu, gây cản trở, khó khăn trong khi thực hiện nhiệm vụ.

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định. Bộ Thông tin và Truyền thông giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn kỹ thuật các biện pháp và quy trình bảo vệ thông tin và bảo vệ các hệ thống quản lý thông tin. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ theo dõi chung việc thi hành Luật này. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý nhà nước trên địa bàn, thi hành các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng dẫn của Chính phủ.

2.5. Điều khoản thi hành (từ Điều 36, Điều 37)

Về điều khoản áp dụng, Luật quy định người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có quyền yêu cầu cung cấp thông tin liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của họ (Điều 36). Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin được áp dụng theo quy định như đối với người Việt Nam.

Công dân có thể yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp của mình trong trường hợp nhiều người của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp đó cùng có yêu cầu cung cấp thông tin giống nhau.

**PHẦN II**

**KINH NGHIỆM QUỐC TẾ**

**VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN**

**I. PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN**

**1. Sự phát triển của quyền tiếp cận thông tin theo pháp luật quốc tế, pháp luật khu vực và pháp luật quốc gia**

*Quyền tiếp cận thông tin* (hay còn gọi là quyền tự do thông tin hoặc *quyền tiếp cận thông tin*) được ghi nhận như một trong những quyền cơ bản của con người và được các văn kiện pháp lý quốc tế xếp trong nhóm các quyền dân sự - chính trị. Dưới góc độ pháp lý, khái niệm *“quyền tiếp cận thông tin”* được sử dụng để biểu đạt một loại quyền rất căn bản mà mọi người ở tất cả các quốc gia đều có quyền được hưởng, dù theo cách thức trực tiếp hay gián tiếp, đó là quyền được biết thông tin của nhà nước để thỏa mãn các nhu cầu trong cuộc sống của mình cũng như để bảo vệ và thực hiện các quyền năng khác đã được pháp luật ghi nhận.

***1.1. Pháp luật quốc tế về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin:***

Khái niệm quyền được thông tin xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1766 tại Thụy Điển trong Luật về Tự do báo chí[[11]](#footnote-12). Đạo luật này, một mặt, cho phép tự do ngôn luận *“trừ trường hợp báng bổ và chỉ trích Nhà nước”*, mặt khác, công nhận cho công dân có quyền được *“tiếp cận tài liệu công”[[12]](#footnote-13).* Đây là hai khía cạnh cơ bản, quan trọng nhất trong nội hàm của khái niệm quyền tiếp cận thông tin. Về mặt lịch sử lập pháp, có lẽ trong suốt gần hai thế kỷ sau khi các nhà lập pháp Thụy Điển cho ra đời khái niệm quyền được thông tin nói trên, chưa ghi nhận được văn bản pháp lý nào chứa đựng những quy phạm tiến bộ hơn và sâu sắc hơn khái niệm quyền được thông tin của Luật về Tự do báo chí của Thụy Điển. Chỉ sang đến Thế kỷ XX, trong bối cảnh sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nhà lập pháp quốc tế mới phát triển khái niệm này đến một biên độ mới, đem đến cho nó những sắc thái mới của thời kỳ dân chủ và quyền bình đẳng của con người trên bình diện toàn thế giới. Đó chính là nền tảng để khái niệm này được chính thức ghi nhận trong hai công ước quốc tế là Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người của Liên hợp quốc năm 1948[[13]](#footnote-14) và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966[[14]](#footnote-15). Đây chính là hai văn kiện pháp lý quốc tế có tính chất nền tảng ghi nhận các quyền pháp lý cơ bản của con người về dân sự, chính trị, mà quyền tiếp cận thông tin được coi là quyền cơ bản nhất trong nhóm các quyền dân sự, chính trị đó. Sau khi được chính thức ghi nhận trong hai văn kiện pháp lý quốc tế nêu trên, quyền tiếp cận thông tin tiếp tục được ghi nhận trong nhiều văn bản quốc tế quan trọng khác như Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003, Tuyên bố Rio về Môi trường và phát triển năm 1992, Công ước UNECE về tiếp cận thông tin môi trường[[15]](#footnote-16) v.v…

Cùng với Liên Hợp Quốc, Tổ chức vì An Ninh và Hợp tác của Châu Âu (OSCE), Tổ chức các quốc gia châu Mỹ cũng đã cùng nhau tuyên bố quyền tiếp cận thông tin là quyền con người đồng thời đưa ra những luận điểm và nguyên tắc chính cho quyền tiếp cận thông tin (Tuyên bố ngày 6/12/2004[[16]](#footnote-17)).

Tự do thông tin cũng được đề cập trong các văn kiện pháp lý quốc tế khác như: Hiến chương Châu Phi về Quyền con người (Điều 9); Hiến chương Châu Mỹ về Quyền con người (Điều 13).

Hội Đồng Châu Âu cũng có Công ước về tiếp cận các tài liệu chính thức, thông qua ngày 17/11/2008, trong đó ghi nhận tính minh bạch của các cơ quan công quyền là yếu tố then chốt của quản trị nhà nước, là một biểu hiện của tính dân chủ và là công cụ giúp chống tham nhũng và tăng cường sự tham gia của công dân trong các vấn đề công.

Trong Nguyên tắc Johannesburg về An ninh quốc gia, Tự do ngôn luận và Tiếp cận thông tin năm 1995[[17]](#footnote-18) cũng ghi nhận quyền tự do ngôn luận và quyền tiếp cận thông tin, thẩm quyền của Chính phủ trong việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin nhưng chỉ trong trường hợp cần thiết và chỉ khi ảnh hưởng tới quyền lợi và an ninh quốc gia một cách hợp pháp (cơ sở này là tiêu chuẩn của luật quốc tế và khu vực).

Kể từ đó đến nay, trên bình diện quốc tế cũng như ở phạm vi quốc gia, quyền tiếp cận thông tin ngày càng được công nhận rộng rãi. Nhiều điều ước, hiệp ước quốc tế, kế hoạch hành động, các tuyên bố quốc tế đã đưa ra những yêu cầu có tính ràng buộc hoặc khuyến nghị các quốc gia thành viên ban hành văn bản pháp luật ghi nhận quyền được thông tin. Ngày càng có nhiều quốc gia công nhận tầm quan trọng của tiếp cận thông tin không chỉ với tư cách là một trong những quyền cơ bản của con người mà còn là một công cụ quan trọng góp phần nâng cao khả năng điều hành của Chính phủ, tăng cường tính minh bạch, phòng và chống tham nhũng trong hoạt động của các cơ quan Chính phủ[[18]](#footnote-19).

***1.2. Pháp luật khu vực về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin***

Ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương, việc ban hành pháp luật trong lĩnh vực này có phần chậm hơn và hạn chế hơn. Ôxtralia và Newzeland là những quốc gia đầu tiên của châu Á ban hành Luật liên quan đến quyền tiếp cận thông tin nhưng Luật Tự do thông tin Liên bang của Ôxtralia phần lớn bị ảnh hưởng tiêu cực từ các Chính phủ kế nhiệm nên chưa thực sự phát huy tác dụng. Thái Lan cũng đã ban hành Luật Tự do thông tin nhưng ảnh hưởng của đạo luật này chưa được rõ ràng. Nhật Bản ban hành Luật Tự do thông tin vào năm 2000 và sau đó các chính quyền địa phương của Nhật Bản cũng đã ban hành văn bản pháp luật về tự do thông tin trong phạm vi địa phương mình.

Tại khu vực Trung Đông hiện nay mới chỉ có Israel đã ban hành Luật Tự do thông tin quốc gia. Hiện nay, Jordan, Palestine, và gần đây là Morocco và Hy Lạp đang trong quá trình xem xét ban hành Luật này.

Ở Châu Phi, Luật Tăng cường tiếp cận thông tin của Nam Phi có một số điểm tiến bộ so với Luật của bất kỳ nơi nào trên thế giới. Tuy nhiên, do thiếu ngân sách trong quá trình tổ chức thực hiện, hiện nay việc thi hành Luật này chưa đạt được hiệu quả thực tiễn. Gần đây nhất, Quốc hội Uganda đã ban hành Luật Tự do thông tin vào tháng 5 năm 2005 và đạo luật này mới có hiệu lực thi hành. Các nhà lãnh đạo của Kenya và Nigeria cũng đã cam kết sẽ ban hành Luật trong một tương lai gần. Rất nhiều các quốc gia khác ở châu Phi cũng đang trong quá trình xem xét để ban hành Luật này, đặc biệt là các quốc gia là thành viên Khối thịnh vượng chung.

Bên cạnh việc hiện diện một cách độc lập trong các đạo luật đơn hành, quyền tiếp cận thông tin hay quyền được thông tin – với tư cách là một trong những quyền cơ bản của công dân – đã được ghi nhận trong rất nhiều bản Hiến pháp của các quốc gia trên thế giới[[19]](#footnote-20). Trong vòng 10 năm qua, số lượng các bản Hiến pháp có các quy định về quyền tiếp cận thông tin đã tăng nhanh một cách đáng kể. Hầu hết trong các bản Hiến pháp thành văn mới ban hành của các quốc gia đang chuyển đổi, đặc biệt là ở Đông Âu, Trung Âu và Châu Mỹ La tinh đều có quy định về quyền tiếp cận thông tin. Ngoài ra, ở một số quốc gia mà Hiến pháp đã được ban hành từ lâu đời như Phần Lan, Nauy, gần đây đã có xu hướng sửa đổi Hiến pháp của mình để bổ sung một số quy định về quyền tiếp cận thông tin.

***1.3. Pháp luật một số quốc gia về quyền tiếp cận thông tin***

Sau đạo luật về Tự do báo chí được ban hành năm 1766 tại Thụy Điển, sang Thế kỷ 20, với việc thừa nhận rộng rãi quyền tự do dân chủ và quyền con người, đặc biệt sau sự ra đời của Tuyên bố toàn thế giới về nhân quyền năm 1948 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, một xu hướng thực sự về việc pháp luật hoá quyền tiếp cận thông tin đã hình thành trên phạm vi toàn cầu. Trong xu thế đó, từ 50 năm qua, đặc biệt là trong khoảng mười năm gần đây, nhiều đạo luật về tiếp cận thông tin đã được một số quốc gia ban hành.

Xu thế này, thoạt tiên xuất phát từ các quốc gia phát triển ở phía Bắc địa cầu, nhưng hiện nay đã lan rộng trên toàn cầu và tại khắp các lục địa. Có thể kể đến một số quốc gia như Hoa Kỳ ban hành luật Tự do thông tin (năm 1966), Canada (1983), Hungary (1992), Anh (năm 2000), Nam Phi (năm 2000), Mêhicô … Trên thế giới, tính đến thời điểm năm 2009, đã có 86 nước ban hành Luật về tiếp cận thông tin.

Ở Trung Quốc, một vài địa phương như Quảng Châu, Thượng Hải đã ban hành các văn bản pháp luật về tự do thông tin như là một biện pháp về phòng chống tham nhũng. Trong khi đó, Hồng Kông đã có một bộ luật về ứng xử từ năm 1996 trong đó có chứa các quy phạm liên quan đến quyền tiếp cận thông tin. Ở Indonexia, Malayxia và Campuchia, những người ủng hộ xã hội dân sự đang tích cực đề nghị ban hành Luật Tự do thông tin tại quốc gia mình.

Ở một số quốc gia[[20]](#footnote-21), Tòa án tối cao đã ra phán quyết rằng, quyền tiếp cận thông tin là quyền Hiến định và là một yếu tố điển hình của quyền tự do ngôn luận và quyền tự do báo chí. Khoảng một nửa trong số các quốc gia mà quyền tiếp cận thông tin được ghi nhận trong Hiến pháp đã ban hành các đạo luật đơn hành về tiếp cận thông tin hoặc tự do thông tin.

Ở một số quốc gia, tầm quan trọng của Luật Tiếp cận thông tin chỉ xếp sau Hiến pháp. Một số đạo luật về tự do thông tin hoặc tiếp cận thông tin nêu rõ, các quy định về quyền tiếp cận thông tin, tự nó, đã là các quy định Hiến định, như tại Thụy Điển, Luật Tự do báo chí là một trong bốn đạo luật nền tảng tạo thành Hiến pháp của Thụy Điển.

Một số quốc gia lại quy định Luật về Tiếp cận thông tin có địa vị pháp lý cao hơn các đạo luật khác. Ở Canada, Tòa án đã tuyên bố rằng Luật về Tiếp cận thông tin là quy định *“mang tính chất của Hiến pháp”*. Ở Newzeland, vào năm 1988, Tòa phúc thẩm đã phán quyết rằng *“tầm quan trọng của Luật Thông tin chính thức là ở chỗ các biện pháp trong Luật này có thể được coi là các biện pháp mang tính Hiến định”*.

Nhiều quốc gia khác cũng có quan điểm mở về tiếp cận thông tin và tự do thông tin. Đặc biệt ở các nước Bắc Âu với mô hình xã hội dân chủ và nhà nước phúc lợi, quyền tiếp cận thông tin hay quyền được biết được coi là một công cụ quan trọng để đảm bảo quyền dân chủ của công dân trong nhà nước pháp quyền.

**2. Quan điểm tiếp cận và các nguyên tắc cơ bản đối với yêu cầu xây dựng Luật Tiếp cận thông tin của các quốc gia[[21]](#footnote-22), Luật tiếp cận thông tin của Liên hợp quốc nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin**

Về quan điểm tiếp cận, các quốc gia cần quy định trách nhiệm mà cơ quan nhà nước phải cung cấp thông tin cho công chúng, đó là, mọi thông tin tạo ra trong quá trình điều hành, quản lý nhà nước không phải là tài sản riêng của cơ quan công quyền, nó là một loại tài sản công được tạo ra bởi rất nhiều thiết chế trong xã hội mà cơ quan công quyền chỉ là một bộ phận trong thiết chế đó. Bởi vậy, về nguyên tắc, cơ quan nhà nước nắm giữ thông tin công đó (bao gồm cả thông tin pháp lý, các văn bản hành chính công v.v…) có trách nhiệm phải cung cấp thông tin công nói trên cho công chúng theo phương thức phi lợi nhuận. Các thiết chế khác trong xã hội, các tổ chức không thuộc nhà nước cũng có quyền được yêu cầu cung cấp và sử dụng thông tin công nếu việc sử dụng thông tin đó không nhằm mục đích kinh doanh.

Để có thể xây dựng một đạo luật trong đó quyền tiếp cận thông tin của công dân được bảo đảm, đặc biệt là khi thực thi các quyền này trên thực tiễn, hầu hết các quốc gia đã thiết lập một hệ thống quan điểm tiếp cận vấn đề này dựa trên các nguyên lý cơ bản sau đây:

*Thứ nhất,* các quy định về quyền tiếp cận thông tin và việc thực thi các quyền này trên thực tế phải được xây dựng dựa trên khái niệm *“mở”,* theo đó, về mặt pháp luật, cần hạn chế thấp nhất những phạm vi *“không được mở”* trên cơ sở cân đối giữa nhu cầu quản lý của nhà nước với nhu cầu thông tin của công chúng; về mặt thực thi pháp luật, nhất thiết phải có hành vi tích cực của các cơ quan công quyền. Ý nghĩa thực tiễn của nguyên lý này là ở chỗ, *một mặt*, công chúng cần được tiếp cận với *“Chính phủ mở”[[22]](#footnote-23)* và các thông tin mà Chính phủ, các cơ quan hành chính nhà nước, toà án hay nghị viện đang nắm giữ; *mặt khác*, nhất thiết cần có sự chủ động, tích cực của các cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin cho công chúng.

*Thứ hai,* quyền tiếp cận thông tin là yếu tố gắn liền với quyền được biết thông tin và nó không thể tách rời quyền tự do ngôn luận; việc công dân được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin là nền tảng căn bản để hình thành và xây dựng niềm tin của công dân với nhà nước.

*Thứ ba,* để đảm bảo việc thực hiện hiệu quả và nghiêm túc việc cung cấp thông tin cho công chúng, cần có một cơ quan giám sát độc lập, nằm ngoài hệ thống tổ chức của các cơ quan nắm giữ thông tin, có trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình cung cấp thông tin cho công chúng.

Những nguyên lý cơ bản nói trên đã được thể hiện rất rõ trong Điều 19 Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948 và Điều 19 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị của Liên Hợp Quốc năm 1966.

Trên cơ sở quan điểm tiếp cận đó, Liên Hợp Quốc đã xây dựng bộ Nguyên tắc về Luật Tự do thông tin và quyền được thông tin để thực hiện hai Điều khoản đều mang “mã số” 19 trong hai văn kiện quốc tế nêu trên. Nguyên tắc về Luật tự do thông tin và quyền được thông tin (hay còn gọi là quyền được biết)[[23]](#footnote-24) của công chúng đã được Ủy ban Nhân quyền của Liên Hợp Quốc thông qua tại Phiên họp thứ 56 (năm 2000), bao gồm 9 nguyên tắc cơ bản sau đây:

* *Nguyên tắc 1:* Mở thông tin tối đa (trên cơ sở luật và các nguyên tắc, quy định cụ thể).
* *Nguyên tắc 2:* Nghĩa vụ công bố (của các cơ quan công quyền).
* *Nguyên tắc 3:* Thúc đẩy Chính phủ mở (các cơ quan công quyền tích cực thực hiện cơ chế Chính phủ mở , xóa bỏ văn hóa bí mật trong quá trình điều hành đất nước) .
* *Nguyên tắc 4:* Hạn chế phạm vi các quy định về miễn trừ cung cấp thông tin, hạn chế danh mục mật (danh mục mật cần được quy định rõ ràng, minh bạch và phải bị hạn chế; thông tin bị hạn chế, nếu có, chỉ với mục đích bảo vệ quyền lợi chung của cộng đồng).
* *Nguyên tắc 5:* Đảm bảo tính khả thi của quá trình tiếp cận thông tin (cơ chế cung cấp thông tin nhanh, kịp thời, đầy đủ, hiệu quả và có đánh giá giám sát độc lập).
* *Nguyên tắc 6:* Chi phí tiếp cận thông tin (về cơ bản, người dân không phải trả chi phí, hoặc không phải trả chi phí quá cao cho việc yêu cầu cung cấp thông tin).
* *Nguyên tắc 7:* Công khai các cuộc họp (cho công chúng biết về các cuộc họp của các cơ quan công quyền bằng nhiều hình thức phù hợp như cung cấp văn bản, nói chuyện trực tiếp, cung cấp thong tin qua các phương tiện thông tin đại chúng, phương tiện truyền thông v.v…).
* *Nguyên tắc 8:* Sửa đổi, bổ sung các quy định để đảm bảo công khai thông tin (những luật, văn bản pháp luật không nhất quán với nguyên tắc về quyền tiếp cận thông tin cần được sửa đổi, bổ sung, chỉnh lý cho phù hợp với nguyên tắc này).
* *Nguyên tắc 9:* Bảo vệ người cung cấp thông tin.

**II. KINH NGHIỆM PHÁP LUẬT CÁC NƯỚC VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN**

Trong các đạo luật về tiếp cận thông tin/luật về tự do thông tin của các quốc gia trên thế giới, các nội dung cơ bản sau đây được coi là không thể thiếu:

* *Trách nhiệm cung cấp thông tin thuộc về những chủ thể nào? Nghĩa là, Luật sẽ được áp dụng với các cơ quan công quyền nào?*

*- Đối tượng áp dụng luật.*

* *Các cơ quan công quyền có trách nhiệm thực thi như thế nào để cung cấp thông tin và đáp ứng yêu cầu thông tin của công dân như thế nào ? - Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin.*
* *Những đối tượng nào cần thông tin? - Chủ thể của quyền tiếp cận thông tin.*
* *Có thể tiếp cận thông tin bằng cách nào? - Phương thức tiếp cận thong tin.*
* *Những thông tin nào có thể tiếp cận? Những thông tin nào không được tiếp cận? - Phạm vi cung cấp thông tin.*
* *Những hạn chế và thách thức của quyền tiếp cận thông tin - Liên quan đến phạm vi thông tin bí mật.*

**1. Khái niệm thông tin, quyền thông tin/quyền tiếp cận thông tin**

***1.1. Khái niệm thông tin***

Theo nguyên tắc thứ nhất của bộ nguyên tắc Luật tự do thông tin của tổ chức Article XIX về công khai thông tin một cách tối đa thì “thông tin bao gồm tất cả các tài liệu được nắm giữ bởi một số tổ chức, cơ quan nào đó. Thông tin không phân biệt hình thức và cách thức được lưu trữ (văn bản, băng, bản ghi âm điện tử...), nguồn gốc thông tin (bất kể có thể tạo ra thông tin, ở các cơ quan công hay những nơi khác) và ngày sản xuất. Pháp luật cũng cần áp dụng với những bản ghi âm đã được phân loại giống như tất cả những loại hồ sơ khác”

Luật các nước đều dành riêng một số điều khoản để định nghĩa “thông tin”. Theo Luật về quyền được thông tin của Ấn độ năm 2005, thông tin có nghĩa là bất kỳ hình thức nào, bao gồm các hồ sơ, tài liệu, bản ghi nhớ, thư điện tử, các quan điểm, các lời tư vấn, các thông cáo báo chí, thông tư, sắc lệnh, mô hình, tư liệu lưu giữ dưới dạng điện tử và bất kỳ thông tin nào liên quan đến bất kỳ chủ thể tư nhân nào mà có thể phải tiếp cận bởi một nhà chức trách công cộng theo như quy định trong bất kỳ Luật nào khác đang có hiệu lực (Điều 2). Pháp lệnh của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa về công khai thông tin của chính quyền quy định: thông tin của chính quyền được nêu trong Pháp lệnh này được hiểu là bất cứ thông tin nào được tạo ra hoặc thu được trong quá trình thực thi chức năng nhiệm vụ chính thức của các cơ quan công quyền, mà được ghi chép hoặc lưu giữ dưới bất kỳ hình thức nào (Điều 2). Với cách hiểu như vậy, thông tin được khuyến khích mở một cách tối đa cho sự tiếp cận. Theo đó, khái niệm về “thông tin” có thể được tiếp cận trong các đạo luật về tự do thông tin, tiếp cận thông tin cũng được hiểu rộng hơn các “tài liệu hành chính” hoặc “tài liệu chính thức”, ví dụ tài liệu chính thức thì sẽ không bao gồm “tin tức”[[24]](#footnote-25).

***1.2. Về quyền thông tin***

Quyền thông tin được hiểu là quyền của các chủ thể được tiếp cận các thông tin đang được cơ quan nhà nước quản lý hoặc kiểm soát. Quyền này bao gồm các quyền: được xem các tác phẩm, tài liệu, hồ sơ; được ghi chép, trích dẫn, sao chụp các tài liệu, hồ sơ đó; được thu thập thông tin dưới dạng các đĩa mềm, thẻ nhớ, băng ghi âm, băng hình hoặc bất kỳ dạng thiết bị điện tử nào khác v.v...[[25]](#footnote-26)

Quyền thông tin là một quyền có giới hạn, có nghĩa là không được tự do tiếp cận tất cả các tin tức của nhà nước đang nắm giữ hoặc được tự do tìm kiếm, tiếp cận tất cả các loại hồ sơ, tài liệu lưu giữ thông tin ngay cả khi được gọi là "tự do thông tin". Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 ghi nhận việc thực hiện những quyền tự do ngôn luận, tiếp cận thông tin kèm theo những nghĩa vụ và trách nhiệm đặc biệt. Do đó, việc này có thể phải chịu một số hạn chế nhất định, tuy nhiên, những hạn chế này phải được quy định trong pháp luật và là cần thiết để tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác; bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của xã hội (khoản 3 Điều 19). Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là chủ thể nào được hạn chế quyền thông tin?

Theo nội dung quy định trên, những giới hạn của quyền thông tin phải được “pháp luật cho phép hay quy định trước[[26]](#footnote-27), có nghĩa là việc giới hạn thực hiện quyền này phải được quy định cụ thể trong pháp luật của quốc gia. Mỗi nước cần xác định rõ những loại thông tin nào là thông tin công cần phải được công khai, và những loại thông tin nào cần phải được bảo mật. Nguyên tắc chung là không cần thiết phải giữ kín nếu như việc tiết lộ các loại thông tin đó không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, sức khỏe, đạo đức của công chúng; không phương hại tới quyền hoặc uy tín của người khác[[27]](#footnote-28).

Công ước về quyền trẻ em cũng đề cập tới nội dung và giới hạn của quyền thông tin và “việc thực hiện quyền này có thể phải chịu một số hạn chế nhất định, nhưng những hạn chế này phải được quy định bằng pháp luật là cần thiết để tôn trọng các quyền và danh dự của người khác, để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, đạo đức và sức khỏe cộng đồng” - khoản 2 Điều 13 Công ước.

Tuy nhiên, vấn đề là các quốc gia quan niệm như thế nào về các khái niệm “an ninh quốc gia”, “trật tự công cộng (“public order” hay “ordre public”). Ở Việt Nam, khái niệm “public order” còn khá xa lạ với nhiều người và gây nhiều tranh cãi. Ngay cả khái niệm “an ninh quốc gia” và “bí mật nhà nước” hiện cũng đang có một khoảng “sân” rất rộng cho quyền tự quyết của các cơ quan nhà nước, cơ quan thi hành pháp luật.

Nếu phạm vi thông tin không được tiếp cận càng lớn thì phạm vi, giới hạn quyền thông tin của cá nhân, tổ chức lại bị thu hẹp. Tùy thuộc vào môi trường chính trị, kinh tế, xã hội và các nhân tố khác trong từng giai đoạn lịch sử của quốc gia, dân tộc quyết định mà nhà nước, cơ quan, tổ chức công khai những thông tin được gọi là “bí mật”.

Nhằm thực hiện quyền thông tin, ngày càng có nhiều quốc gia trên thế giới ban hành luật có tên gọi phổ biến là Luật tự do thông tin, Luật Tiếp cận thông tin hoặc Luật về công khai thông tin.

# 2. Về chủ thể tiếp cận thông tin, chủ thể cung cấp thông tin

***2.1. Về chủ thể tiếp cận thông tin:***

Chủ thể mang quyền tiếp cận thông tin có thể được xác định trong các văn kiện quốc tế[[28]](#footnote-29), trong Hiến pháp hoặc trong các đạo luật về tiếp cận thông tin hay về công khai hoạt động của chính quyền.

Theo pháp luật của phần lớn các quốc gia, chủ thể của quyền thông tin có thể là cá nhân hay tổ chức. Đối với các chủ thể là cá nhân, một số Luật Tự do thông tin hoặc Luật Bảo vệ dữ liệu cho phép các cá nhân[[29]](#footnote-30) được tiếp cận tài liệu lưu trữ do các cá nhân và các tổ chức tư nhân nắm giữ, đồng thời cũng cho phép tiếp cận hoặc sửa đổi các tài liệu lưu trữ cá nhân[[30]](#footnote-31). Cá nhân có thể là công dân, người không mang quốc tịch, người nước ngoài không cần tính đến việc họ có các lợi ích pháp lý liên quan hay không[[31]](#footnote-32); cụ thể hơn, có thể là trẻ em hay công chức nhà nước. Theo đó, các văn bản thường sử dụng các cụm từ như “mọi người”, “bất kể người nào”, “công chúng”[[32]](#footnote-33) để thể hiện tính phổ quát của quyền tiếp cận thông tin.

Bên cạnh đó, Hiến pháp và Luật một số nước quy định chủ thể là công dân: Hiến pháp Tây Ban Nha năm 1978 quy định công dân có quyền tiếp cận các tài liệu hành chính và hồ sơ của nhà nước, ngoại trừ trường hợp ảnh hưởng tới an ninh quốc gia, điều tra tội phạm và vi phạm và bí mật (Điều 105 khoản b); hoặc Luật về quyền được thông tin của Ấn Độ quy định tất cả công dân có quyền được thông tin theo quy định của Luật này (Điều 3).

Ngoài các chủ thể trên, Luật của một số nước cũng thừa nhận chủ thể của quyền tiếp cận thông tin có thể là tổ chức, pháp nhân[[33]](#footnote-34) hoặc một số chủ thể đặc biệt khác như trẻ em, những người có thể bị ảnh hưởng hay công chúng liên quan,...

***2.2.. Về chủ thể công khai thông tin:***

Luật tiếp cận thông tin của các quốc gia thường quy định người yêu cầu cung cấp thông tin có thể gửi cho bất cứ cho cơ quan công quyền nào có liên quan. Hầu hết luật của các nước đều quy định trách nhiệm cung cấp thông tin đối với ba loại cơ quan hành pháp, lập pháp và tư pháp[[34]](#footnote-35), tuy nhiên, các quốc gia đều tập trung điều chỉnh các cơ quan hành pháp và hành chính.. Mặc dù toà án được quy định là cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, nhưng chỉ giới hạn trong các thông tin không liên quan tới việc xét xử các vụ án. Cơ sở của việc quy định trách nhiệm cung cấp thông tin đối với cả ba nhánh quyền lực là các cơ quan này đều có thông tin mà người dân quan tâm và cần được công khai; còn việc bảo vệ những thông tin mật, qua đó, bảo vệ lợi ích chính đáng sẽ được thực hiện thông qua cơ chế ngoại lệ. Cũng có một số luật mở rộng phạm vi áp dụng đối với các doanh nghiệp nhà nước hoặc có luật quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin của doanh nghiệp nhà nước[[35]](#footnote-36). Ngoài ra, một số nước cũng quy định tổ chức tư nhân, cá nhân nắm giữ thông tin có trách nhiệm cung cấp thông tin[[36]](#footnote-37). Xuất phát điểm của quy định này là để bảo đảm quyền thông tin- quyền con người thì tất cả các cơ quan, tổ chức sử dụng quyền lực công hoặc tài sản, ngân sách do người dân đóng góp đều phải có trách nhiệm cung cấp thông tin, dù cơ quan đó được hình thành dưới hình thức nào và hoạt động theo nguyên tắc nào.[[37]](#footnote-38)

Hầu như tất cả các luật đều quy định các cơ quan, tổ chức nắm giữ thông tin bố trí đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin. Nhiều luật quy định việc bổ nhiệm các công chức tận tuỵ với công việc đảm nhiệm nhiệm vụ công chức thông tin nhằm hỗ trợ việc thực thi pháp luật[[38]](#footnote-39). Các công chức này thực hiện hàng loạt các chức năng từ giải quyết các yêu cầu cung cấp thông tin, bảo đảm việc công bố phổ biến thông tin chủ động, hỗ trợ người nộp đơn, đề xuất các thủ tục nội bộ nhằm thực thi pháp luật, tổ chức đào tạo, báo cáo.... Tại Uganda và Nam Phi, người đứng đầu các cơ quan công chịu trách nhiệm thực hiện chức năng của công chức thông tin, mặc dù họ có thể chỉ định những người được uỷ quyền để thực hiện các công việc hàng ngày. Tại Hoa Kỳ, bên cạnh các Công chức cấp trưởng phụ trách vấn đề thông tin, cơ quan công quyền còn phải chỉ định các trung tâm hỗ trợ người yêu cầu cung cấp thông tin, các cơ quan này cung cấp thông tin theo yêu cầu và hoạt động như đầu mối liên lạc công về tiếp cận thông tin, công chức giám sát việc giải quyết các khiếu nại nội bộ. Tại Mexico, bộ phận liên lạc thực hiện phần lớn các chức năng của công chức thông tin, trong khi các uỷ ban thông tin có nhiệm vụ giám sát hoạt động phân loại thông tin và xây dựng các tiêu chí quản lý tài liệu hồ sơ.

**3. Về thông tin được công khai, việc hạn chế công khai thông tin**

***3.1. Về thông tin được công khai***

Tính công khai, minh bạch trong hành chính công có nghĩa là những thông tin phù hợp được cung cấp kịp thời cho người dân dưới hình thức dễ sử dụng và đồng thời các quy định, quyết định của Chính phủ phải rõ ràng và được phổ biến đầy đủ.

Xuất phát từ trình độ phát triển của mình, các nước có cách quy định khác nhau về phạm vi, nội dung, các thông tin cần phải được công bố công khai trong luật của mỗi nước. Điều này phản ánh đặc điểm lịch sử cụ thể, sự phát triển kinh tế, xã hội, sự đa dạng về văn hoá, cũng như mối quan tâm khác nhau của công chúng đối với hoạt động của cơ quan nhà nước. Ví dụ: các nước có trình độ phát triển cao, có quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá từ lâu như Na Uy, Canada, luật tiếp cận thông tin không đề cập đến vấn đề đền bù, giải toả, cứu trợ… ngược lại, chúng lại là mối quan tâm của các nước đang phát triển, chẳng hạn như Trung Quốc.

Cách thức quy định phạm vi công khai thông tin cũng có sự khác nhau ở mỗi nước, có nước liệt kê danh mục thông tin cần phải công khai và tiếp đó là thông tin miễn trừ tiết lộ; một nhóm quốc gia lại thiên về liệt kê thông tin miễn trừ tiết lộ, hay thông tin hạn chế tiết lộ. Và như thế, những thông tin không thuộc phạm vi miễn trừ tiết lộ/hạn chế tiết lộ thì là thông tin được phép tiếp cận.

Các Luật Tự do thông tin quốc gia sử dụng rất nhiều thuật ngữ khác nhau để mô tả các thông tin mà cá nhân có quyền tiếp cận. Các đạo luật được ban hành từ lâu đời nói chung đều quy định về quyền tiếp cận hồ sơ tài liệu, tài liệu chính thức hoặc tài liệu[[39]](#footnote-40), trong khi các đạo luật mới được ban hành thì thường quy định về quyền thông tin. Trên thực tế, không có nhiều sự khác biệt bởi vì hiện nay hầu hết các đạo luật đã định nghĩa quyền thông tin theo nghĩa rộng nhằm bao hàm tất cả các loại thông tin mà không phụ thuộc vào hình thức chứa đựng các thông tin đó.

Luật của một số nước trên thế giới ghi nhận quyền thông tin chỉ áp dụng đối với các thông tin “được ghi và lưu trữ lại”[[40]](#footnote-41), điều này có thể tạo ra một khoảng trống đối với các thông tin được chuyển tải bằng lời nói (như một cuộc họp) mà đã được sử dụng trong quá trình ra quyết định[[41]](#footnote-42). Nhiều nước quy định rõ trong Luật yêu cầu công khai tất cả các thông tin được biết đến.

Các tài liệu ghi, lưu trữ thông tin do cơ quan nhà nước hoặc tư nhân nắm giữ là thông tin dưới mọi hình thức lưu giữ, không phụ thuộc vào hình thức định dạng hoặc môi trường lưu giữ hiện do cơ quan đó chiếm hữu, không phụ thuộc vào việc thông tin có do cơ quan đó tạo ra hay không. Các quy định của Luật áp dụng đối với các thông tin mà không phụ thuộc vào thời điểm thông tin được tạo ra và thông tin được coi là thuộc quyền chiếm hữu của một cơ quan nào đó khi thông tin ở trong tầm kiểm soát hoặc chiếm hữu của cơ quan đó. Quy định tưởng như đơn giản này nhưng đã bao hàm tất cả các thông tin dưới mọi định dạng do cơ quan nhà nước hoặc tư nhân nắm giữ và tạo cơ sở cho việc thực hiện nguyên tắc công khai hoá tối đa.

Thông tin được công khai bao gồm thông tin được cơ quan, tổ chức chủ động công khai, công bố và thông tin cung cấp theo yêu cầu, cụ thể:

*Thông tin được chủ động công khai, công bố:*

Hầu hết các nước đều có quy định chung đối với các cơ quan công quyền, đó là yêu cầu các cơ quan công quyền phải có nghĩa vụ công bố một số thông tin quan trọng, ngay cả khi không có yêu cầu. Thúc đẩy việc tiếp cận thông tin do các cơ quan công quyền nắm giữ sẽ hiệu quả hơn việc cung cấp thông tin thụ động khi có người yêu cầu[[42]](#footnote-43). Cách tiếp cận này ngày càng được thừa nhận là một trong những biện pháp quan trọng nhất để thúc đẩy việc tiếp cận thông tin[[43]](#footnote-44).

Luật tiếp cận thông tin của nhiều nước có quy định khuyến khích việc tiếp cận thông tin chủ động hoặc công bố thông tin đều đặn. Trong đó, phần lớn các quốc gia đều quy định một danh sách các loại thông tin/tài liệu phải công bố, phổ biến công khai hoặc cung cấp rộng rãi cho công chúng: thông tin về chức năng nhiệm vụ, hoạt động, cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức; thông tin về mục tiêu ngân sách, thông tin kiểm toán, kết quả đạt được trong hoạt động của cơ quan công quyền; thông tin hướng dẫn thủ tục, quy trình mà công chúng có thể áp dụng để sử dụng dịch vụ công do cơ quan cung cấp, hay để tham gia vào quá trình xây dựng chính sách hoặc đề xuất xây dựng luật pháp; các thông tin khác do cơ quan công quyền nắm giữ;... Danh sách cụ thể các thông tin cần được công bố tùy thuộc vào sự xem xét và cân nhắc của từng nước. Những văn bản thuộc diện phải công bố chủ động sẽ thuộc diện ngoại lệ không phải cung cấp theo yêu cầu[[44]](#footnote-45). Ngoài ra, việc công khai cho công chúng biết về thông tin các cuộc họp của các cơ quan công quyền cũng được thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp.

Luật mẫu về tự do thông tin quy định các cơ quan nhà nước, vì lợi ích công phải công bố và phổ biến thông tin ít nhất theo định kỳ hàng năm các thông tin chủ yếu như: - Mô tả cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và ngân sách hoạt động; - các thông tin chi tiết liên quan đến các dịch vụ mà cơ quan đó cung cấp cho công dân; - các yêu cầu trực tiếp hoặc cơ chế khiếu kiện liên quan đến công việc của cơ quan đó; tóm tắt các yêu cầu, khiếu kiện và tình hình giải quyết các yêu cầu, khiếu kiện đó; - hướng dẫn về hệ thống lưu giữ hồ sơ, các loại thông tin được lưu giữ và các hình thức lưu giữ thông tin, các loại thông tin cơ quan cung cấp và quy trình, thủ tục thực hiện một yêu cầu cung cấp thông tin; - bản mô tả thẩm quyền và trách nhiệm của các nhân viên chủ chốt trong cơ quan và quy trình thực hiện việc ra quyết định của cơ quan; - quy định, chính sách, pháp luật, pháp luật, cẩm nang liên quan đến việc thực hiện chức năng của cơ quan; - nội dung của tất cả các quyết định, chính sách mà cơ quan đó thông qua có ảnh hưởng tới công chúng và lý do, căn cứ ban hành các quyết định, chính sách đó; - cơ chế, thủ tục để công dân có thể tác động, phản ánh về hoạch định chính sách hoặc thực hiện thẩm quyền của cơ quan đó.

*Thông tin cung cấp theo yêu cầu:*

Luật của nhiều nước đã quy định một danh sách các loại thông tin, tài liệu phải công bố và được cung cấp theo yêu cầu. Danh sách cụ thể các thông tin được tiếp cận tùy thuộc vào sự xem xét của từng nước. Về nguyên tắc, tất cả những yêu cầu thông tin đối với cơ quan công quyền cần phải đáp ứng cho người có nhu cầu, trừ khi cơ quan đó chứng minh được rằng, thông tin yêu cầu đó thuộc loại hạn chế miễn cung cấp.

Bên cạnh đó, Luật của một số nước còn quy định thông tin theo yêu cầu cần phải có sẵn dưới dạng điện từ để thuận tiện cho việc cung cấp[[45]](#footnote-46).

***3.2. Về hạn chế cung cấp thông tin:***

Bảo đảm quyền thông tin không loại trừ việc hạn chế cung cấp thông tin trong một số trường hợp đặc biệt. Gần như tất cả các Luật Tự do thông tin đều có quy định về các loại thông tin có thể giữ bí mật, không công bố. Một số trường hợp ngoại lệ được quy định giống nhau ở hầu hết các đạo luật. Các ngoại lệ này bao gồm các thông tin về bảo vệ an ninh quốc gia và quan hệ quốc tế, quyền riêng tư cá nhân, bí mật thương mại, thi hành pháp luật và trật tự công cộng.

Cũng có những nước quy định miễn trừ thông tin đang trong quá trình thảo luận, chưa có quyết định chính thức về chính sách của các cơ quan công quyền[[46]](#footnote-47) hoặc các tài liệu lưu trữ về các phiên họp Nội các được giữ bí mật trong một thời gian nhất định. Tuy nhiên, cũng có nước quy định[[47]](#footnote-48) tài liệu của Nội các lại thường được công bố theo yêu cầu mà không bị trì hoãn. Về loại thông tin này hiện nay cũng còn có nhiều tranh cãi. Hầu hết các đạo luật đều quy định rằng, khi thiệt hại đã được giảm bớt thì thông tin cần được công bố. Các đạo luật khác cũng đặt ra các thời hạn cố định về giữ bí mật thông tin[[48]](#footnote-49).

Tuy nhiên, những trường hợp hạn chế cung cấp thông tin phải được coi như những ngoại lệ và các ngoại lệ này không nên được mở rộng. Khi đứng trước khả năng hạn chế cung cấp thông tin, các cơ quan Chính phủ cần thiết phải xem xét đến lợi ích công cộng trong việc công bố thông tin và phải chứng minh các thiệt hại có thể xảy ra nếu như muốn giữ bí mật thông tin. Yêu cầu phải chứng minh thiệt hại nói chung là khác nhau tùy theo loại thông tin được bảo hộ. Quyền riêng tư, bảo vệ quá trình ra quyết định nội bộ và an ninh quốc gia thường được hưởng mức độ bảo hộ cao nhất.

Danh mục thông tin hạn chế cung cấp hoặc từ chối không cung cấp được quy định tuỳ theo luật từng quốc gia và phải được lập luận thông qua minh chứng rằng thông tin đó thuộc danh mục hạn chế cung cấp. Tuy nhiên, phạm vi hoặc danh mục thông tin “mật” không công bố nói trên về nguyên tắc càng ít càng tốt. Bên cạnh đó, danh mục này cần được luật hóa một cách minh bạch trong luật Tự do thông tin hoặc trong một số luật liên quan khác. Cơ quan công quyền chỉ được từ chối không cung cấp thông tin nếu thông tin đó nằm trong danh mục này.

Theo Nguyên tắc thứ tư của Bộ Nguyên tắc của Liên Hợp Quốc, một số thông tin thuộc loại sau đây có thể được đưa vào danh mục miễn trừ: thông tin liên quan đến an ninh quốc gia, quốc phòng và quan hệ quốc tế; thông tin về việc phòng ngừa, điều tra và khởi tố hành vi phạm tội và hình sự; thông tin về bí mật thương mại, lợi ích kinh tế; liên quan đến chính sách kinh tế, tiền tệ, tỷ giá và những thông tin mà việc miễn trừ, không cung cấp chính là để đảm bảo sự an toàn của công chúng.

Luật Tiếp cận thông tin của Canada quy định khả năng từ chối cung cấp thông tin của người đứng đầu cơ quan Chính phủ: thông tin mà nếu tiết lộ sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Chính phủ, đến việc thực hiện công việc quốc tế, phòng vệ của Canada; tài liệu có chứa đựng thông tin mà việc tiết lộ có thể làm nguy hại đến an ninh cá nhân…

Luật của Hàn Quốc dành Điều 7 quy định “thông tin không công khai” như thông tin chứa bí mật hoặc được Luật khác quy định không công khai; thông tin nếu tiết lộ sẽ gây nguy hại lớn đến quyền lợi quốc gia như an ninh quốc gia, quốc phòng, sự thống nhất hoặc quan hệ ngoại giao…

**4. Hình thức công khai thông tin**

Thông tin ngày nay không còn được coi là quyền sở hữu của người nắm giữ thông tin nữa, mà còn được coi là tài sản quốc gia[[49]](#footnote-50). Chủ thể nắm giữ thông tin chủ yếu là các cơ quan công quyền và nhất là các cơ quan hành chính nhà nước. Do đó, người dân chỉ có thể tiếp cận thông tin nếu như các cơ quan nhà nước sẵn sàng và luôn luôn công bố thông tin, công khai thông tin và cung cấp theo yêu cầu của người dân. Luật của các nước đều quy định cơ quan nhà nước có nghĩa vụ phải chủ động công bố thông tin do mình nắm giữ và phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân, tổ chức. Theo đó, người dân được tiếp cận thông tin qua hai kênh chủ yếu đó là chủ động tiếp cận thông tin do cơ quan nhà nước công bố công khai và tiếp cận thông tin theo yêu cầu. Hai phương thức tiếp cận này xuất phát từ việc nhằm bảo đảm đến mức tối đa trong phạm vi có thể cho người dân tiếp cận thông tin và đặt ra yêu cầu đối với cơ quan nhà nước trong việc phải đăng tải và phổ biến rộng rãi những tài liệu liên quan nhiều đến lợi ích chung và chấp nhận yêu cầu cung cấp những thông tin mà người dân quan tâm, có nhu cầu được tiếp cận. Hơn nữa, nếu chỉ quy định cơ quan nhà nước chỉ cung cấp thông tin theo phương thức chủ động công khai thông tin do mình nắm giữ thì sẽ dẫn đến tình trạng việc cung cấp thông tin chỉ một chiều, xuất phát từ ý chí chủ quan của cơ quan nhà nước mà chưa nhằm để đáp ứng nhu cầu về thông tin của người dân. Khi đó, các cơ quan nhà nước chỉ chủ động công bố công khai những thông tin mà theo quy định phải công bố, còn những thông tin mà về nguyền tắc người dân có quyền tiếp cận, nhưng không có trong danh sách các loại thông tin phải chủ động công bố thì không được tiếp cận. Như vậy, nếu thiếu đi phương thức tiếp cận thông tin theo yêu cầu thì quyền tiếp cận thông tin của người dân có thể coi là chưa đầy đủ, toàn diện.

***4.1. Chủ động công khai thông tin ngay cả khi không có yêu cầu***

Pháp luật của nhiều nước quy định các cơ quan Chính phủ có nghĩa vụ phải cung cấp một số loại thông tin nhất định một cách tích cực. Các thông tin này thường bao gồm chi tiết về cơ cấu tổ chức và các quan chức chủ yếu của Chính phủ, nội dung của các đạo luật và quy định các đề xuất và chính sách hiện hành, các biểu mẫu và quyết định. Các đạo luật về tiếp cận thông tin mới ban hành có xu hướng quy định cụ thể danh mục các loại thông tin cần phải công bố. Việc công khai thông tin có thể bằng nhiều hình thức: đăng tải trên trang thông tin điện tử, trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua người phát ngôn. Luật mẫu về tự do thông tin dành một điều riêng về “trách nhiệm công bố thông tin”. Theo đó, các cơ quan nhà nước, vì lợi ích công phải công bố và phổ biến thông tin ít nhất theo định kỳ hàng năm các thông tin chủ yếu của mình.

Việc công khai thông tin một cách chủ động và tích cực như trên, ngoài việc bảo đảm cho công dân được chủ động tiếp cận với các thông tin cần thiết, còn mang lại những lợi ích nhất định cho cơ quan nhà nước, như: làm giảm gánh nặng hành chính khi phải trả lời trực tiếp những câu hỏi và yêu cầu cung cấp thông tin thông dụng. Việc công bố thông tin khi không có yêu cầu này có thể trực tiếp cải thiện tính hiệu quả của các cơ quan bởi vì các tài liệu mà công chúng có thể tiếp cận trực tiếp càng tăng lên thì số lượng các yêu cầu tiếp cận tài liệu sẽ càng giảm đi[[50]](#footnote-51). Do đó, nhiều cơ quan Chính phủ đã làm giảm đáng kể các yêu cầu cung cấp thông tin thông qua việc đăng công khai các tài liệu mà công chúng quan tâm trên trang tin điện tử của mình[[51]](#footnote-52).

Trong các hình thức chủ động công khai thông tin thì hình thức đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử là một trong những phương thức hữu hiệu để đăng tải thông tin nhanh nhất, ít tốn kém và hiệu quả nhất. Do đó, nhiều Luật tiếp cận thông tin của các quốc gia quy định các cơ quan Chính phủ phải có nghĩa vụ công bố các loại thông tin nhất định trên trang thông tin điện tử của mình theo định kỳ. Biện pháp này cho phép việc tiếp cận thông tin được thực hiện nhanh chóng và đỡ tốn kém cả về phía người dân lẫn cơ quan nắm giữ thông tin.

Các cơ quan công quyền công khai thông tin của các cuộc họp bằng nhiều hình thức phù hợp như họp báo, cung cấp văn bản, nói chuyện trực tiếp, cung cấp thông tin qua các phương tiện thông tin đại chúng, phương tiện truyền thông v.v...

***4.2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu***

Phần lớn các đạo luật tại các quốc gia đều hướng tới việc quy định các hình thức đơn giản nhất mà người dân có thể sử dụng khi yêu cầu cung cấp thông tin, thông thường, là các yêu cầu dưới dạng một văn bản, kể cả dưới hình thức văn bản điện tử (Nhật Bản, Ấn Độ, Canada, Mêhico). Một số đạo luật chấp nhận cả việc yêu cầu cung cấp thông tin qua điện thoại hoặc lời nói (Slovenia, Nauy,...).

Luật của các nước về cơ bản quy định chung rằng yêu cầu cung cấp thông tin phải được trả lời theo cách thức phù hợp với người nộp đơn. Người nộp đơn phảo viết rõ các hình thức tiếp cận như nhận bản sao của một tài liệu hoặc cung cấp bản sao có xác nhận, sao chép lại thông tin, cung cấp thông tin qua phương tiện thông tin điện tử, qua hệ thống cơ sở dữ liệu mở của cơ quan công quyền, như hệ thống dữ liệu thống kê, thư viện, các hệ thống cơ sở dữ liệu của từng cơ quan cụ thể, chỉ rõ nguồn mở của tài liệu, hoặc cung cấp nội dung của tài liệu tuỳ theo quy định phân loại tài liệu trong luật của từng quốc gia, nhất là đối với những tài liệu thuộc danh mục mật. Nhiều nước cho phép người nộp đơn lựa chọn một trong các hình thức tiếp cận như xem tài liệu, bản sao, bản sao điện tử hoặc một bản chính thức. Hình thức cụ thể thường bị từ chối trong một số trường hợp như có thể làm hỏng hổ sơ, có thể làm sai lệch hồ sơ gốc của cơ quan công quyền. Một số nước quy định cụ thể việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của người nộp đơn nếu hồ sơ được lưu bằng ngôn ngữ đó (Nam Phi và Azerbaijan). Luật của Uganda quy định về việc tiếp cận đặc biệt dành cho người khuyết tật và không thu thêm phụ phí.

Ngoài ra, để tiếp cận thông tin, công dân có quyền được biết, hoặc trong một số trường hợp, được quyền tham dự cuộc họp, cuộc tường trình của cơ quan công quyền, được tham dự phiên tòa v.v.... Một số hình thức khác để công khai thông tin đó là các cuộc tường trình, thảo luận của cơ quan công quyền như Quốc hội, phiên tòa của toà án cũng được ghi chép, ghi âm hay quay phim lưu trữ hoặc chiếu trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc truyền tải trên internet.

**5. Trình tự, thủ tục, thời hạn công khai thông tin**

Để bảo đảm cho người dân thực sự thực hiện quyền tiếp cận các thông tin công thì một trong các yêu cầu cơ bản là phải xây dựng được một trình tự, thủ tục đơn giản, công khai, minh bạch để người dân dựa vào đó có thể nhanh chóng thực hiện được quyền của mình, vì sự trì hoãn cung cấp thông tin nhiều khi đồng nghĩa với việc từ chối cung cấp thông tin và nếu thông tin không được cung cấp nhanh chóng thì có khả năng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và có thể dẫn tới khiếu nại, khiếu kiện. Bởi vậy, nhìn chung, luật của các quốc gia đều quy định khi nhận yêu cầu cung cấp thông tin từ công dân, những yêu cầu này cần được cơ quan nắm giữ thông tin xử lý nhanh và theo đúng trình tự pháp luật quy định[[52]](#footnote-53). Ngoài ra, luật của các nước cũng quy định một số nguyên tắc sau khi đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin[[53]](#footnote-54): người yêu cầu thông tin không phải đưa ra lý do giải thích động cơ của yêu cầu cung cấp thông tin; việc trả lời yêu cầu cung cấp thông tin, kể cả việc cung cấp văn bản tài liệu, cần được xử lý trong một thời hạn nhất định và thời hạn này là khác nhau tùy theo quy định của từng quốc gia dựa trên tính khả thi của cơ sở hạ tầng thông tin tại quốc gia đó (thường trong khoảng 15 – 30 ngày cho cơ quan nhà nước xem xét và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin. Luật một số quốc gia còn quy định khi nhận được yêu cầu cung cấp phải trả lời trong vòng 24 giờ hoặc 48 giờ đối với những trường hợp cung cấp thông tin đơn giản hoặc liên quan đến cuộc sống và tự do cá nhân; trường hợp phức tạp, cần thêm thời gian thì có thể gia hạn), ví dụ như đối với trường hợp yêu cầu phức tạp, đòi hỏi phải tìm hồ sơ tài liệu không sẵn có tại cơ quan cung cấp mà để ở các nơi khác hoặc phải tham vấn ý kiến của các cơ quan, tổ chức/cá nhân khác. Thông thường thì, thời gian mà người nộp đơn phải trả lời các câu hỏi liên quan đến làm rõ hơn một số chi tiết liên quan đến thông tin hoặc để trả lệ phí sẽ không được tình vào thời hạn yêu cầu trả lời. Ở nhiều nước, việc không trả lời được yêu cầu cung cấp thông tin trong thời gian hạn định được coi như việc từ chối yêu cầu cung cấp thông tin.

Luật ở phần lớn các nước không quy định nghĩa vụ của người yêu cầu phải nêu lý do trong yêu cầu cung cấp thông tin, thậm chí không phải khai các chi tiết về cá nhân mà chỉ khai những chi tiết nhằm mục đích liên hệ với người nộp đơn[[54]](#footnote-55). Nhiều luật quy định cụ thể rằng yêu cầu phải nộp tới các công chức cụ thể, ví dụ như các công chức phụ trách thông tin được bổ nhiệm, trong khi một số nước chỉ quy định đơn giản là yêu cầu có thể gửi tới cơ quan công quyền nơi nắm giữ thông tin.

Tại một số nước, đơn yêu cầu sẽ phải được thừa nhận một cách chính thức, người yêu cầu được cung cấp biên nhận để phòng trường hợp có vấn đề xảy ra hoặc để phục vụ mục đích khiếu nại (Slovenia). Phần lớn các luật đều quy định cụ thể về việc hỗ trợ cho những người có đơn yêu cầu, ví dụ như khi người yêu cầu gặp khó khăn trong việc mô tả thông tin đầy đủ thông tin cần tìm hoặc họ không thể tự viết đơn yêu cầu do mù chữ hay tàn tật. Ở Ấn Độ, luật còn quy định hỗ trợ người tàn tật tiếp cận các thông tin đã được công khai. Mức độ hỗ trợ có khác nhau song nhiều luật quy định một cách đơn giản là hỗ trợ “một cách hợp lý”.

Phần lớn các nước đều quy định việc chuyển giao yêu cầu, hoặc người nộp đơn sẽ được thông báo về việc thông tin do một cơ quan khác nắm giữ. Mức độ thực hiện việc chuyển giao này rất đa dạng, chuyển từ cơ quan ban đầu (mà người nộp đơn yêu cầu) nơi không giữ thông tới nơi mà thông tin có liên quan chặt chẽ nhất tới công việc của cơ quan khác - trường hợp của Anh và Ấn Độ - tới nơi mà việc chuyển giao là “hợp lý” - trường hợp của Nhật Bản.

Ngoài việc cung cấp thông tin, các cơ quan công quyền còn có trách nhiệm hướng dẫn cho người dân tiếp cận được thông tin bằng nhiều cách khác và tới các nguồn thông tin chính thức khác trong khả năng có thể; nếu không đáp ứng và không cung cấp được thông tin, cơ quan công quyền cần đưa ra lý do xác đáng của việc từ chối cung cấp thông tin đó.

Luật mẫu thiết kế quy định về trả lời yêu cầu cung cấp thông tin, thông báo trả lời. Luật của nhiều nước cũng yêu cầu các cơ quan công quyền gửi thông báo trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu. Đối với các đơn yêu cầu được đáp ứng, thông báo có thể sẽ ghi cả số lệ phí phải nộp, dạng thông tin được đáp ứng, một số quy định liên quan đến quyền khiếu nại. Khi yêu cầu bị từ chối, thông báo sẽ thường ghi rõ lý do từ chối, có thể viện dẫn điều khoản cụ thể trong luật về lý do từ chối, đồng thời cũng có thể ghi cả quyền khiếu nại.

**6.** **Về chi phí tiếp cận thông tin**

Việc tiếp cận thông tin về nguyên tắc, Luật của các nước đều quy định là miễn phí, chỉ trong một số trường hợp, việc yêu cầu cung cấp thông tin phải trả một khoản chi phí và đảm bảo rằng chi phí không làm cản trở việc cung cấp thông tin, không phải là một công cụ để tìm kiếm lợi nhuận. Các loại lệ phí thường gặp là lệ phí nộp đơn, tìm kiếm, sao chép và lệ phí khiếu nại. Quy định về phí tiếp cận thông tin là cần thiết nhằm bảo đảm bù đắp chi phí hoạt động cho các cơ quan nhà nước, để tránh tình trạng công dân yêu cầu cung cấp thông tin một cách tuỳ tiện, không cần thiết làm ảnh hưởng đối với hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước và tránh tình trạng quá tải đối với ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, Luật các nước cũng đồng thời cũng có chính sách miễn hoặc giảm phí trong những trường hợp đặc biệt. Đối với bất kỳ quốc gia nào và thủ tục tiếp cận thông tin được quy định như thế nào thì một nguyên tắc tối quan trọng là phải giữ cho mức lệ phí thấp để không làm cản trở việc yêu cầu cung cấp thông tin. Nếu chi phí quá cao thì sẽ là một trở ngại cho người yêu cầu cung cấp thông tin, có khả năng làm giảm các yêu cầu cung cấp thông tin từ phía các cơ quan Chính phủ[[55]](#footnote-56). Nếu người yêu cầu cung cấp thông tin thấy rẳng cơ quan cung cấp thông tin thu phí quá cao thì được khiếu nại.

Các khoản lệ phí cũng có thể tạo ra các rào cản hành chính không cần thiết[[56]](#footnote-57) và cũng có thể bị lạm dụng[[57]](#footnote-58).

Giải pháp tối ưu đối với vấn đề lệ phí còn tùy thuộc vào hoàn cảnh của từng nước và phụ thuộc vào nhiều yếu tố như mức độ thịnh vượng của Chính phủ, mức độ cam kết của khu vực công... Trên thực tế, hầu hết các quốc gia đều có quy định cho phép thu lệ phí và trong phần lớn các trường hợp yêu cầu, các khoản lệ phí thường không được đặt ra bởi vì chi phí cho việc cung cấp thông tin nhỏ hơn chi phí hành chính cho việc thu và tiếp nhận các khoản lệ phí.

Lệ phí tiếp cận thông tin phải được thông báo một cách rõ ràng cho người có yêu cầu nhằm bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng cho các tổ chức, cá nhân khi yêu cầu cung cấp thông tin để có thể dự đoán trước khả năng chi trả khi yêu cầu tiếp cận thông tin. Cơ quan nhà nước chỉ có nghĩa vụ cung cấp thông tin sau khi người yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ nộp phí hoặc nộp tạm ứng (đặt cọc) phí trong thời hạn đã thông báo.

Xu thế có ảnh hưởng lớn tại tất cả các nước là làm sao để càng ngày càng có nhiều thông tin được tiếp cận theo hướng chủ động, cụ thể là đưa thông tin trực tuyến[[58]](#footnote-59). Thông tin trực tuyến là cách công bố thông tin chủ động dễ dàng, ít tốn kém trên internet, thúc đẩy phát triển thông tin trực tuyến sẽ rất có ý nghĩa bởi lẽ thông tin trực tuyến chính là phương tiện để giảm bớt số lượng yêu cầu cung cấp thông tin và giảm bớt được các chi phí đi kèm[[59]](#footnote-60).

# 7. Cơ chế theo dõi, kiểm tra và giám sát việc thực thi luật tiếp cận thông tin, khiếu nại, khiếu kiện

*Về cơ chế theo dõi, kiểm tra và giám sát việc thực thi luật tiếp cận thông tin:*

Trong số các quốc gia đã ban hành Luật Tiếp cận thông tin, cơ chế kiểm tra, giám sát, hỗ trợ thực hiện quyền tiếp cận thông tin được quy định rất khác nhau. Có quốc gia quy định việc theo dõi, giám sát được thực hiện bằng cơ chế giám sát hành chính, có quốc gia thực hiện việc giám sát qua con đường tòa án, ở một số quốc gia khác thì việc kiểm tra, giám sát quyền tiếp cận thông tin được thực hiện bởi một cơ quan độc lập[[60]](#footnote-61). Hiệu quả của các cơ chế này là rất khác nhau. Tuy nhiên, các Uỷ ban độc lập là cơ chế giám sát hữu hiệu nhất. Bên cạnh các thiết chế giám sát có tính chất nhà nước, ở nhiều quốc gia, việc giám sát bằng các thiết chế khác của xã hội dân sự cũng tỏ ra hiệu quả.

*Về khiếu nại, khiếu kiện:* trong trường hợp bị từ chối cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đúng theo quy định pháp luật, pháp luật hầu hết các quốc gia đều cho phép công dân có quyền khiếu nại, khiếu kiện đến cơ quan có thẩm quyền.

Một quy trình giải quyết tranh chấp đối với yêu cầu cung cấp thông tin cần được quy định cụ thể ở ba cấp độ: - trong nội bộ cơ quan công quyền[[61]](#footnote-62); - khiếu nại lên một cơ quan hành chính độc lập; - khiếu kiện ra toà án. Một số quốc gia khác thì quy trình giải quyết khiếu nại, khiếu kiện chỉ bao gồm hai bước: - giải quyết khiếu nại trong phạm vi nội bộ cơ quan hành chính rồi; - khởi kiện ra toà án mà không có quy trình giải quyết khiếu nại trước một cơ quan độc lập trước khi khởi kiện ra toà án. Trường hợp cá biệt, Bulgarie không quy định việc khiếu nại trong phạm vi nội bộ hoặc theo trình tự khiếu nại hành chính, mà công dân khi bị từ chối cung cấp thông tin thì ngay lập tức có thể kiện ra toà án.

Việc được kiện thẳng ra toà án cho phép vụ việc được giải quyết triệt để và khả năng thi hành án cao hơn, nhưng con đường qua toà án thường tốn kém và mất nhiều thời gian, khiến quyền của công dân bị ảnh hưởng và vì vậy, cơ chế này tỏ ra không hiệu quả. Việc giải quyết khiếu nại bằng con đường hành chính (lên cơ quan cấp trên của cơ quan bị khiếu nại) được nhìn nhận là một cơ chế nhanh chóng và không tốn kém nhưng thực tiễn không có hiệu quả do có xu hướng ủng hộ việc từ chối cung cấp thông tin các cơ quan thuộc hệ thống hành chính.

Pháp luật một số quốc gia gần đây có xu hướng đi theo cơ chế giải quyết khiếu nại ba bước. Cơ chế này cho phép vụ việc khiếu nại được đưa ra giải quyết trước một cơ quan độc lập[[62]](#footnote-63), sau khi đương sự không thoả mãn với cách giải quyết trong phạm vi nội bộ của cơ quan hành chính. Chỉ sau khi ngay cả việc giải quyết trước cơ quan độc lập này vẫn chưa thỏa mãn yêu cầu của đương sự, thì vụ việc mới được đưa ra trước toà án.

*Các chế tài:* gần như tất cả các luật tiếp cận thông tin đều có quy định áp dụng các chế tài đối với các cơ quan nhà nước và các công chức trong trường hợp từ chối công bố thông tin một cách bất hợp pháp. Nói chung các trường hợp này thường là cơ quan, công chức từ chối cung cấp thông tin hoặc sửa đổi, phá hủy tài liệu một cách trái phép. Các chế tài có thể đặt ra đối với chính cơ quan từ chối cung cấp thông tin hoặc áp dụng các chế tài hình sự hoặc hành chính đối với các công chức cụ thể[[63]](#footnote-64).

Các chế tài là cần thiết của bất kỳ đạo luật nào để thể hiện mức độ nghiêm trọng và trừng phạt các hành vi không tuân thủ luật. Tuy nhiên, các cơ quan Chính phủ thường tỏ ra khá lưỡng lự trong việc áp dụng chế tài đối với cán bộ, công chức của mình, đặc biệt là trong trường hợp vi phạm là do tuân thủ chính sách chung của cơ quan. Các bản án phạt tù nói chung ít khi xảy ra[[64]](#footnote-65). Các chế tài nhằm bồi thường thiệt hại cho người cung cấp thông tin cũng có thể được áp dụng đối với cơ quan đã từ chối cung cấp thông tin[[65]](#footnote-66).

**III. CÁC CAM KẾT CỦA VIỆT NAM LIÊN QUAN ĐẾN TIẾP CẬN THÔNG TIN**

Trên cơ sở rà soát 10 Hiệp định hợp tác trong khuôn khổ WTO, 14 Thỏa thuận hợp tác trong khuôn khổ ASEAN và 4 Thỏa thuận hợp tác song phương với Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU và Trung Quốc (các Hiệp định và thỏa thuận này chủ yếu trong lĩnh vực thương mại) cho thấy, về cơ bản các văn bản này đều có quy định về minh bạch hóa thông tin, kết quả rà soát như sau:

**1. Về chủ thể cung cấp thông tin**

- Các nước (Chính phủ) là thành viên ký kết các Hiệp định

- Mỗi Bên phải công khai tên và địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm về các luật, quy định, quy trình, thủ tục hành chính, phản hồi các thắc mắc khi được yêu cầu (Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật bản, Điều 4); cung cấp địa chỉ liên hệ tại mỗi cơ quan mà từ đó có thể nhận được các thông tin liên quan (Hiệp định giữa CHXHCN Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về quan hệ thương mại).

**2. Đối tượng được cung cấp thông tin**

Tùy từng văn bản quy định về việc công bố hoặc thông tin (đối tượng của việc công bố là tất cả cơ quan, tổ chức, cá nhân; đối tượng của việc thông tin có thể hẹp hơn tùy từng trường hợp cụ thể), thường bao gồm: Chính phủ, các doanh nghiệp, các bên hữu quan của các nước thành viên (Hiệp định số 211 WTO/VB về hàng rào kỹ thuật trong thương mại – Điều 2.9.), các cơ quan chính phủ, xí nghiệp và các cá nhân tham gia hoạt động thương mại (Hiệp định giữa CHXHCN Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về quan hệ thương mại) hoặc hạn chế chỉ thông tin đối với Ủy ban thực hiện Hiệp định (Hiệp định 217/WTO/ VB về trợ cấp và các biện pháp đối kháng – Điều 25).

**3. Về phạm vi và nội dung cung cấp thông tin**

- Các thông tin được tiếp cận bao gồm: các luật, quy định dưới luật, quyết định tư pháp và hành chính (Điều X Hiệp định chung về thuế quan và thương mại GATT, Điều 2g, Điều 3e Hiệp định 214/WTO/VB về quy tắc xuất xứ, Hiệp định giữa CHXHCN Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về quan hệ thương mại, Hiệp định giữa Nhật Bản và CHXHCN Việt Nam về đối tác kinh tế v.v…); luật, quy định, quy trình và thủ tục hành chính có tính áp dụng chung liên quan (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Trung Quốc).

Như vậy, các phán quyết và quyết định hành chính cũng là đối tượng phải cung cấp thông tin.

- Ngoài ra, tại Hiệp định các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại TRIMS (Điều 6), các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại,  bao gồm cả các biện pháp được chính quyền khu vực hoặc chính quyền địa phương áp dụng tại địa phương mình cũng phải được thông báo cho Ban Thư ký thông qua các ấn phẩm dễ tiếp cận.

- Những Hiệp định quốc tế có liên quan hoặc tác động đến thương mại dịch vụ mà các Thành viên tham gia cũng phải được công bố (Hiệp định chung về thương mại dịch vụ GATS – Điều 3).

- Theo quy định tại Điều 63 Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS): Thành viên nào có lý do để tin rằng tồn tại một quyết định xét xử hoặc quyết định hành chính hoặc thoả thuận song phương trong lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ ảnh hưởng đến các quyền của mình theo Hiệp định này, cũng có thể yêu cầu bằng văn bản để được tiếp cận với hoặc được thông tin chi tiết về những quyết định xét xử hoặc quyết định hành chính hoặc các thoả thuận song phương như vậy.

- Nội dung thông tin phải đủ chi tiết cụ thể để các Thành viên khác có thể đánh giá tác động thương mại của nó và hiểu về hoạt động của chương trình nội dung được thông báo. Nếu các tiêu chí thông tin không được đề cập trong thông báo, thì cần có giải thích lý do ngay trong thông báo đó (Hiệp định 217/WTO/ VB về trợ cấp và các biện pháp đối kháng – Điều 25). Thông tin sẽ được cung cấp chi tiết đến mức có thể cho phép Thành viên yêu cầu có thể đánh giá được tính phù hợp với nội dung của Hiệp định này (Hiệp định 217/WTO/ VB về trợ cấp và các biện pháp đối kháng – Điều 25). Việc công bố cần bao gồm thông tin về ngày có hiệu lực của biện pháp, các sản phẩm (theo dòng thuế) hoặc dịch vụ bị tác động bởi biện pháp đó, thông tin về tất cả các cơ quan xét duyệt hoặc phải được tham vấn trong quá trình thực thi các biện pháp đó. Mỗi Bên cho phép các công dân và công ty của Bên kia được tiếp cận dữ liệu về nền kinh tế quốc dân và từng khu vực kinh tế, kể cả những thông tin về ngoại thương (Hiệp định giữa CHXHCN Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về quan hệ thương mại).

**4. Mục đích, hậu quả pháp lý của việc cung cấp thông tin**

Một số Hiệp định có nêu rõ mục đích, hậu quả pháp lý của việc cung cấp thông tin:

- Nhằm tránh việc các nội dung, quy định không phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan, và có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến thương mại của các Thành viên khác (Hiệp định số 211 WTO/VB về hàng rào kỹ thuật trong thương mại – Điều 2.9);

- Chỉ những luật, quy định và thủ tục hành chính có tính áp dụng chung mà đã được công bố và có sẵn cho các cơ quan chính phủ và các cá nhân tham gia vào hoạt động thương mại mới được thi hành và có khả năng thực thi (Điều 4 Hiệp định giữa CHXHCN Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về quan hệ thương mại);

- Bảo đảm cơ hội khiếu kiện mà không bị trừng phạt cho người bị ảnh hưởng bởi quyết định có liên quan (Điều 7 Hiệp định giữa CHXHCN Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về quan hệ thương mại). Đồng thời Điều này cũng quy định các Bên duy trì các cơ quan tài phán và thủ tục hành chính và tư pháp nhằm mục đích, ngoài những điều khác, xem xét và sửa đổi nhanh chóng theo yêu cầu của người bị ảnh hưởng các quyết định hành chính liên quan đến các vấn đề được qui định tại Hiệp định này.

**5. Về hình thức cung cấp thông tin, thời điểm cung cấp thông tin:**

- Thông tin phải được công bố khẩn trương bằng cách nào đó để các chính phủ hay các doanh nghiệp biết; công bố trên một ấn phẩm vào thời điểm đủ sớm để các bên hữu quan ở các nước thành viên khác được biết rằng mình dự định đưa vào áp dụng một quy định kỹ thuật cụ thể nào đó (Hiệp định số 211 WTO/VB về hàng rào kỹ thuật trong thương mại – Điều 2.9.) hoặc Các Bên có hoặc giao cho một hoặc một số tạp chí chính thức đăng tất cả các biện pháp có tính áp dụng chung; xuất bản định kỳ các tạp chí này và có sẵn các bản của chúng cho công chúng (Điều 5 Hiệp định giữa CHXHCN Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về quan hệ thương mại); công bố hoặc công khai không chậm trễ và phù hợp với pháp luật trong nước, bao gồm cả định dạng điện tử nếu có thể (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Trung Quốc).

- Mỗi Bên phải cung cấp thông tin bằng tiếng Anh cho các Bên khác khi được yêu cầu (Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật bản, Điều 4, Hiệp định về đầu tư trong khuôn khổ Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN – Hàn Quốc).

- Các Thành viên khi được yêu cầu sẽ cung cấp thông tin được yêu cầu một cách đầy đủ và khẩn trương nhất có thể, và khi được yêu cầu sẽ sẵn sàng cung cấp bổ sung thông tin cho Thành viên có yêu cầu. Bất kỳ Thành viên nào thấy rằng những thông tin này chưa được cung cấp thì có thể đưa vấn đề ra trước Uỷ ban (Hiệp định 217/WTO/ VB về trợ cấp và các biện pháp đối kháng – Điều 25).

- Khi được yêu cầu, phải cung cấp cho các Thành viên khác bản sao của quy định và, khi cần thiết, làm rõ những phần nội dung của quy định đó có sự khác biệt với các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan (Hiệp định số 211 WTO/VB về hàng rào kỹ thuật trong thương mại – Điều 2.9).

- Các Thành viên phải nhanh chóng và ít nhất mỗi năm một lần thông báo cho Hội đồng thương mại dịch vụ về các văn bản pháp luật mới hoặc bất kỳ sửa đổi nào trong các luật, quy định hoặc hướng dẫn hành chính có tác động cơ bản đến thương mại dịch vụ thuộc các cam kết cụ thể theo Hiệp định này (GATS).

- Việc công bố thông tin phải được thực hiện chậm nhất trước khi văn bản, biện pháp có liên quan hoặc tác động đến việc thi hành Hiệp định có hiệu lực thi hành, trừ những trường hợp khẩn cấp. Trong trường hợp việc công bố trên không thể thực hiện được, các thông tin đó phải được công khai theo cách thức khác (Hiệp định chung về thương mại dịch vụ GATS – Điều 3); được tiến hành sao cho các cơ quan chính phủ, xí nghiệp và các cá nhân tham gia hoạt động thương mại có thể làm quen với chúng trước khi chúng có hiệu lực và áp dụng chúng theo đúng qui định (Hiệp định Việt Nam – Hoa Kỳ về quan hệ thương mại); trong phạm vi khả năng và tùy theo luật và quy định của nước mình, cố gắng cung cấp, trừ các tình huống khẩn cấp, một khoảng thời gian hợp lý từ khi các luật và quy định được ban hành hay điều chỉnh được công bố hoặc công khai cho tới khi có hiệu lực (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Trung Quốc).

- Ở mức độ có thể, mỗi Bên cho phép Bên kia và các công dân của Bên kia cơ hội đóng góp ý kiến đối với việc xây dựng luật, quy định và thủ tục hành chính có tính áp dụng chung mà có thể ảnh hưởng đến việc tiến hành các hoạt động thương mại qui định trong Hiệp định này (Hiệp định Việt Nam – Hoa Kỳ về quan hệ thương mại, Điều 3).

**6. Về yêu cầu, các giới hạn của việc cung cấp thông tin**

- Việc thông báo không làm tổn hại đến tính chất pháp lý của nội dung đó (Hiệp định GATT 1994).

- Nếu không có khả năng thực hiện công bố thông tin thì phải tiếp cận được một cách công khai, bằng ngôn ngữ quốc gia, theo cách thức để các chính phủ và những người có liên quan có thể biết rõ về các Văn bản đó (Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) – Điều 63).

- Các quy định về cung cấp thông tin sẽ không yêu cầu bất cứ một bên ký kết nào phải điểm lộ thông tin mật có thể gây trở ngại cho: (1) việc thực thi pháp luật, hoặc (2) trái với quyền lợi chung hoặc (3) gây tổn hại quyền lợi thương mại chính đáng của một doanh nghiệp nào đó dù là quốc doanh hay tư nhân (GATT 1994, TRIPS, TRIMS, Hiệp định khung về khu vực đầu tư ASEAN, Hiệp định Việt Nam – Hoa Kỳ về quan hệ thương mại, Nghị định thư ASEAN về thủ tục thông báo yêu cầu về bảo mật thông tin…).

- Không phải mọi quyết định hành chính hay phán quyết đều thuộc đối tượng để thông tin. Điều 10 khoản 1 Hiệp định thương mại tự do Việt Nam Trung Quốc có quy định loại trừ đối với các quyết định, phán quyết trong các trường hợp cụ thể, bao gồm: (a) một quyết định hoặc quy định được đưa ra trong một thủ tục hành chính áp dụng với một cá nhân, hàng hóa hoặc dịch vụ của một Bên khác trong một trường hợp cụ thể; hoặc (b) phán quyết liên quan tới một hành vi hoặc tập quán cụ thể.

**7. Về quản lý thông tin**

- Mỗi bên ký kết phải quản lý luật pháp, quy tắc, các quyết định hay quy chế - các thông tin cung cấp một cách thống nhất, khách quan và hợp lý (Hiệp định chung về thuế quan và thương mại GATT – Điều X).

- Mỗi Thành viên sẽ thành lập một hoặc nhiều điểm cung cấp thông tin cụ thể theo yêu cầu của các Thành viên khác về những vấn đề thuộc đối tượng được yêu cầu. Các điểm cung cấp thông tin không nhất thiết phải là nơi lưu trữ các văn bản pháp luật (GATS – Điều 3).

- Thành lập hoặc chỉ định các điểm hỏi đáp thông tin nhằm cung cấp ngay lập tức theo yêu cầu của thể nhân, pháp nhân hoặc các Bên còn lại thông tin liên quan tới các biện pháp được yêu cầu công bố hoặc công khai (Hiệp định về đầu tư trong khuôn khổ hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN-Trung Quốc – Điều 19).

**8. Một số vấn đề khác**

- Lưu ý về sự khác nhau giữa thủ tục công bố (đối với công chúng) và thông tin (tùy từng trường hợp có thể chỉ một nhóm nhất định hoặc chỉ cơ quan có thẩm quyền) đặc biệt quy định tại các thỏa thuận ASEAN;

- GATT 1994 là văn bản quy định nguyên tắc về minh bạch hóa thông tin, được nhiều Hiệp định khác dẫn chiếu đến, kể cả các hiệp định trong khuôn khổ WTO lẫn ASEAN và Hiệp định về thương mại hàng hóa trong khuôn khổ hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và Trung Quốc, giữa ASEAN và Ấn Độ, Hàn Quốc v.v…

**IV. GIỚI THIỆU PHÁP LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI**

**1. Pháp lệnh của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về công khai thông tin của chính quyền**

Pháp lệnh của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về công khai thông tin của chính quyền, được thông qua tại phiên họp lần thứ 165 của Hội đồng Nhà nước, ngày 17/1/2007, có hiệu lực từ ngày 1/5/2008

Pháp lệnh này được ban hành nhằm bảo đảm rằng mọi công dân, pháp nhân và tổ chức có thể có được thông tin của chính quyền phù hợp với pháp luật, từ đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của chính quyền, thúc đẩy sự quản lý bằng pháp luật và thực thi triệt để chức năng dịch vụ thông tin của chính quyền vì lợi ích và đời sống của đại bộ phận nhân dân và nhằm tác động tích cực đến tình hình kinh tế, xã hội.

***1.1. Khái niệm về thông tin***

Thông tin của chính quyền được nêu trong Pháp lệnh này được hiểu là bất cứ thông tin nào được tạo ra hoặc thu được trong quá trình thực thi chức năng nhiệm vụ chính thức của các cơ quan công quyền, mà được ghi chép hoặc lưu giữ dưới bất kỳ hình thức nào.

Quản lý nhà nước về công bố thông tin

Chính quyền nhân dân ở tất cả các cấp phải tăng cường việc lãnh đạo và tổ chức hoạt động công khai thông tin của chính quyền.

Văn phòng Hội đồng nhà nước là cơ quan chính có trách nhiệm trong hoạt động công khai thông tin của chính quyền, bao gồm việc thúc đẩy, hướng dẫn, điều phối và giám sát việc công khai thông tin của chính quyền trên phạm vi cả nước.

Chính quyền nhân dân ở cấp huyện hoặc cao hơn, hoặc các văn phòng do chính quyền nhân dân ở cấp huyện hoặc cao hơn thành lập, có trách nhiệm thúc đẩy, hướng dẫn, điều phối và giám sát việc công khai thông tin của chính quyền trên phạm vi địa phương.

Chính quyền nhân dân và văn phòng do chính quyền nhân dân cấp huyện hoặc cấp cao hơn thành lập phải thiết lập những cơ chế toàn diện trong việc công khai thông tin của chính quyền để áp dụng trong các cơ quan nhà nước trực thuộc mình, và cơ quan chuyên trách được thành lập cho việc này (sau đây gọi là cơ quan công khai thông tin của chính quyền) có trách nhiệm điều phối hoạt động công khai thông tin của chính quyền trong phạm vi mình quản lý.

Cơ quan công khai thông tin của chính quyền có những trách nhiệm cụ thể như sau:

- Tiến hành tất cả các biện pháp cụ thể để thực hiện việc công khai hóa thông tin của các cơ quan nhà nước;

- Bảo vệ và cập nhật tất cả các thông tin của các cơ quan nhà nước đã được đưa ra công khai;

- Xây dựng những hướng dẫn, danh bạ và báo cáo thường niên liên quan đến việc công khai thông tin của chính quyền để cung cấp cho các cơ quan nhà nước.

- Kiểm tra tính bí mật của tất cả các thông tin của chính quyền;

- Những trách nhiệm khác liên quan đến việc công khai thông tin của chính quyền do các cơ quan nhà nước cấp trên giao phó.

Các cơ quan nhà nước phải tuân thủ các nguyên tắc khách quan, bình đẳng và thuận tiện khi đối xử với công dân khi giải quyết các vấn đề liên quan đến công khai thông tin của chính quyền. Các cơ quan nhà nước phải công bố thông tin của chính quyền một cách kịp thời và chính xác. Trong trường hợp ở những nơi mà các cơ quan nhà nước phát hiện ra những thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ mà gây ảnh hưởng đến trật tự và sự ổn định của xã hội thì phải công bố các thông tin chính xác của chính quyền trong phạm vi chức trách của mình.

Cơ chế toàn diện về công bố thông tin và việc phối hợp các cơ chế.

Khi một cơ quan nhà nước công bố thông tin liên quan đến các cơ quan nhà nước khác, cơ quan công bố phải thông báo và phải có sự khẳng định của cơ quan nhà nước liên quan về tính chính xác và phù hợp của thông tin sẽ được công bố.

Nếu các cơ quan nhà nước công bố thông tin liên quan đến các quy định pháp luật quốc gia thì việc các quy định đó phải được thông qua; không đuợc công bố các quy định pháp luật quốc gia khi chúng chưa được thông qua.

Các cơ quan nhà nước không được gây tổn hại tới an ninh quốc gia, trật tự công cộng, an ninh kinh tế và sự ổn định xã hội khi công bố thông tin của chính quyền.

***1.2 Trách nhiệm công bố thông tin (Điều 18)***

Trách nhiệm của cơ quan nhà nước là phải công bố thông tin do mình tạo ra; cơ quan nhà nước đang lưu giữ thông tin thu thập từ công dân, pháp nhân hoặc tổ chức khác có trách nhiệm công bố các thông tin dạng này theo quy định pháp luật. Phạm vi công bố thông tin của chính quyền được quyết định bởi các luật và quy tắc khác.

Thông tin của chính quyền nằm trong phạm vi cần được công bố phải được công bố trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày được lập ra hoặc được cập nhật. Phạm vi công bố thông tin của chính quyền được quyết định bởi các luật và quy tắc khác.

Chính quyền nhân dân các cấp phải lập ra những khu vực riêng trong cơ quan lưu trữ và thư viện công cộng để công chúng có thể sử dụng nhằm tiếp cận thông tin, và phải trang bị cho các khu vực đó những thiết bị thích hợp cho phép công dân, pháp nhân và những tổ chức khác có thể tiếp cận thông tin của chính quyền một cách thuận tiện.

Các cơ quan nhà nước có thể, phù hợp với điều kiện của mỗi cơ quan, thiết lập các phòng đọc công cộng, các điểm tiếp nhận yêu cầu về tài liệu, các bảng thông tin, các màn hình thông tin điện tử và các khu vực hoặc thiết bị khác nhằm công khai thông tin của chính quyền.

Các cơ quan nhà nước phải kịp thời cung cấp cho các cơ quan lưu trữ quốc gia và các thư viện công cộng những thông tin mà cơ quan đã quyết định công bố.

***1.3. Phạm vi công bố thông tin***

- Lợi ích cốt yếu của công dân, pháp nhân hoặc tổ chức khác;

- Các yêu cầu mở rộng kiến thức hoặc sự tham gia của công chúng;

- Việc thành lập, nghĩa vụ hoặc các thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước;

- Các thông tin khác phải được công bố theo quy định của các luật, văn bản pháp quy khác.

Chính quyền nhân dân và các văn phòng ở cấp huyện hoặc cao hơn phải căn cứ quy định ở Điều 8 Pháp lệnh này để quyết định những thông tin của chính quyền nào cần phải công bố phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của cơ quan mình, trong đó phải chú ý đến các dạng thông tin sau đây:

- Các văn bản pháp quy, các quy tắc do cơ quan nhà nước lập ra;

- Các kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội của quốc gia, các dự án đặc biệt ở cấp quốc gia và khu vực cùng các chính sách có liên quan;

- Dữ liệu thống kê về sự phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia;

- Các báo cáo về chi tiêu tài chính và kiểm toán;

- Thông tin về các chương trình, cơ sở và các tiêu chuẩn liên quan đến các khoản lệ phí và chi phí cho hoạt động hành chính;

- Thông tin về các dự án, hồ sơ, tiêu chuẩn và việc thực hiện chính sách chi trả tập trung của chính quyền;

- Thông tin về các vấn đề liên quan đến các phê duyệt hành chính, bao gồm cơ sở của những quyết định phê duyệt đó, tình trạng, số lượng, thủ tục, giai đoạn và các hồ sơ gồm tất cả tài liệu được cung cấp để xin phê duyệt phù hợp với các yêu cầu hành chính;

- Thông tin liên quan đến việc phê duyệt các dự án xây dựng lớn và bối cảnh thực hiện;

- Thông tin về các chính sách và biện pháp liên quan đến việc xóa đói nghèo, giáo dục, y tế, trợ cấp xã hội và việc làm...và bối cảnh thực hiện;

- Thông tin về các kế hoạch hành động trong trường hợp xảy ra tình huống khẩn cấp và các trật tự công cộng, thông tin về việc cảnh báo sớm và các biện pháp đối phó.

- Thông tin về thanh tra và giám sát việc bảo vệ môi trường, sức khỏe công cộng, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, dược phẩm và chất lượng hàng hóa.

a) Thông tin ưu tiên công bố do chính quyền nhân dân cấp tỉnh/thành phố đưa ra cần bao gồm những dạng sau:

- Thông tin liên quan đến các dự án lớn về xây dựng, quản lý đô thị và nông thôn;

- Thông tin liên quan đến tình hình thực hiện các dự án công ích;

- Thông tin liên quan đến việc trưng dụng, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và việc đền bù, phân phối tiền trợ cấp và những bối cảnh áp dụng.

- Thông tin liên quan đến quản lý, sử dụng và bối cảnh cần phân phát cứu trợ khẩn cấp, công tác cứu trợ thảm họa, trợ cấp cho cựu chiến binh, trợ cấp xã hội, những đóng góp thiện nguyện và các quỹ khác.

b) Chính quyền nhân dân ở các xã, phường, thị trấn phải quyết định những thông tin cần phải công bố trong phạm vi thẩm quyền của mình, trong đó phải chú trọng đến những dạng thông tin sau:

- Thông tin liên quan đến tình hình thực hiện các chính sách quốc gia về việc làm ở khu vực nông thôn;

- Thông tin liên quan đến tình hình quản lý và sử dụng ngân sách, các khoản chi tiêu và các quỹ đặc biệt;

- Thông tin về kế hoạch tổng thể về sử dụng đất ở địa phương, và tình hình kiểm tra việc sử dụng...

- Thông tin liên quan đến việc trưng dụng, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và việc đền bù, phân phối tiền trợ cấp và những bối cảnh áp dụng:

- Thông tin liên quan đến tình hình thu nợ

- Thông tin liên quan đến quản lý, sử dụng và bối cảnh cần phân phát cứu trợ khẩn cấp, công tác cứu trợ thảm họa, trợ cấp cho cựu chiến binh, trợ cấp xã hội, những đóng góp từ thiện và các quỹ khác.

- Thông tin liên quan đến việc ký kết hợp đồng, cho thuê hoặc đấu thầu của các doanh nghiệp tập thể hoặc các chủ thể kinh tế khác ở cấp xã, phường, thị trấn;

- Thông tin liên quan đến tình hình thực hiện các chính sách sinh sản;

Bên cạnh những dạng thông tin được các cơ quan nhà nước công bố công khai, các cơ quan nhà nước, cũng như các công dân, pháp nhân và tổ chức khác có thể, tùy thuộc vào nhu cầu sản xuất, sinh sống, nghiên cứu hoặc nhu cầu khác của mình, gửi đơn yêu cầu cung cấp thông tin của chính quyền tới các văn phòng của Hội đồng Nhà nước hoặc của Chính quyền nhân dân ở tất cả các cấp.

Các cơ quan nhà nước phải thiết lập một cơ chế toàn diện để kiểm tra và bảo vệ bí mật thông tin của chính quyền trước khi công bố, trong đó phải xác định rõ những thủ tục kiểm tra phù hợp với trách nhiệm của cơ quan mình.

Trước khi công bố thông tin của chính quyền, các cơ quan nhà nước phải kiểm tra sự phù hợp của thông tin dự định công bố trên cơ sở đối chiếu với Luật của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về Bảo vệ Bí mật Nhà nước và các luật, quy định khác liên quan đến vấn đề công bố thông tin của chính quyền.

Trong trường hợp cơ quan hành chính nhà nước không thể xác định được liệu một thông tin có thể công bố hay không thể được công bố, cơ quan đó phải gửi một báo cáo tới cơ quan có liên quan đến vấn đề bí mật có liên quan ở cùng cấp để xin ý kiến, phù hợp với các luật và quy tắc có liên quan của nhà nước.

Các cơ quan nhà nước không được công bố thông tin của chính quyền có chứa đựng bí mật quốc gia, bí mật thương mại và bí mật cá nhân. Tuy nhiên, trong trường hợp có sự đồng ý chính thức của bên có liên quan, hoặc nếu cơ quan hành chính nhận thấy rằng việc không công bố thông tin của chính quyền nhất định chứa đựng bí mật thương mại hoặc bí mật cá nhân có thể làm tổn hại nghiêm trọng đến lợi ích công cộng thì vẫn có thể công bố các thông tin đó.

***1.4. Phương pháp và thủ tục công bố thông tin***

Các cơ quan nhà nước cần công bố những thông tin được xác định để công bố bằng những cách thức thuận lợi nhất cho việc tiếp cận của công chúng, chẳng hạn như thông qua các thông cáo, trang web của chính quyền, các buổi họp báo, đài phát thanh, truyền hình.

Công dân, pháp nhân hoặc tổ chức khác muốn đề nghị cơ quan nhà nước cung cấp thông tin phải gửi đơn bằng văn bản (có thể qua email); người có nhu cầu nhưng gặp khó khăn trong việc viết đơn thì có thể trình bày yêu cầu bằng miệng, hoặc có thể nhờ người khác viết đơn.

Đơn yêu cầu cung cấp thông tin cần bao gồm những nội dung sau:

- Họ tên đầy đủ và địa chỉ liên hệ của người yêu cầu;

- Miêu tả tóm tắt thông tin của chính quyền đề nghị cung cấp;

- Đề xuất về hình thức tài liệu đề nghị cung cấp.

Các cơ quan nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu cung cấp thông tin của chính quyền theo những cách thức và trong những tình huống sau:

+ Nếu thông tin yêu cầu cung cấp thuộc vào dạng thông tin cần được công bố thì thông báo cho người yêu cầu cách thức và các kênh thông tin mà qua đó họ có thể thu thập được thông tin theo yêu cầu.

+ Nếu thông tin yêu cầu cung cấp không thuộc vào dạng thông tin cần được công bố thì phải thông báo một cách rõ ràng cho người yêu cầu về lý do không thể cung cấp thông tin đó;

+ Trong trường hợp theo quy định pháp luật, thông tin yêu cầu cung cấp không thuộc quản lý của cơ quan nhà nước mà yêu cầu được gửi đến, hoặc thông tin đó không có, thì phải thông báo cho người yêu cầu, và trong trường hợp có thể xác định được cơ quan quản lý thông tin, thì cơ quan được yêu cầu phải cung cấp cho người yêu cầu địa chỉ liên hệ của cơ quan đó.

+ Trong trường hợp nội dung yêu cầu không rõ ràng, cơ quan nhận được yêu cầu phải thông báo cho người gửi đơn để đề nghị họ sửa đổi hoặc bổ sung đơn yêu cầu.

Trong trường hợp thông tin của chính quyền được yêu cầu cung cấp chứa đựng những thông tin không thể công bố nhưng có thể cung cấp các phần khác thì cơ quan nhà nước nhận được yêu cầu phải cung cấp cho người yêu cầu những phần tài liệu mà có thể công bố.

Trong trường hợp cơ quan nhà nước nhận thấy thông tin của chính quyền được yêu cầu cung cấp thuộc vào dạng bí mật thương mại, bí mật cá nhân hoặc việc công bố thông tin đó có thể làm tổn hại đến các quyền hợp pháp của một bên thứ ba thì cơ quan đó phải gửi văn bản hỏi ý kiến bên thứ ba; nếu bên thứ ba không đồng ý công bố thông tin thì không được công bố thông tin đó. Tuy nhiên, nếu cơ quan nhà nước nhận thấy việc không công bố thông tin có thể làm tổn hại nghiêm trọng đến lợi ích công cộng th́ vẫn có thể công bố các thông tin đó, nhưng phải gửi văn bản thông báo và giải thích lý do cho bên thứ ba.

Khi xét thấy có thể cung cấp thông tin của chính quyền theo yêu cầu, cơ quan nhà nước phải trả lời có thể cung cấp thông tin cho người yêu cầu.

Khi xét thấy không thể cung cấp thông tin của chính quyền theo yêu cầu, cơ quan nhà nước phải thông báo cho người yêu cầu trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu; việc gia hạn thời gian trả lời cần phải được chấp nhận bởi cơ quan có trách nhiệm về hoạt động công khai thông tin của chính quyền và phải thông báo cho người yêu cầu về việc đó; việc gia hạn không được vượt quá 15 ngày làm việc.

Trong trường hợp việc công bố thông tin của chính quyền có thể làm tổn hại các quyền của một bên thứ ba, việc hỏi ý kiến bên thứ ba sẽ không được tính vào thời hạn nêu ở đoạn 2 Điều này.

Các công dân, pháp nhân hoặc tổ chức gửi đơn tới cơ quan nhà nước yêu cầu cung cấp thông tin của chính quyền liên quan tới các vấn đề thuế, bảo hiểm xã hội, chăm sóc y tế... của bản thân họ phải cung cấp những giấy tờ hợp pháp chứng minh cho yêu cầu.

Nếu công dân, pháp nhân hoặc tổ chức có thể chứng minh được thông tin mà các cơ quan nhà nước cung cấp mà liên quan tới họ là không chính xác thì có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước sửa chữa các thông tin đó. Nếu cơ quan nhà nước có liên quan không có trách nhiệm sửa chữa thông tin thì phải chuyển tiếp yêu cầu đến cơ quan nhà nước có trách nhiệm trong việc này và phải thông báo cho người yêu cầu biết.

Các cơ quan nhà nước phải cung cấp thông tin của chính quyền phù hợp với dạng mẫu mà người yêu cầu đề nghị; khi không thể cung cấp thông tin theo dạng mẫu mà người yêu cầu đề nghị, cơ quan có thể thu xếp để người yêu cầu đọc các tài liệu hoặc cung cấp cho người yêu cầu một bản sao tài liệu, hoặc thông qua các phương tiện thích hợp khác.

**2. Luật công bố thông tin chính thức của Hàn Quốc**

Luật công bố thông tin chính thức của Hàn Quốc được sửa đổi ngày 29/01/2004 (luật sửa đổi số 7127); sửa đổi ngày 29/12/2005 (Luật sửa đổi số 7796); sửa đổi ngày 04/10/2006 (Luật sửa đổi số 8026); sửa đổi ngày 03/01/2007 (Luật sửa đổi số 8171); sửa đổi ngày 29/02/2008 (Luật sửa đổi số 8854); sửa đổi ngày 29/02/2008 (Luật sửa đổi số 8871).

Luật này là nhằm bảo đảm quyền được thông tin/biết và tham gia vào công việc quốc gia của người dân; đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động của nhà nước bằng cách quy định những vấn đề cần thiết liên quan đến việc khiếu nại của người dân đối với việc cung cấp thông tin thuộc sở hữu và quản lý của các cơ quan công và nghĩa vụ của các cơ quan công trong việc cung cấp thông tin đó.

***2.1. Khái niệm và phạm vi áp dụng của Luật***

***Các khái niệm***

Khái niện về thông tin: “Thông tin” được hiểu là những tin được lưu lại trong các tài liệu (áp dụng cả với tài liệu điện tử), các bản vẽ, tranh ảnh, phim, băng ghi, bản chiếu (slide) và các phương tiện truyền tin tương tự khác được các cơ quan công tạo lập, có được và quản lý trong khi thi hành nhiệm vụ của mình;

“Công bố” được hiểu là hành vi của cơ quan công cho phép xem các thông tin, hoặc chuyển các bản sao hoặc nhân sao tài liệu của các cơ quan công tới người dân theo quy định của Luật này hoặc cung cấp thông tin cho người dân thông qua mạng mạng truyền thông (sau đây gọi tắt là mạng truyền thông) theo quy định tại khoarn7 Điều 2 của Luật Chính phủ điện tử; và

“Cơ quan công” được hiểu là các cơ quan của nhà nước ở trung ương, chính quyền địa phương, các cơ quan, do nhà nước đầu tư theo qui định tại Điều 2 của Luật khung về quản lý các cơ quan do nhà nước đầu tư và các cơ quan tổ chức khác được quy định trong Sắc lệnh của Tổng thống.

***2.2. Phạm vi áp dụng của Luật***

- Luật này áp dụng đối với việc công bố thông tin, trừ trường hợp việc công bố thông tin được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật khác.

- Chính quyền địa phương có thể quy định cụ thể việc công bố thông tin về các vấn đề hành chính trong phạm vi thẩm quyền được pháp luật quy định.

- Không áp dụng Luật này đối với các thông tin được thu thập hoặc tạo lập bởi các cơ quan quản lý thông tin phục vụ cho mục đích phân tích thông tin liên quan đến an ninh quốc gia và công tác an ninh; và không áp dụng tương tự đối với việc tạo lập, công bố và cung cấp thông tin.

***2.3. Công khai thông tin***

Các thông tin liên quan tới một trong các nội dung dưới đây phải được cơ quan công quy định thành quy chuẩn về phạm vi, thời gian, tần suất, cách thức phù hợp, đồng thời phải công bố công khai các quy chuẩn trên và định kỳ công khai những thông tin theo quy chuẩn đó, trừ trường hợp thông tin thuộc phạm vi không công bố.

- Thông tin về chính sách có tác động lớn đến đời sống của người dân;

- Thông tin liên quan đến các đề án, dự án thuộc một chính sách của nhà nước và yêu cầu phải chi tiêu một khoản lớn ngân sách nhà nước;

- Thông tin cần thiết cho việc giám sát hành chính đối với việc chi tiêu ngân sách và đánh giá kết quả thực hiện các dự án; và

- Thông tin khác do người đứng đầu cơ quan công quy định.

Người đứng đầu các cơ quan công phải thúc đẩy mạnh mẽ việc chuẩn bị các thông tin mà người dân cần biết để cho người dân tiếp cận được các nội dung thông tin quy định tại khoản 1 Điều này.

***2.4. Các thông tin không công bố***

Tất cả các thông tin do cơ quan công nắm giữ và quản lý phải được cung cấp cho người dân, trừ những thông tin thuộc một trong các loại thông tin sau:

- Các thông tin được liệt kê vào loại thông tin mật theo quy định của Luật này hoặc các văn bản pháp luật khác (thông tin hạn chế tiếp cận theo quy chế của Quốc hội, Tòa án tối cao, Tòa án hiến pháp, Ủy ban bầu cử trung ương, hoặc theo quy định trong các sắc lệnh của Tổng thống, các quy định của chính quyền địa phương);

- Những thông tin mà nếu tiết lộ sẽ gây nguy hại lớn đến quyền lợi quốc gia ví dụ như an ninh quốc gia, quốc phòng, sự thống nhất đất nước hoặc quan hệ ngoại giao;

- Những thông tin mà nếu tiết lộ sẽ gây nguy hại lớn đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người dân hoặc an toàn và lợi ích khác của cộng đồng;

- Những thông tin liên quan đến các vụ việc đang trong quá trình giải quyết của tòa án, việc phòng ngừa và điều tra tội phạm, việc khởi tố, truy tố tội phạm, việc thi hành án, chấp hành hình phạt, các biện pháp an ninh mà những thông tin này nếu tiết lộ sẽ gây hại nghiêm trọng đến việc thi hành nhiệm vụ hoặc vi phạm quyền của bị cáo trong vụ án hình sự liên quan đến quyền được xét xử công bằng.

- Các thông tin liên quan đến kiểm toán, giám sát, thanh tra, kiểm tra, xét nghiệm, hợp đồng đấu thầu, phát triển công nghệ, quản lý nhân sự, quá trình ra quyết định, hoặc là quá trình xem xét nội bộ mà những thông tin này nếu tiết lộ sẽ gây hại nghiêm trọng đến việc thực thi công bằng các nghĩa vụ hoặc ảnh hưởng tới quá trình nghiên cứu triển khai.

- Các thông tin riêng của cá nhân giúp nhận dạng một cá nhân cụ thể nào đó như thông tin về danh tính, số đăng ký cư trú, v..v mà nếu tiết lộ thông tin đó có thể vi phạm đến bí mật đời tư hoặc quyền riêng tư của cá nhân đó. Tuy nhiên, những thông tin cá nhân sau sẽ không được xét vào dạng loại trừ:

+ Những thông tin được dùng cho mục đích điều tra nghiên cứu công chúng theo các qui định của các luật hoặc văn bản dưới luật;

+ Các thông tin do các cơ quan công soạn thảo hoặc nhận được phục vụ cho việc xuất bản công khai mà không vi phạm bí mật đời tư hay quyền riêng tư của cá nhân người dân;

+ Những thông tin do cơ quan công soạn thảo và nắm giữ mà việc công bố thông tin đó là cần thiết cho việc bảo vệ lợi ích của cộng đồng và quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân;

+ Thông tin liên quan tới danh tính và vị trí của các cán bộ, công chức đã hoàn thành chức nghiệp của mình; và

+ Thông tin liên quan tới danh tính và nghề nghiệp của các cá nhân được Nhà nước hoặc chính quyền địa phương điều động, ủy quyền mà một phần công việc của họ sau này hoặc phần công việc đã hoàn thành mà việc tiết lộ thông tin đó là cần thiết cho việc bảo vệ lợi ích công cộng nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định của các luật và các văn bản dưới luật.

- Các thông tin liên quan đến bí mật thương mại và quản lý nội bộ của các công ty, hội đoàn hoặc tập thể các cá nhân (gọi chung là “công ty”) mà nếu tiết lộ sẽ gây nguy hại lớn đối với lợi ích hợp pháp của công ty. Tuy nhiên, những thông tin thuộc một trong các loại sau sẽ không được xét vào dạng loại trừ:

+ Những thông tin cần thiết phải công bố để bảo vệ cuộc sống, tính mạng hoặc sức khoẻ của người dân tránh được những nguy hại có thể phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; và

+ Những thông tin cần phải công khai để bảo vệ cuộc sống hoặc tài sản cá nhân để tránh được các hoạt động kinh doanh trái phép hoặc không đúng.

- Các thông tin mà nếu tiết lộ sẽ làm lợi hoặc nguy hại đến một cá nhân cụ thể do đầu cơ địa ốc hoặc các hoạt động đầu cơ và tích trữ v..v

Trong trường hợp các thông tin liệt kê tại khoản (1) Điều này không còn cần phải giữ bí mật do thời hạn bảo mật đã hết, v..v thì các cơ quan tổ chức liên quan phải công khai các thông tin đó.

Cơ quan công phải xây dựng các tiêu chí cụ thể về phạm vi thông tin không công bố trên cơ sở xem xét đặc điểm, tình hình cụ thể của hoạt động cơ quan trong phạm vi cho phép tại khoản (1) Điều này và phải công khai các tiêu chí đó để người dân biết (mới bổ sung tại Luật số 8026 ngày 4/10/2006).

***2.5. Thành lập Ủy ban Công bố Thông tin***

Ủy ban Công bố Thông tin (sau đây gọi tắt là “Ủy ban”) được thành lập trực thuộc Bộ trưởng Hành chính và An ninh có nhiệm vụ thảo luận, phân loại và sắp xếp thông tin theo các nhóm vấn đề dưới đây[[66]](#footnote-67):

- Những vấn đề liên quan đến xây dựng Luật chính sách công bố thông tin và hoàn thiện hệ thống cung cấp thông tin hiện hành;

- Những vấn đề liên quan tới việc quy định các quy chuẩn về cung cấp thông tin;

- Những vấn đề liên quan tới việc đánh giá thực trạng hoạt động của việc công bố thông tin do các cơ quan công tiến hành theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 24 và cách thức xử lý đối với những vấn đề phát hiện ra trong quá trình đánh giá;

- Những vấn đề khác được Sắc lệnh của Tổng thống quy định đối với việc cung cấp thông tin.

Ủy ban gồm 09 thành viên, trong đó có 1 Chủ tịch và 1 Phó Chủ tịch. Thành viên của Ủy ban là những người đáp ứng được một trong các điều kiện dưới đây. Trong trường hợp này, 5 thành viên, bao gồm cả Chủ tịch sẽ được điều động trong số những người không phải là công chức[[67]](#footnote-68):

+ Các Thứ trưởng hoặc Cán bộ công chức thuộc nhóm Công chức cao cấp, tất cả những người này đang công tác tại các Bộ liên quan và các cơ quan được thành lập theo Sắc lệnh của Tổng thống;

+ Những người có kinh nghiệm và hiểu biết sâu về cung cấp thông tin được Bộ trưởng Hành chính và An ninh điều động

+ Những người được các tổ chức dân sự đề cử (các tổ chức dân sự được quy định tại Điều 2 Luật Hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ và tổ chức phi lợi nhuận) và được Bộ trưởng Bộ Hành chính và An ninh điều động.

Nhiệm kỳ của Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên khác của Ủy ban là 2 năm và có thể được điều động lại miễn sao nhiệm kỳ công tác tại Ủy ban trùng tương ứng với thời hạn mà các cán bộ đó được bổ nhiệm giữ ví trí tại cơ quan mình công tác.

Cấm Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên khác của Ủy ban tiết lộ những thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin của mình hoặc có hành vi thu lợi cho cá nhân từ việc tiết lộ thông tin đó hoặc thỏa thuận với người khác sử dụng thông tin mà mình biết khác để có lợi cho mình.

Áp dụng tương tự các quy định của Luật hình sự và các Luật khác liên quan tới nghĩa vụ của công chức đối với các thành viên của Ủy ban không phải là công chức nhà nước nhưng được điều động làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc thành viên khác của Ủy ban.

Những vấn đề cần thiết cho việc thành lập và hoạt động của Ủy ban và trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết của Ủy ban sẽ được quy định cụ thể trong Sắc lệnh của Tổng thống.

***2.6. Kiểm soát toàn bộ hệ thống***

Bộ trưởng Bộ Hành chính và An ninh sẽ kiểm soát toàn bộ việc xây dựng chính sách, lập kế hoạch công tác và hoàn thiện hệ thống liên quan tới việc cung cấp thông tin theo quy định của Luật này[[68]](#footnote-69).

Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Hành chính của Chính phủ có thể đánh giá tình trạng hoạt động thực tế của hệ thống cung cấp thông tin do các cơ quan công thực hiện sau khi nhận được yêu cầu của Ủy ban về tìm hiểu hiệu quả hoạt động của hệ thống cung cấp thông tin (trừ những hệt hống thông tin của Quốc hội, Tòa án tối cao, Tòa án hiến pháp, Ủy ban bầu cử trung ương)[[69]](#footnote-70).

Nếu phải tiến hành đánh giá theo quy định tại khoản (2) nói trên, thì Bộ trưởng Bộ Hành chính và An ninh phải công bố kết quả đánh giá sau khi báo báo Hội đồng nhà nước thông qua Ủy ban về những vấn đề mà Ủy ban đã kiến nghị giải pháp hoàn thiện, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Hành chính của Chính phủ phải yêu cầu cơ quan công liên quan có biện pháp khắc phục và hoàn thiện theo kiến nghị của báo cáo[[70]](#footnote-71).

***2.7. Nghĩa vụ của người yêu cầu cung cấp thông tin và nghĩa vụ của các cơ quan công***

**-** Người yêu cầu cung cấp thông tin: Mọingười có quyền yêu cầu cung cấp thông tin

**-** Nghĩa vụ của các cơ quan công:

+ Các cơ quan công thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Luật này đồng thời tuân thủ các quy định của các luật và văn bản dưới luật liên quan để bảo đảm tôn trọng quyền yêu cầu cung cấp thông tin của người dân.

(2) Các cơ quan công phải thiết lập hệ thống quản lý thông tin sao cho phù hợp với việc lưu giữ và thuận tiện cho việc tìm kiếm thông tin. Các cơ quan công phải mở một văn phòng và đảm bảo có cán bộ phụ trách cung cấp thông tin và nguồn lực để xây dựng một hệ thống cung cấp thông tin, vv, tận dụng tối đa tính năng của mạng truyền thông.

***2.8. Thủ tục công bố thông tin***

*2.8.1. Cách thức yêu cầu cung cấp thông tin*

Người có yêu cầu cung cấp thông tin (sau đây gọi là người yêu cầu) phải yêu cầu bằng đơn hoặc trực tiếp bằng lời, trong yêu cầu đó nói rõ những thông tin liên quan dưới đây, với cơ quan công:

- Họ, tên, số đăng ký cư trú và địa chỉ nơi cư trú và thông tin liên hệ (số điện thoại, thư điện tử, vv.) của người yêu cầu; và

- Chi tiết nội dung thông tin yêu cầu cung cấp và cách thức cung cấp theo đề nghị của người yêu cầu cung cấp thông tin.

Trong trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin có yêu cầu trực tiếp bằng lời nói thì người yêu cầu phải trình bày với can bộ, công chức hoặc nhân viên phụ trách cung cấp thông tin (sau đây gọi tắt là “cán bộ phụ trách”) và cán bộ phụ trách có nhiệm vụ ghi lại yêu cầu cung cấp thông tin vào phiếu yêu cầu và cả người yêu cầu cung cấp với cán bộ phụ trách cùng ký tên hoặc điểm chỉ và đóng dấu vào phiếu yêu cầu.

Những vấn đề cần thiết khác liên quan tới cách thức, thủ tục,vv. yêu cầu cung cấp thông tin sẽ được quy định trong Quy chế cung cấp thông tin của Quốc hội, Tòa án tối cao, Tòa án hiến pháp, Ủy ban bầu cử trung ương và Sắc lệnh của Tổng thống.

*2.8.2. Quyết định cung cấp hoặc không cung cấp thông tin*

Cơ quan công sẽ ra quyết định cung cấp hoặc không cung cấp thông tin theo yêu cầu như quy định tại Điều 10 trong ṿng 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin.

Trong trường hợp cơ quan công không thể ra quyết định cung cấp hoặc không cung cấp thông tin trong khoảng thời gian qui định tại khoản (1) vì lý do bất khả kháng, thì cơ quan công có thể gia hạn thêm thời thêm 10 ngày nữa tính từ ngày tiếp theo của thời hạn trước kết thúc. Trong trường hợp đó, các cơ quan công phải thông báo ngay bằng văn bản cho người yêu cầu cung cấp thông tin biết về việc gia hạn thời gian và lý do cho việc gia hạn đối với việc cung cấp thông tin theo yêu cầu.

Nếu cơ quan công nhận thấy nội dung thông tin và việc cung cấp thông tin theo yêu cầu có liên quan tới toàn bộ hoặc một phần thông tin của bên thứ ba, thì cơ quan công phải thông báo ngay với bên thứ ba về thực tế yêu cầu cung cấp thông tin và nếu cần thiết, phải nghe các ý của bên thứ ba về yêu cầu đó.

Trong trường hợp cơ quan công nhận được một yêu cầu cung cấp thông tin mà thông tin đó đang được cơ quan công khác nắm giữ và quản lý, thì cơ quan tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin phải chuyển ngay yêu cầu cho cơ quan nắm giữ và quản lý thông tin liên quan đồng thời thông báo ngay bằng văn bản cho người có yêu cầu cung cấp thông tin biết trong đó nói rõ cơ quan liên quan sẽ cung cấp và lý do chuyển yêu cầu cho cơ quan đó.

Trong trường hợp cơ quan công không ra quyết định về việc cung cấp thông tin theo yêu cầu trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, thì được hiểu là đã có quyết định không cung cấp thông tin cho người yêu cầu.

*2.8.3. Hội đồng cung cấp thông tin*

Các cơ quan nhà nước ở trung ương, các cơ quan chính quyền địa phương, các cơ quan do chính quyền đầu tư được thành lập theo quy định tại Điều 2 của Luật khung về cơ quan, tổ chức do chính quyền đầu tư (sau đây gọi tắt là “cơ quan nhà nước”) phải thành lập một Hội đồng cung cấp thông tin (sau đây gọi tắt là “Hội đồng”) để xem xét quyết định đối với yêu cầu cung cấp thông tin như đã nêu tại Điều 11.

Hội đồng gồm 5 đến 7 thành viên trong đó có một thành viên là Chủ tịch Hội đồng. Ngoài Chủ tịch Hội đồng, các thành viên khác của Hội đồng sẽ được chỉ định hoặc điều động từ số cán bộ, công chức, nhân viên thuộc cơ quan liên quan và các chuyên gia từ cơ quan bên ngoài. Một nửa số thành viên được điều động từ cơ quan bên ngoài phải có hiểu biết sâu về công việc chuyên môn của các cơ quan nhà nước liên quan hoặc có hiểu biêt sâu về công tác cung cáp thông tin. Tuy nhiên đối với các cơ quan quản lý thông tin mà các thông tin liên quan thuộc loại thông tin theo quy định tại điểm 2 hoặc 4 của khoản 1 Điều 9, thì người đứng đầu cơ quan có thể quy định cụ thể tỷ lệ số thành viên được điều động từ các cơ quan bên ngoài nhưng không ít hơn một thành viên. Chủ tịch Hội đồng sẽ do người đứng đầu cơ quan liên quan chỉ định hoặc điều động trong số những thành viên đáp ứng các yêu cầu như quy định tại khoản (3) Điều này. Những vấn đề cần thiết liên quan tới tổ chức và hoạt động của Hội đồng sẽ được quy định trong Quy chế hoạt động của Quốc hội, Tòa án tối cao, Tòa án hiến pháp, Ủy ban bầu cử trung ương và Sắc lệnh của Tổng thống.

Các cơ quan công khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin thì phải xem xét quyết định và thông báo cho người yêu cầu cung cấp thông tin biết rõ về thời gian, địa điểm cung cấp thông tin. Các cơ quan công có thể cung cấp bản sao, bản nhân sao tài liều liên quan tới yêu cầu cung cấp làm thành từng đợt riêng lẻ hoặc đồng thời cùng một lúc hoặc chuẩn bị sẵn sàng để người có yêu cầu xem, tùy theo số lượng thông tin yêu cầu và việc cung cấp đó không ảnh hưởng tới hoạt động bình thường của cơ quan. Khi xem xét ra quyết định, các cơ quan công có thể chỉ cung cấp bản sao hoặc nhân sao của các tài liệu chứa thông tin nếu như xét thấy hoặc có lý do tin rằng bản chính của tài liệu, thông tin đó có thể bị làm hỏng hay hư hại khi cung cấp thông tin. Khi quyết định không cung cấp thông tin cho người yêu cầu thì các cơ quan công phải thông báo ngay bằng văn bản tới người yêu cầu về quyết định của mình. Trong trường hợp này, cơ quan công phải nêu rõ lý do đưa ra quyết định không cung cấp thông tin theo yêu cầu và hướng cho người yêu cầu biết rõ cách thức và trình tự thủ tục khiếu nại.

*2.8.4. Cung cấp thông tin và phí cung cấp thông tin*

a) Cung cấp thông tin điện tử

Trong trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin theo hình thức điện tử, thì những thông tin được lưu giữ và quản lý dưới dạng thông tin điện tử phải được cơ quan công liên quan cung cấp theo đúng cách thức mà người yêu cầu đã nêu, trừ trường hợp không thể thực hiện được yêu cầu đó vì đặc điểm của thông tin sẽ cung cấp không cho phép cung cấp dưới hình thức điện tử.

Trong trường hợp thông tin yêu cầu cung cấp không được lưu giữ và quản lý dưới dạng thông tin điện tử, thì cơ quan công liên quan có thể chuyển thông tin dưới dạng điện tử sau khi đã chuyển đổi thông tin sang dạng thông tin điện tử nếu việc chuyển đổi đó không ảnh hưởng tới hoạt động bình thường của cơ quan hoặc làm biến dạng bản chất thông tin liên quan tới yêu cầu cung cấp.

Những vấn đề cần thiết liên quan tới việc cung cấp thông tin dưới dạng điện tử sẽ được quy định trong Quy chế hoạt động của Quốc hội, Tòa án tối cao, Tòa án hiến pháp, Ủy ban bầu cử trung ương và Sắc lệnh của Tổng thống.

b) Cung cấp thông tin có thể xử lý ngay

Những thông tin sau đây có thể cung cấp ngay bằng lời nói hoặc có thể xử lý và cung cấp ngay mà không cần tuân theo trình tự thủ tục, gồm:

- Thông tin được tạo lập nhằm mục đích công khai thông tin theo quy định của các luật và các văn bản dưới luật;

- Những tài liệu công khai khác nhau được tạo lập để phục vụ mục đích xuất bản công khai ra công chúng;

- Những thông tin mà việc cung cấp thông tin đó đã được quyết định từ trước và việc cung cấp không mất nhiều thời gian;

- Các thông tin khác mà người đứng đầu cơ quan công quy định.

c) Thanh toán phí cung cấp thông tin

+ Người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả phí cung cấp thông tin và chịu các chi phí thực tế liên quan đến việc gửi qua bưu điện các thông tin theo yêu cầu;

+ Chi phí cung cấp thông tin có thể được xét giảm hoặc miễn nếu như việc yêu cầu cung cấp thông tin đó để sử dụng vào mục đích thông tin yêu cầu công khai là cần thiết đối với việc duy trì và phát triển lợi ích công cộng;

+ Các vấn đề cần thiết đối với việc quy định mức phí và việc thu phí cung cấp thông tin sẽ được điều chỉnh bằng Quy chế của Quốc hội, Toà án tối cao, Toà án Hiến pháp, Uỷ ban quản lý bầu cử trung ương và sắc lệnh của Tổng thống.

***2.9. Thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại***

*2.9.1. Nộp đơn khiếu nại*

Khi người yêu cầu cung cấp thông tin không hài lòng với quyết định của cơ quan công về việc không cung cấp hoặc quyết định cung cấp một phần thông tin theo yêu cầu thì có thể gửi khiếu nại/phản đối bằng văn bản đến cơ quan công liên quan trong vòng 30 ngày kể từ ngày người yêu cầu nhận được thông báo của cơ quan công liên quan về quyết định đối với yêu cầu cung cấp thông tin, hoặc kể từ ngày được hiểu là ngày cơ quan có quyết định về việc không cung cấp thông tin;

Cơ quan công liên quan khi nhận được khiếu nại phải xem xét giải quyết và trong vòng bay (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại phải thông báo ngay bằng văn bản cho người khiếu nại biết về quyết định của mình đối với khiếu nại đó. Trong trường hợp nếu cơ quan không thể quyết định được trong vòng 07 ngày vì lý do bất khả kháng thì cơ quan có thể gia hạn thời gian thêm 07 ngày tiếp theo kể từ ngày hết hạn giải quyết và ra quyết định đồng thời thông báo cho người khiếu nại biết lý do gia hạn thời gian giải quyết khiếu nại;

Khi quyết định từ chối hoặc bác đơn yêu cầu giải quyết khiếu nại của người có yêu cầu giải quyết khiếu nại, thì cơ quan công liên quan phải thông báo cho người khiếu nại biết quyết định của mình để người khiếu nại có thể nộp đơn khiếu kiện ra cơ quan tài phán hành chính hoặc tòa hành chính sơ thẩm xem xét giải quyết.

*2.9.2. Kiện hành chính*

Nếu người yêu cầu cung cấp thông tin không hài lòng với một quyết định của cơ quan công về cung cấp thông tin theo yêu cầu, thì người yêu cầu có thể nộp đơn kiện ra Tòa Hành chính theo qui định của Luật khiếu kiện hành chính. Trong trường hợp đó, người bị kiện là người đứng đầu cơ quan công liên quan tới việc ra quyết định chứ không phải người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương, hay người đứng đầu chính quyền địa phương[[71]](#footnote-72).

Người khởi kiện có thể làm đơn khởi kiện quyết định hành chính ra Cơ quan tài phán Hành chính mà không cần phải thực hiện khiếu nại theo trình tự, thủ tục khiếu nại.

Trong thời gian công tác cũng như sau khi đã nghỉ hưu, thành viên của Cơ quan tài phán hành chính tham gia vào việc giải quyết vụ kiện hành chính đối với quyết định cung cấp thông tin không được để lộ ra những bí mật mà mình biết được trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình .

*2.9.3.* *Tố tụng hành chính*

Nếu người yêu cầu cung cấp thông tin không hài lòng với một quyết định của cơ quan công về cung cấp thông tin theo yêu cầu, thì có thể nộp đơn kiện ra Tòa Hành chính theo qui định của Luật Tố tụng hành chính.

Chủ toạ phiên toà, nếu thấy cần thiết sẽ họp kín để xem xét và kiểm tra lại thông tin đã cung cầu theo yêu cầu, việc cung cấp thông tin theo yêu cầu mà không cần triệu tập các bên liên quan.

Nếu như đối tượng của vụ kiện tụng liên quan đến việc ra quyết định không cung cấp hoặc cung cấp một phần thông tin theo yêu cầu vì thông tin đó liên quan đến an ninh quốc gia, quốc phòng và ngoại giao và thủ tục của cơ quan công liên quan về việc phân loại thông tin cũng như mức độ cho phép, loại thông tin và lý do phải giữ bí mật hoặc lý do cho việc không cung cấp thông tin, thì chủ toạ phiên toà có thể quyết định rằng các thông tin đó không được cung cấp.

*2.9.4.**Yêu cầu của bên thứ ba về giữ bí mật thông tin*

Bên thứ ba đã được thông báo về yêu cầu cung cấp thông tin có thể yêu cầu cơ quan công liên quan không công khai thông tin như yêu cầu trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Nếu như yêu cầu không công bố thông tin đã được bên thứ ba đề nghị, mà cơ quan công liên quan vẫn quyết định cung cấp thì cơ quan phải thông báo ngay bằng văn bản nói rõ lý do của việc quyết định cung cấp, ngày cung cấp; và khi nhận được thông báo đó, bên thứ ba có thể gửi văn bản để phản đối/khiếu nại tới cơ quan đã ra quyết định hoặc khởi kiện hành chính đối với cơ quan công liên quan. Trong trường hợp khiếu nại, thì bên thứ ba phải có đơn khiếu nại gửi cơ quan liên quan trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

Cơ quan công liên quan sẽ có 30 ngày kể từ ngày ra quyết định cung cấp thông tin và ngày thông tin được cung cấp để xem xét giải quyết khiếu nại.

**3. Luật tiếp cận thông tin của Cộng hòa Slovennia**

Luật được ban hành ngày 25/02/2003 (Số 010-01/02-11/2) tại Ljubljana. Luật sửa đổi và bổ sung Luật Tiếp cận thông tin (ZDIJZ-A) (Công báo nước Cộng hòa Slovenia số 61-2663/2005) thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2005

Luật này quy định thủ tục bảo đảm việc tiếp cận một cách tự do và sử dụng lại các thông tin công do các cơ quan nhà nước ở trung ương, địa phương, các cơ quan, quỹ công, các cơ quan được quy định trong các luật công, các cơ quan được sử dụng quyền lực công và các đơn vị hợp đồng thực hiện cung ứng dịch vụ công (sau đây gọi tắt là “cơ quan") nắm giữ.

Với việc ban hành Luật này, các chỉ thị sau đây của Cộng đồng Châu Âu có giá trị thi hành và được chuyển hoá vào hệ thống pháp luật của Slovenia: Chỉ thị 2003/4/ES của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 28 tháng 1 năm 2003 về việc tiếp cận đối với các thông tin về môi trường và huỷ bỏ Chỉ thị số 90/313/EEC của Hội đồng, Chỉ thị 2003/98/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 17 tháng 11 năm 2003 về việc sử dụng lại các thông tin công.

Danh mục thông tin của các cơ quan trên phải được xây dựng dựa trên cơ sở dữ liệu của Cơ quan đăng ký hoạt động (business register) của Cộng hoà Slovenia được Bộ Hành chính công của Slovenia (sau đây gọi tắt là "Bộ") công bố và cập nhật hàng năm trên internet.

Danh mục các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này do Chính phủ Cộng hòa Slovenia (sau đây goi tắt là “chính phủ) công bố cập nhật hàng năm.

***3.1. Mục tiêu của Luật***

Luật này là bảo đảm sự công khai minh bạch trong các hoạt động của cơ quan nhà nước cũng như tạo điều kiện cho cá nhân và pháp nhân thực hiện quyền

***3.2. Thông tin công***

Thông tin công là thông tin được hình thành trong quá trình xử lý công việc thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan và có thể được thể hiện dưới dạng một tài liệu, hồ sơ, sổ đăng ký, băng đĩa hay một dạng tài liệu hữu hình nào khác (sau đây gọi chung là “tài liệu”) do chính cơ quan hay đơn vị hợp tác với cơ quan xây dựng hoặc cơ quan có được từ một nguồn khác.

Theo quy định của Luật này, tài liệu lưu trữ do cơ quan lưu trữ có thẩm quyền nắm giữ và thuộc phạm vi dịch vụ lưu trữ công theo quy định của Luật lưu trữ thì không được coi là thông tin công.

Việc sử dụng lại thông tin, tài liệu có nghĩa là việc cá nhân hoặc pháp nhân sử dụng thông tin, tài liệu do cơ quan công nắm giữ phục vụ mục đích thương mại hoặc phi thương mại nhưng mục đích này khác với mục đích ban đầu khi tài liệu, thông tin được tạo ra là nhằm phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ công. Việc trao đổi tài liệu, thông tin giữa các cơ quan nhà nước chỉ nhằm mục đích thực hiện nhiệm vụ công của các cơ quan này thì không phải là việc sử dụng lại thông tin, tài liệu.

***3.3. Nguyên tắc tiếp cận tự do***

- Mọi cá nhân và pháp nhân (sau đây gọi chung là “người yêu cầu") đều có quyền tiếp cận một cách tự do các thông tin công.

- Người yêu cầu, khi đưa ra yêu cầu tiếp cận thông tin, có quyền đề nghị cơ quan nắm giữ thông tin đó cho xem, cung cấp bản ghi, bản sao hoặc bản sao chép thông tin dưới dạng điện tử.

- Bất kỳ người yêu cầu nào đều có quyền bình đẳng và phải đáp ứng các điều kiện ngang nhau trong việc thực hiện quyền sử dụng lại thông tin cho cả mục đích thương mại và phi thương mại.

- Khi điều kiện cho phép, các cơ quan có trách nhiệm công khai các thông tin, tài liệu thông qua các phương tiện điện tử. Quy định này không hàm ý rằng các cơ quan có nghĩa vụ tạo ra hay điều chỉnh lại tài liệu chỉ với mục đích đáp ứng yêu cầu trên của cơ quan hoặc của bất kỳ người nào khác. Quy định này cũng không hàm ý rằng cơ quan có trách nhiệm phải cung cấp phần trích tài liệu nếu việc này yêu cầu cơ quan phải thực hiện những nỗ lực không thoả đáng và làm ảnh hưởng tới hoạt động bình thường của cơ quan.

***3.4. Các trường hợp*** ***từ chối cho tiếp cận thông tin:***

3.4.1. Cơ quan nắm giữ thông tin có quyền từ chối cho tiếp cận thông tin nếu yêu cầu tiếp cận thông tin liên quan đến:

- Thông tin, theo quy định của Luật về bảo mật dữ liệu, thuộc diện thông tin mật;

- Thông tin được coi là bí mật kinh doanh theo quy định của Luật công ty;

- Thông tin cá nhân mà việc công bố thông tin này vi phạm các quy định bảo vệ các quyền và thông tin cá nhân theo quy định của Luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Thông tin mà việc công bố thông tin đó vi phạm các quy định về bảo mật thông tin cá nhân được đề cập trong các báo cáo thống kê theo quy định của Luật về hoạt động thống kê;

- Thông tin mà việc công bố vi phạm các bí mật về quy trình thuế hoặc bí mật về thuế theo quy định của Luật thuế;

- Thông tin được thu thập và tạo ra nhằm phục vụ các hoạt động truy tố tội phạm hình sự, có liên quan đến truy tố tội phạm hình sự, hoặc quá trình xét xử mà việc công bố thông tin sẽ vi phạm quy trình điều tra, truy tố, xét xử;

- Thông tin được thu thập và tạo ra nhằm phục vụ việc thực hiện quy trình, thủ tục hành chính mà việc công bố thông tin sẽ vi phạm quy trình, thủ tục này;

- Thông tin được thu thập và tạo ra nhằm phục vụ cho việc tiến hành các thủ tục tố tụng dân sự, thủ tục giải quyết các vụ án dân sự không tranh tụng hoặc các thủ tục toà án khác mà mà việc công bố thông tin sẽ vi phạm các quy trình, thủ tục này;

- Thông tin có trong tài liệu mà tài liệu này vấn đang trong giai đoạn soạn thảo, lấy ý kiến trong nội bộ của cơ quan và việc công bố thông tin có thể dẫn đến việc hiểu sai nội dung tài liệu;

- Thông tin về giá trị tự nhiên và giá trị văn hoá mà theo quy định của Luật bảo tồn di sản tự nhiên hoặc di sản văn hoá là thông tin không được công khai nhằm bảo vệ giá trị tự nhiên hoặc giá trị văn hoá đó.

- Thông tin thuộc về tài liệu được xây dựng trong quá trình làm việc nội bộ của cơ quan hoặc tài liệu về hoạt động của cơ quan mà việc công bố thông tin có thể gây ảnh hưởng tiêu cực tới quá trình làm việc hoặc hoạt động của cơ quan.

3.4.2. Yêu cầu tiếp cận thông tin được đáp ứng và không bị coi là trái với quy định trong trường hợp việc công bố thông tin yêu cầu đem lại lợi ích cho cộng đồng lớn hơn so với lợi ích công cộng hoặc lợi ích của người nào đó nếu như thông tin không được công bố, trừ các trường hợp sau đây:

- Đối với thông tin mà theo quy định của Luật bảo mật dữ liệu, được xác định rõ là thông tin thuộc một trong hai cấp độ mật cao nhất;

- Đối với thông tin có chứa đựng hoặc được xây dựng dựa trên cơ sở thông tin mật của quốc gia khác hoặc tổ chức quốc tế mà Cộng hoà Slovenia đã ký kết thoả thuận quốc tế về trao đổi và truyền dẫn thông tin mật;

- Đối với thông tin có chứa đựng hoặc được xây dựng dựa trên cơ sở quy trình thuế do một cơ quan của quốc gia khác chuyển giao đến các cơ quan của Cộng hoà Slovenia.

3.4.3. Yêu cầu tiếp cận thông tin được đáp ứng và không bị coi là trái với quy định nếu:

- Thông qua việc xem xét yêu cầu cho thấy thông tin được yêu cầu liên quan tới việc sử dụng các quỹ công, liên quan tới việc thực thi các chức năng công hoặc liên quan đến quan hệ lao động của cán bộ, công chức, ngoại trừ các trường hợp quy định tại điểm 1, điểm 5 và điểm 8 khoản 1 Điều này và các trường hợp mà Luật tài chính công và Luật giao dịch công có quy định khác;

- Thông qua việc xem xét yêu cầu cho thấy thông tin được yêu cầu liên quan tới tình trạng suy thoái môi trường, rác thải, các chất nguy hiểm sử dụng trong nhà máy hoặc là thông tin có chứa đựng nội dung báo cáo về sự an toàn đối môi trường sống và các thông tin khác theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

Trường hợp người yêu cầu cho rằng thông tin được xếp vào diện mật trái với quy định của Luật bảo mật dữ liệu, người yêu cầu có quyền đề nghị huỷ bỏ chế độ mật đối với thông tin này.

Cơ quan quản lý thông tin có thể lựa chọn việc không cung cấp thông tin theo yêu cầu nếu thông tin này hoàn toàn có thể tiếp cận miến phí thông qua cơ quan đăng ký nhà nước hoặc có thể tiếp cận một cách rộng rãi (đăng tải trên công báo, ấn phẩm của cơ quan, các phương tiện truyền thông, các ấn phẩm chuyên môn, internet và các phương tiện tương tự). Trong trường hợp này, cơ quan chỉ cần đưa ra những chỉ dẫn về nơi có thể tiếp cận thông tin cho người yêu cầu.

3.4.4. Cơ quan quản lý thông tin từ chối yêu cầu được sử dụng lại thông tin nếu yêu cầu có liên quan đến:

- Thông tin được quy định tại khoản 1 Điều này.

- Thông tin được bảo vệ theo quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba, hoặc

- Thông tin do các cơ quan thực hiện dịch vụ công trong lĩnh vực truyền thanh - truyền hình hoặc các cơ quan thực hiện dịch vụ công trong các lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu và hoạt động văn hoá nắm giữ, hoặc

***3.5. Tiếp cận một phần thông tin***

Nếu toàn bộ tài liệu hoặc một phần tài liệu chứa đựng thông tin thuộc trường hợp ngoại lệ quy định tại Điều trên và phần thông tin đó có thể tách khỏi tài liệu mà không ảnh hưởng tới tính bảo mật của thông tin, thì người có thẩm quyền của cơ quan sẽ quyết định việc tách phần thông tin đó ra khỏi phần còn lại của tài liệu và cung cấp phần thông tin có thể tiếp cận cho người yêu cầu hoặc cho phép người yêu cầu được sử dụng lại thông tin, tài liệu đó.

*3.5.1. Danh mục các thông tin công*

- Mọi cơ quan có trách nhiệm duy trì liên tục và công bố một cách phù hợp (trên trang tin chính thức của cơ quan, trên trang web, v.v), cung cấp hoặc cho người yêu cầu xem tại chỗ danh mục thông tin công được sắp xếp theo từng nội dung cụ thể mà cơ quan hiện lưu giữ.

- Bộ có trách nhiệm duy trình thường xuyên và đăng tải trên internet danh mục thông tin công của quốc gia, bao gồm danh mục thông tin của từng cơ quan.

*3.5.2. Bố trí cán bộ chuyên trách thông tin*

- Mọi cơ quan phải bố trí một hoặc một số cán bộ chuyên trách phụ trách việc cung cấp thông tin công.

- Một số cơ quan có thể phối hợp cùng chỉ định một hoặc một số cán bộ đại diện chung chuyên trách việc cung cấp thông tin công và việc chỉ định này không bị coi là trái với quy định tại khoản trên.

*3.5.3. Chuyển thông tin lên trang Web*

Các cơ quan có trách nhiệm đưa các thông tin công sau lên trang mạng:

- Bản hợp nhất các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động của cơ quan và có đường link đến địa chỉ trang web của cơ quan quốc gia về đăng ký văn bản pháp luật.

- Các chương trình, chiến lược, quan điểm và hướng dẫn chung về những vấn đề quan trọng trong quan hệ giữa cơ quan với cá nhân và pháp nhân nhằm tạo điều kiện cho các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ tương ứng của mình, các công trình nghiên cứu và các tài liệu tương tự liên quan đến lĩnh vực hoạt động của cơ quan;

- Đề xuất xây dựng văn bản pháp luật, chương trình, chiến lược và các tài liệu khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động của cơ quan;

- Tất cả các ấn phẩm và tài liệu về đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và giao dịch công;

- Thông tin về các hoạt động của cơ quan và các dịch vụ hành chính, tư pháp và các dịch vụ khác mà cơ quan cung ứng;

- Tất cả những thông tin đã được yêu cầu cung cấp ít nhất là 3 lần;

Các cơ quan có trách nhiệm tạo điều kiện cho việc tiếp cận miễn phí các thông tin quy định tại khoản trên. Bộ có trách nhiệm tạo điều kiện cho việc tiếp cận các thông tin thông qua cổng thông tin điện tử chung của Chính phủ.

***3.6. Thủ tục yêu cầu cung cấp hoặc sử dụng lại thông tin***

Yêu cầu tiếp cận thông tin: Người yêu cầu có thể yêu cầu được tiếp cận hoặc sử dụng lại thông tin công dưới hình thức yêu cầu bằng bằng văn bản hoặc bằng hình thức không chính thống.

Người đưa ra yêu cầu tiếp cận hoặc sử dụng lại thông tin bằng văn bản được bảo vệ về mặt pháp lý theo quy định.

*3.6.1. Yêu cầu tiếp cận thông tin bằng lời nói*

a) Yêu cầu bằng hình thức không chính thống

- Nếu người yêu cầu đưa ra yêu cầu tiếp cận hoặc sử dụng lại thông tin bằng hình thức không chính thống, cơ quan có trách nhiệm bảo đảm người đó được tiếp cận hoặc sử dụng lại thông tin, trừ các trường hợp ngoại lệ theo quy định.

Trường hợp cơ quan chấp nhận yêu cầu, cơ quan phải bảo đảm người yêu cầu có thể nắm bắt được nội dung thông tin được yêu cầu bằng cách cho người này xem thông tin yêu cầu ngay tại trụ sở hoặc cung cấp cho họ thông tin dưới dạng bản ghi, bản sao, bản sao điện tử hoặc cho họ sử dụng lại thông tin.

- Trường hợp người yêu cầu đề nghị được xem thông tin tại chỗ thì cơ quan có trách nhiệm bảo đảm rằng đề nghị này được đáp ứng ở mức mà người yêu cầu có đủ thời gian nắm bắt được thông tin.

- Yêu cầu bằng hình thức không chính thống không được coi là yêu cầu theo thủ tục hành chính được quy định tại Luật thủ tục hành chính.

b) Yêu cầu thông tin bằng văn bản

- Cơ quan quyết định ban hành trình tự, thủ tục yêu cầu cho tiếp cận thông tin bằng văn bản theo trình tự, thủ tục. Đối với các vấn đề liên quan đến trình tự, thủ tục yêu cầu bằng văn bản mà Luật này không điều chỉnh thì các quy định của của Luật thủ tục hành chính được áp dụng.

- Nộp đơn yêu cầu: Người yêu cầu tiếp cận thông tin gửi đơn yêu cầu tới cơ quan mà theo người đó là cơ quan đang nắm giữ thông tin. Trong trường hợp người yêu cầu gửi đơn yêu cầu dưới dạng điện tử thì sẽ áp dụng các quy định của Luật thương mại và chữ ký điện tử.

Những nội dung cần phải có trong đơn yêu cầu

+ Đơn yêu cầu phải nêu rõ cơ quan tiếp nhận yêu cầu; tên người, công ty hoặc pháp nhân, đại diện hoặc đại diện toàn quyền của người/công ty hoặc pháp nhân đó và địa chỉ của họ.

+ Trong đơn yêu cầu tiếp cận thông tin, người yêu cầu phải nêu rõ: Thông tin mà họ muốn được tiếp cận; Cách thức mà người yêu cầu muốn tiếp cận nội dung của thông tin được yêu cầu (xem tại chỗ, được cung cấp bản ghi, bản sao hoặc bản sao điện tử); Người yêu cầu không phải nêu cơ sở pháp lý của việc yêu cầu và cũng không phải nêu lý do tiếp cận thông tin. Căn cứ vào tính chất và nội dung yêu cầu, nếu yêu cầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này thì cơ quan quản lý thông tin phải xem xét yêu cầu theo quy định của Luật.

+ Trong yêu cầu sử dụng lại thông tin công, người yêu cầu phải nêu rõ: Thông tin mà họ muốn được sử dụng lại; Cách thức mà người yêu cầu muốn nắm bắt nội dung của thông tin được yêu cầu (bản ghi theo cách truyền thống hoặc điện tử và thông thường là cả hình thức và công cụ chứa đựng bản ghi).

+ Mục đích của việc sử dụng lại thông tin (phục vụ mục đích thương mại hoặc phi thương mại).

- Bổ sung nội dung đơn yêu cầu:

+ Nếu đơn yêu cầu chưa hoàn chỉnh ở mức đủ để cơ quan có thể xử lý thì cơ quan tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm đề nghị người yêu cầu hoàn thiện đơn yêu cầu trong thời hạn mà cơ quan đưa ra. Thời gian này không được ngắn hơn 03 ngày làm việc.

+ Cán bộ thông tin có trách nhiệm cung cấp cho người yêu cầu những trợ giúp cần thiết trong việc bổ sung và hoàn thiện đơn yêu cầu.

+ Trường hợp người yêu cầu không hoàn thiện đơn yêu cầu trong thời hạn theo quy định hoặc đơn yêu cầu không đáp ứng các điều kiện quy định ngay cả khi đã được bổ sung, chỉnh lý khiến cơ quan tiếp nhận đơn không thể xử lý được yêu cầu, thì cơ quan này sẽ giải quyết yêu cầu.

*3.6.2. Không chấp nhận yêu cầu*

Cơ quan quản lý thông tin có quyền ra quyết định không chấp nhận yêu cầu trong các trường hợp các điều kiện về mặt thủ tục quy định tại Điều 17 và 18 Luật này không được đáp ứng.

*3.6.3. Xử sự của cơ quan trong trường hợp cơ quan không lưu giữ thông tin được yêu cầu*

Trong trường hợp cơ quan tiếp nhận đơn yêu cầu nhưng không nắm giữ thông tin thì ngay lập tức trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày khi tiếp nhận yêu cầu, cơ quan này có trách nhiệm chuyển yêu cầu tới cơ quan có liên quan đến nội dung yêu cầu hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu và thông báo về sự việc này cho người người yêu cầu.

*3.6.4. Quyết định đối với yêu cầu*

Đại diện của cơ quan hoặc cán bộ chuyên trách về thông tin theo quy định tại Điều 9 của Luật có trách nhiệm thực hiện các thủ tục xử lý và quyết định đối với yêu cầu tiếp cận hoặc sử dụng lại thông tin trong phạm vi cơ quan mình theo quy định của Luật Thủ tục hành chính.

***3.7. Lợi ích công***

- Trong trường hợp trong đơn yêu cầu, người yêu cầu cho rằng việc công bố thông tin là nhằm bảo đảm ưu tiên lợi ích công cộng theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật hoặc trường hợp người đại điện cơ quan hoặc cán bộ chuyên trách về thông tin xét thấy việc công cấp thông tin là cần thiết thì trên cơ sở đề nghị của người đại diện của cơ quan, việc quyết định công bố thông tin sẽ thuộc về:

+ Chính phủ, trong trường hợp cơ quan nắm giữ thông tin là cơ quan thuộc hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, văn phòng công tố nhà nước, văn phòng tổng chưởng lý, các cơ quan thuộc phạm vi điều chỉnh của luật công, cơ quan được thành lập do sáng kiến từ cơ quan nhà nước ở cấp quốc gia, cơ quan sử dụng quyền lực công và cơ quan hợp đồng cung cấp dịch vụ công ở cấp độ quốc gia;

+ Toà án tối cao, nếu cơ quan nắm giữ thông tin là toà án;

+ Hội đồng của chính quyền tự quản địa phương, nếu cơ quan quản lý thông tin là cơ quan thuộc hệ thống chính quyền địa phương, là chủ thể của luật công, là cơ quan được thành lập do sáng kiến từ chính quyền tự quản địa phương, cơ quan sử dụng quyền lực công và cơ quan hợp đồng cung cấp dịch vụ công ở cấp độ địa phương;

+ Chính cơ quan quản lý thông tin nếu cơ quan đó không thuộc các cơ quan quy định tại các phần trên.

***3.8. Quyết định***

- Trường hợp cơ quan đáp ứng tiếp yêu cầu tiếp cận thông tin thì cơ quan không phải ra quyết định mà chỉ ra thông báo chính thức.

- Trong trường hợp cơ quan từ chối không đáp ứng một phần hay toàn bộ đơn yêu cầu thì cơ quan phải ra quyết định bằng văn bản.

- Trong trường hợp cơ quan đáp ứng yêu cầu được sử dụng lại thông tin, cơ quan phải ra quyết định bằng văn bản về việc cho phép sử dụng lại thông tin, mức phí cho việc sử dụng lại thông tin cũng như các điều kiện khác theo quy định của Luật.

- Trong trường hợp cơ quan ra quyết định từ chối, ngoài các phần khác, quyết định phải nêu rõ lý do của việc từ chối đáp ứng yêu cầu cũng như quyền khiếu nại đối với quyết định này của người yêu cầu.

- Trong trường hợp cơ quan từ chối một phần hoặc toàn bộ yêu cầu, phải chỉ rõ người có quyền khước từ quyền sở hữu trí tuệ hoặc ít nhất là chỉ ra phạm vi quyền sở hữu trí tuệ mà cơ quan này có được là từ người nào.

- Trong trường hợp cơ quan quản lý thông tin không đáp ứng yêu cầu của người yêu cầu tiếp cận thông tin trong thời hạn quy định tại Điều 23 của Luật này hoặc cơ quan không đưa ra quyết định từ chối yêu cầu hoặc quyết định cho phép sử dụng lại thông tin, thì đơn yêu cầu tiếp cận thông tin được coi là đã bị cơ quan từ chối.

***3.9. Thời hạn ra quyết định***

Cơ quan quản lý thông tin phải nhanh chóng ra quyết định đối với yêu cầu tiếp cận thông tin, chậm nhất là 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu hoàn chỉnh.

**3.10. *Các điều kiện ngoại lệ***

- Trong trường hợp cơ quan quản lý thông tin cần thêm thời gian để xử lý yêu cầu do cần xử lý để cho tiếp cận một phần thông tin cần thêm thời gian tổng hợp thông tin, thì có thể gia hạn thời gian nhưng thời gian gia hạn không được quá 30 ngày làm việc.

- Cơ quan ra quyết định về việc gia hạn thời hạn, trong đó phải giải thích rõ cơ sở của việc gia hạn và phải thông báo cho người yêu cầu cung cấp thông tin. Cơ quan quyết định việc gia hạn thời hạn chậm nhất là trong khoảng thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

- Người yêu cầu không được khiếu nại đối với quyết định trên của cơ quan quản lý thông tin.

- Trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 được áp dụng, cơ quan quản lý thông tin có trách nhiệm đề xuất cơ quan có thẩm quyền ra quyết định trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu và cơ quan có thẩm quyền phải ra quyết định đối với yêu cầu trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan quản lý thông tin.

***3.11. Tiếp cận thông tin***

- Nếu cơ quan quản lý thông tin đáp ứng yêu cầu tiếp cận thông tin thì cơ quan này có trách nhiệm tạo điều kiện cho người yêu cầu có thể nắm bắt được nội dung thông tin bằng cách cung cấp thông tin để người yêu cầu có thể xem tại chỗ hoặc cung cấp cho người yêu cầu bản ghi, bản sao hoặc bản sao điện tử.

- Trong trường hợp thông tin yêu cầu được bảo vệ theo quy định về Luật bản quyền và cơ quan quản lý thông tin quyết định đáp ứng yêu cầu tiếp cận thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có trách nhiệm tạo điều kiện cho người yêu cầu có thể nắm bắt được thông tin thông qua việc cho phép họ xem tại chỗ.

- Trong trường hợp người yêu cầu đề nghị xem thông tin tại chỗ thì cơ quan quản lý thông tin có trách nhiệm đáp ứng đề nghị và phải tạo điều kiện để người yêu cầu có đủ thời gian nắm bắt được nội dung thông tin.

- Trong trường hợp người yêu cầu cho rằng thông tin cung cấp (thông tin mà người đó đã nắm bắt) không phải là thông tin yêu cầu nêu trong đơn thì người yêu cầu có thể đề nghị cơ quan quản lý thông tin cung cấp lại thông tin đúng theo yêu cầu trong đơn. Cơ quan quản lý thông tin có trách nhiệm nhanh chóng xem xét đề nghị này như theo quy định tại khoản trên, trong thời hạn tối đa là 3 làm việc.

***3.12. Từ chối không đáp ứng yêu cầu***

Trong trường hợp cơ quan quản lý thông tin xét thấy thông tin yêu cầu thuộc phạm vi các trường hợp ngoại lệ quy định tại Điều 6 của Luật, cơ quan này có thể từ chối không đáp ứng toàn bộ hoặc một phần yêu cầu tiếp cận thông tin.

***3.13. Thủ tục khiếu nại***

*3.13.1. Quyền khiếu nại*

- Người yêu cầu có quyền khiếu nại đối với quyết định từ chối đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin cũng như quyết định không chấp nhận yêu cầu tiếp cận thông tin.

- Người yêu cầu cũng có quyền khiếu nại đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 25 của Luật này hoặc đối với trường hợp thông tin được cung cấp không ở hình thức yêu cầu theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 17 của Luật này.

- Cao uỷ viên về tiếp cận thông tin công xem xét và quyết định giải quyết khiếu nại.

- Trình tự, thủ tục khiếu nại được thực hiện theo quy định của Luật thủ tục hành chính.

*3.13.2. Cao uỷ viên về tiếp cận thông tin công*

- Cao uỷ viên về tiếp cận thông tin công (sau đây gọi tắt là “Cao uỷ viên") là cơ quan độc lập có thẩm quyền xem xét và ra quyết định giải quyết khiếu nại liên quan đến việc từ chối đáp ứng yêu cầu tiếp cận thông tin hoặc không chấp nhận yêu cầu cung cấp thông tin.

- Cao uỷ viên do Quốc hội nước Cộng hòa Slovenia bổ nhiệm, theo đề nghị của Tổng thống nước Cộng hòa Slovenia.

- Công dân nước Cộng hòa Slovenia đều có thể được bổ nhiệm là Cao uỷ viên.

- Cao uỷ viên được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ 5 năm và chỉ có thể được tái bổ nhiệm thêm một nhiệm kỳ.

- Ngân sách phục vụ cho hoạt động của Cao uỷ viên là từ ngân sách nhà nước Cộng hòa Slovenia. Quốc hội nước Cộng hòa Slovenia định mức phân bổ ngân sách cho hoạt động này theo đề nghị của Cao uỷ viên.

*3.13.3.**Vị trí của Cao uỷ viên và việc bãi nhiệm*

- Cao uỷ viên có địa vị pháp lý là quan chức nhà nước.

- Việc bãi nhiệm trước nhiệm kỳ đối với Cao uỷ viên chỉ được tiến hành theo yêu cầu của chính người đó hoặc khi Cao uỷ viên phạm tội, bị kết án và bị phạt tù có thời hạn hoặc trong trường hợp Cao uỷ viên vĩnh viễn mất khả năng làm việc và không thể thực hiện nhiệm vụ.

- Thủ tục bãi nhiệm Cao uỷ viên cũng được tiến hành khi có đề nghị của 1/3 số đại biểu Quốc hội. Quốc hội nước Cộng hòa Slovenia quyết định bãi nhiệm Cao uỷ viên nếu được đa số các đại biểu bỏ phiếu tán thành việc bãi nhiệm.

*3.13.4. Bộ phận chuyên môn giúp việc Cao uỷ viên*

- Cao uỷ viên tổ chức và thực hiện công việc theo Quy tắc thủ tục. Cao uỷ viên ban hành Quy tắc thủ tục sau khi có có sự đồng ý của Quốc hội nước Cộng hòa Slovenia và có trách nhiệm đăng tải Quy tắc này trên Công báo nước Cộng hòa Slovenia.

- Cao uỷ viên có tổ chuyên môn giúp việc bao gồm không quá hai chuyên gia tư vấn.

- Cao uỷ viên có thể chỉ định các công chức đang làm việc trong bộ máy nhà nước làm tư vấn hoặc chuyên gia giúp việc cho mình trong khoảng thời gian nhất định. Sau thời hạn trên, những người này được quyền trở lại cơ quan và vị trí công tác của họ.

-Các nhiệm vụ mang tính chất tổ chức hành chính của Cao uỷ viên do Bộ quy định.

***3.14. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước***

*3.14.1. Khiếu kiện hành chính*

Quyết định giải quyết khiếu nại của Cao uỷ viên có thể bị khởi kiện bằng con đường khiếu kiện hành chính theo luật định.

*3.14.2. Trách nhiệm của Bộ*

Bộ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ nhằm tăng cường và đẩy mạnh việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin công.

Các nhiệm vụ của Bộ quy định tại khoản trên cụ thể là:

- Quy định rõ hình thức, điều kiện và phương tiện tiếp cận thông tin;

- Hướng dẫn các cơ quan khác áp dụng các quy định của Luật này;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác nhằm bảo đảm và tăng cường quyền tiếp cận thông tin công.

- Bộ có trách nhiệm kiểm tra và giám sát việc thực hiện Luật này.

- Cao uỷ viên trong khuôn khổ quyền hạn theo quy định về thủ tục khiếu nại có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Luật này và giám sát hoạt động của các cơ quan hành pháp trong việc thực hiện các quy định Luật.

*3.14.3. Phí cung cấp thông tin*

Việc xem thông tin ngay tại chỗ được miễn phí.

Cơ quan cung cấp thông tin có thể thu phí đối với người yêu cầu nhằm trang trải chi phí thực tế cho bản in, bản sao hoặc bản sao điện tử các thông tin được yêu cầu.

Mức phí và các điều kiện khác đối với việc sử dụng lại thông tin

- Cơ quan có thể thu phí đối với yêu cầu được sử dụng lại thông tin phục vụ cho mục đích thương mại, trừ trường hợp sử dụng lại thông tin chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, bảo đảm thực hiện quyền tự do bày tỏ chính kiến hay sử dụng lại thông tin phục vụ cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật và truyền thông.

- Mức phí thu không được vượt quá chi phí cho việc thu thập, xây dựng, xây dựng lại, phân phát tài liệu và một khoản tái đầu tư ở mức hợp lý. Mức phí thu phải được điều chỉnh đảm bảo hiệu quả chi phí và được xác định theo khoảng thời gian kế toán thông thường cũng như phù hợp với các nguyên tắc kế toán của cơ quan. Bản thân phương pháp tính mức phí thu cũng là thông tin công và theo quy định tại Luật này thì cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin trên cho người yêu cầu.

- Cơ quan không được thu phí đối với các thông tin mà cơ quan đã đăng trên internet miễn phí.

*3.14.4. Trách nhiệm của Chính phủ*

- Chính phủ quy định biểu thu phí và trên cơ sở đó các cơ quan tính và thu phí

- Chính phủ quy định biện pháp và điều kiện cụ thể xây dựng mức phí thu.

*3.14.5.**Biểu phí và việc công khai biểu phí*

- Cơ quan quản lý thông tin có trách nhiệm công bố biểu phí theo quy định tại Điều trên và có trách nhiệm thông báo ngay tại chỗ cho người yêu cầu thông tin về biểu phí thu.

- Cơ quan quản lý thông tin phải công bố trên internet các điều kiện tái sử dụng thông tin, các mức phí quy định tại khoản 1 Điều 34a, cũng như các phương pháp tính toán chi phí đối với yêu cầu đặc biệt.

- Cơ quan quản lý thông tin có trách nhiệm thông báo cho người yêu cầu cung cấp thông tin về hình thức thanh toán và nếu người yêu cầu đề nghị, phải cung cấp cho họ thông báo trước về mức phí sẽ thu đối với thông tin được yêu cầu.

- Trong trường hợp người yêu cầu đề nghị cung cấp thông tin với số lượng lớn thì cơ quan quản lý thông tin có thể đề nghị người yêu cầu thanh toán trước một khoản tiền nằm trong khoản khoản phí sẽ thu.

*3.14.6. Nguyên tắc không đối xử phân biệt*

- Mức phí thu quy định tại Điều 34a cũng như các điều kiện khác có thể áp dụng đối với trường hợp sử dụng lại tài liệu thì không có tính chất phân biệt đối với các hình thức sử dụng lại tài liệu.

- Trường hợp tài liệu được một cơ quan nhà nước sử dụng lại làm đầu vào của hoạt động thương mại vốn nằm ngoài trách nhiệm công được quy định đối với cơ quan này thì việc sử dụng thông tin của cơ quan trên sẽ phải thu phí như các đối tượng sử dụng khác.

- Việc sử dụng lại thông tin được quy định bình đẳng và chung mức phí, chung các điều kiện đối với mọi đối tượng sử dụng. Không hạn chế số lượng người sử dụng mà cơ quan quản lý thông tin cho phép sử dụng lại thông tin. Cơ quan quản lý thông tin không được trao quyền sử dụng lại thông tin dưới dạng hợp đông hoặc thoả thuận mà tước đi quyền sử dụng lại thông tin này của các đối tượng sử dụng khác.

- Cơ quan quản lý thông tin có thể giao độc quyền sử dụng lại thông tin cho một đối tượng sử dụng trong trường hợp cần thiết phục vụ cung ứng dịch vụ công hoặc các dịch vụ khác vì lợi ích công chúng mà không bị coi là trái với quy định tại khoản 3 Điều này. Quyết định giao độc quyền sử dụng lại thông tin phải được xem xét, rà soát lại thường xuyên và trong mọi trường hợp, được xem xét, rà soát lại định kỳ ba năm một lần. Người yêu cầu có quyền khiếu nại quyết định giao độc quyền sử dụng lại thông tin cho một đối tượng sử dụng của cơ quan quản lý thông tin.

- Mọi thông tin về giao và xem xét quyết định giao độc quyền sử dụng lại thông tin phải được thông báo cho Cao Ủy viên và phải được công khai. Cao Ủy viên có trách nhiệm quản lý hồ sơ các quyết định giao độc quyền sử dụng lại thông tin.

- Chính phủ quy định chi tiết các điều kiện tái sử dụng thông tin và việc giao độc quyền sử dụng lại thông tin quy định tại khoản 4 Điều này cũng như nội dung, cách thức công bố, quản lý hồ sơ có liên quan.

***3.15. Xử lý các hành vi vi phạm***

- Phạt thấp nhất 250.000 SIT đối với người có hành vi hủy tài liệu, hồ sơ sổ đăng ký hay bất kỳ tài liệu nào có chứa đựng thông tin công với ý đồ không cho công chúng tiếp cận thông tin.

- Phạt thấp nhất 350.000 SIT đối với người có trách nhiệm của cơ quan về hành vi hủy tài liệu, hồ sơ sổ đăng ký hay bất kỳ tài liệu nào có chứa thông tin công, với ý đồ không cho công chúng tiếp cận thông tin.

- Phạt thấp nhất 250.000 SIT đối với cán bộ cơ quan nhà nước nếu người này không cung cấp thông tin yêu cầu theo thời hạn quy định, không công bố danh mục thông tin công hoặc không công bố các thông tin khác theo quy định là phải công khai mà không có lý do chính đáng.

- Phạt từ 150.000 SIT đến 300.000 SIT đối với cá nhân và từ 300.000 SIT đến 3.000.000 SIT đối với pháp nhân và doanh nghiệp sử dụng lại thông tin công vào mục đích thương mại mà việc tái sử dụng này do cơ quan quản lý thông tin thu phí hoặc quy định cụ thể điều kiện và không cho phép sử dụng lại.

1. Việc tiếp cận các thông tin của tư nhân, doanh nghiệp thì sẽ do luật dân sự điều chỉnh, vì đây là quan hệ dân sự giữa các chủ thể tư [↑](#footnote-ref-2)
2. Theo Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI. [↑](#footnote-ref-3)
3. Dự án điều tra cơ bản “Nhu cầu tiếp cận thông tin và các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, tổ chức”. [↑](#footnote-ref-4)
4. Ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. [↑](#footnote-ref-5)
5. Tờ trình số 26/TTr-BTP ngày 17 tháng 7 năm 2009. [↑](#footnote-ref-6)
6. Bộ Tư pháp có Báo cáo nghiên cứu, đề xuất ban hành Luật tiếp cận thông tin (thực hiện theo Đề án tổng thể thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 20/7/2010 của Ban Bí thư về công tác nhân quyền trong tình hình mới và thực hiện các khuyến nghị được Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua theo cơ chế kiểm điểm định kỳ - UPR). [↑](#footnote-ref-7)
7. Bộ Tư pháp có Báo cáo khảo sát tại một số bộ, ngành, địa phương về thực trạng tiếp cận thông tin của cơ quan, tổ chức và Báo cáo về cơ chế bảo đảm việc thực thi quyền tiếp cận thông tin (Đề án công tác xã hội năm 2013). [↑](#footnote-ref-8)
8. Bộ Tư pháp đã tiến hành Dự án điều tra cơ bản cấp Bộ “Nhu cầu tiếp cận thông tin và các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, tổ chức”. [↑](#footnote-ref-9)
9. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 - 2020 (văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI). [↑](#footnote-ref-10)
10. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). [↑](#footnote-ref-11)
11. Luật Tự do báo chí của Thuỵ Ðiển nãm 1766 là ðạo luật về báo chí lâu ðời nhất trên thế giới, trong ðó lần ðầu tiên quy ðịnh về quyền tíếp cận thông tin. Sau này, quyền tiếp cận thông tin còn ðýợc quy ðịnh trong Luật về Tự do ngôn luận nãm 1991 của Thụy Ðiển. Ðây là hai ðạo luật chủ ðạo liên quan ðến quyền tiếp cận thông tin. Ngoài ra, một số quy ðịnh liên quan ðến vấn ðề này còn ðýợc quy ðịnh tại bộ Quy tắc ðiều hành Chính phủ nãm 1974. [↑](#footnote-ref-12)
12. Hội Luật gia Việt Nam, *Nghiên cứu về Luật Tiếp cận thông tin của Bắc Âu*, Tài liệu tại Hội thảo quốc tế *“Xây dựng Luật Tiếp cận thông tin tại Việt Nam”* tổ chức tại Hà Nội ngày 06 – 07/5/2009, trang 26. [↑](#footnote-ref-13)
13. Việt Nam là thành viên của vãn kiện này từ năm 1988. Điều 19 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người quy định: *“Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ ý kiến, kể cả tự do bảo lưu quan điểm mà không bị can thiệp, cũng như tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền bá các ý tưởng và thông tin bằng bất cứ phương tiện thông thông nào và không có giới hạn về biên giới".* [↑](#footnote-ref-14)
14. Việt Nam đã tham gia Công ước này năm 1982. Khoản 2 Điều 19 của Công ước Liên hợp quốc về các quyền dân sự, chính trị quy định: *“Mọi người đều có quyền tự do phát biểu quan điểm; quyền này bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến mọi thông tin, ý kiến, bằng truyền khẩu, bút tự hay ấn phẩn dưới hình thức nghệ thuật, hay bằng bất kỳ phương tiện thông tin đại chúng nào tuỳ theo sự lựa chọn của họ".*  [↑](#footnote-ref-15)
15. Công ýớc này (còn gọi là Công ýớc Aarhus) có tên ðầy ðủ là *Công ýớc về tiếp cận thông tin, tham gia của công chúng và tiếp cận công lý ðối với các vấn ðề về môi trýờng*, ðýợc thông qua tháng 6 nãm 1998, có hiệu lực tháng 10 nãm 2001. [↑](#footnote-ref-16)
16. Nguồn: <http://www.cidh.org/Relatoria/showarticle.asp?artID=319&lID=1>. [↑](#footnote-ref-17)
17. Nguồn: <http://www.article19.org/pdfs/standards/joburgprinciples.pdf> . [↑](#footnote-ref-18)
18. Xem: Báo cáo Tự do thông tin thế giới năm 2006. [↑](#footnote-ref-19)
19. Theo Báo cáo Tự do thông tin thế giới năm 2006 (ðã dẫn ở trên), có trên 90 quốc gia có các quy ðịnh trong Hiến pháp ghi nhận quyền tiếp cận thông tin của công dân. [↑](#footnote-ref-20)
20. Nhý Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Pakistan, Israel và Pháp. [↑](#footnote-ref-21)
21. **Phần trình bày tại mục này ðýợc xây dựng trên cõ sở tham khảo Báo cáo *Nghiên cứu về Luật Tiếp cận thông tin của các nước Bắc Âu* của Hội Luật gia Việt Nam (ðã dẫn ở trên).** [↑](#footnote-ref-22)
22. Thuật ngữ *“Chính phủ mở”* là một từ khoá quan trọng trong lĩnh vực tiếp cận thông tin hay tự do thông tin, theo ðó, Chính phủ và các cõ quan nhà nýớc có nhiệm vụ phải công khai (mở) ðối với các thông tin mà mình nắm giữ ở mọi cấp, ðiều này cho phép một sự kiểm soát và giám sát hiệu quả ðối với hoạt ðộng của Chính phủ và các cõ quan này (Theo Báo cáo *Nghiên cứu về Luật Tiếp cận thông tin của các nước Bắc Âu* của Hội Luật gia Việt Nam (ðã dẫn ở trên), mục 5.1. [↑](#footnote-ref-23)
23. Nguồn: http:// www. article19.org/pdfs/standards/righttoknow.pdf. [↑](#footnote-ref-24)
24. Nguyễn Thị Kim Thoa, *Nội dung cơ bản của Luật tiếp cận thông tin một số nước,* Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Văn phòng Quốc hội, 2009 [↑](#footnote-ref-25)
25. Mendel (2008), tr. 14 [↑](#footnote-ref-26)
26. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr 187. [↑](#footnote-ref-27)
27. Xem Banisar (2006), tr.23; Mendel (2008). [↑](#footnote-ref-28)
28. Công ước của Liên Hợp quốc về Chống tham nhũng, Công ước về tiếp cận thông tin, sự tham gia của công chúng trong việc ra quyết định và tiếp cận tư pháp trong các vấn đề về môi trường năm 1998,… [↑](#footnote-ref-29)
29. Luật Tăng cường tiếp cận thông tin Nam Phi. [↑](#footnote-ref-30)
30. . Xem, Banisar (2006). [↑](#footnote-ref-31)
31. Mendel (2008). [↑](#footnote-ref-32)
32. Công ước về tiếp cận thông tin, sự tham gia của công chúng trong việc ra quyết định và tiếp cận tư pháp trong các vấn đề về môi trường (25/6/1998); Công ước của Liên Hợp quốc về Chống tham nhũng được Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua vào tháng 10/2003 và có hiệu lực thi hành vào tháng 12/2005; Công ước của Liên minh Châu Phi về phòng, chống tham nhũng 6/2003; Hiến pháp Estonia Điều 44; Hiến pháp Anbani năm 1998 Điều 23, Điều 56; Luật về quyền tiếp cận thông tin trong các tài liệu chính thức của Anbani năm 1999; Luật tiếp cận thông tin của Canada năm 1985; Luật của Nhật Bản về tiếp cận thông tin của các cơ quan hành chính năm 2001; Luật Tự do thông tin Thuỵ Điển được ban hành vào năm 1949 và được sửa đổi vào năm 1976; Luật về tiếp cận hồ sơ hành chính Nhà nước của Đan Mạch năm 1985; Luật về công khai thông tin của các cơ quan chính quyền của Hàn Quốc năm 1996,... [↑](#footnote-ref-33)
33. Ấn Độ, Luật về Tự do tiếp cận thông tin Cộng hoà Séc (được ban hành vào tháng 5 năm 1999 và có hiệu lực thi hành vào tháng 1 năm 2000), Luật Liên bang Nga về thông tin, công nghệ thông tin và bảo vệ thông tin năm 2006, Pháp lệnh nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa về công khai thông tin của chính quyền năm 2007 (có hiệu lực từ 1/5/2008),... [↑](#footnote-ref-34)
34. Xem, Banisar (2004), (2006), Mendel (2008) [↑](#footnote-ref-35)
35. Nhật Bản, Peru. [↑](#footnote-ref-36)
36. Luật số 2 năm 2000 về thúc đẩy tiếp cận thông tin của Nam Phi, Luật số 572 năm 1985 của Đan Mạch về tiếp cận các tài liệu hành chính công, Peru. [↑](#footnote-ref-37)
37. Xem: Toby Mendel, *Freedom of information: A comparative legal survey,* Second Edition, United Nations, UNESCO, Paris, 2008, trang 144. [↑](#footnote-ref-38)
38. Ấn độ. [↑](#footnote-ref-39)
39. Mendel (2008) [↑](#footnote-ref-40)
40. Hàn Quốc, New Zealand, Bulgary, Liên bang Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Đan Mạch. [↑](#footnote-ref-41)
41. Mendel (2008) [↑](#footnote-ref-42)
42. Xem, Virginia Wise (2008), Banisar (2006), Mendel (2008). [↑](#footnote-ref-43)
43. Đào Trí Úc, *Tổng quan về Luật tiếp cận thông tin và vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin ở các nước trên thế giới*, tài liệu Hội thảo “Luật tiếp cận thông tin – kinh nghiệm một số nước trên thế giới”, Hội Luật gia Việt Nam tổ chức, 12. 7. 2009. [↑](#footnote-ref-44)
44. Mendel (2008) [↑](#footnote-ref-45)
45. Mexico và Hoa Kỳ. [↑](#footnote-ref-46)
46. Một số quốc gia như là Thụy Điển, thuật ngữ “tài liệu chính thức” không bao gồm các tài liệu đang trong quá trình chuẩn bị hoặc các dự thảo không được sử dụng trong quá trình ra quyết định cuối cùng, do vậy đã thu hẹp khá nhiều phạm vi thông tin thuộc đối tượng điều chỉnh - Nguyễn Thị Kim Thoa, *Nội dung cơ bản của Luật tiếp cận thông tin một số nước,* Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Văn phòng Quốc hội, 2009. [↑](#footnote-ref-47)
47. New Zealand [↑](#footnote-ref-48)
48. Ở Mexico, Luật Minh bạch liên bang yêu cầu các trường hợp ngoại lệ chỉ được áp dụng trong thời hạn 12 năm. [↑](#footnote-ref-49)
49. [**http://phapluattp.vn/260169p0c1013/du-an-luat-tiep-can-thong-tin-doi-thong-tin-phat-sinh-khieu-kien.htm**](http://phapluattp.vn/260169p0c1013/du-an-luat-tiep-can-thong-tin-doi-thong-tin-phat-sinh-khieu-kien.htm) [↑](#footnote-ref-50)
50. Hội đồng liên minh Châu Âu, Báo cáo thường niên 2003 [↑](#footnote-ref-51)
51. Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, Tóm tắt các báo cáo thường niên về Luật tự do thông tin cho năm tài chính 2002. [↑](#footnote-ref-52)
52. Luật Liên bang Nga về thông tin, công nghệ thông tin và bảo vệ thông tin quy định nguyên tắc “thông tin trung thực, kịp thời” (Điều 3). [↑](#footnote-ref-53)
53. Hội Luật gia Việt Nam, “*Luật tiếp cận thông tin – kinh nghiệm một số nước trên thế giới*”, Kỷ yếu Hội thảo, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội, 2009, Nguyễn Thị Kim Thoa, *Nội dung cơ bản của Luật tiếp cận thông tin một số nước,* Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Văn phòng Quốc hội, 2009. [↑](#footnote-ref-54)
54. Ấn độ. [↑](#footnote-ref-55)
55. **Ở Ireland, sau khi các khoản lệ phí mới được ban hành đối với việc yêu cầu cung cấp thông tin và khiếu nại, số các yêu cầu giảm hơn 50%.** [↑](#footnote-ref-56)
56. Ở Ấn Độ, nhiều cơ quan đã yêu cầu phải nộp các hối phiếu ngân hàng có giá trị gấp đôi khoản tiền lệ phí nộp đơn hoặc từ chối việc tiếp cận thông tin bằng việc đặt ra các thủ tục hành chính rườm rà trong việc thu lệ phí. [↑](#footnote-ref-57)
57. Ở Canada, các cơ quan trung ương và tỉnh thường yêu cầu các khoản lệ phí khá lớn khi tiếp nhận yêu cầu và đây là một thách thức đối với người yêu cầu khi muốn nhận được thông tin. Người này chỉ có thể nhận được thông tin nếu như có đủ tiền để trả lệ phí hoặc các dịch vụ trợ giúp pháp lý khác để khiếu nại về mức chi phí quá cao này thì mới có thể đảm bảo được quyền tiếp cận thông tin của mình. Ở Australia, các chi phí pháp lý để thực hiện khiếu nại hoặc khởi kiện ra tòa quá cao, nên chỉ có vài người có khả năng chi trả để thực hiện quyền của mình. [↑](#footnote-ref-58)
58. Mendel (2008) [↑](#footnote-ref-59)
59. Mendel (2008) [↑](#footnote-ref-60)
60. Trong số hơn 40 quốc gia có cơ quan độc lập thực hiện việc kiểm tra, giám sát quyền tiếp cận thông tin, khoảng trên 20 quốc gia có cơ quan giám sát Ombudsman- thuộc Quốc hội, được thực hiện sau khi giải quyết khiếu nại hành chính đối với các quyết định do cơ quan hành chính ban hành và chỉ có tính khuyến nghị, không có tính cưỡng chế (*Arménia, Albanie, Angola, Ôxtralia, Azerbaizan, Belize, Bosnia và Herzegovina, Croatia, Cộng hoà Séc, Đan Mạch, Ecuađo, Phần Lan, Hy Lạp, Kosovo, Niu Dilân, Pakistan, Panama, Pêru, Philippine, Ba Lan, Rumania, Tây Ban Nha, Thuỵ Điển, Trinađa và Tobago*).Trong số các quốc gia có cơ quan độc lập thực hiện việc kiểm tra, giám sát, có trên 20 quốc gia không có thiết chế Ombudsman mà có xu hướng thành lập một Uỷ ban thông tin độc lập, có thể trực thuộc Quốc hội, Văn phòng Thủ tướng hoặc độc lập hoàn toàn, quyết định của UB mang tính cưỡng chế thực hiện và là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng (Slovenia, Serbia, Ireland, Anh,...). Tuy nhiên, có một số ít quốc gia (như Đan Mạch) có cả hai thiết chế là Ombudsman và Uỷ ban Thông tin. [↑](#footnote-ref-61)
61. **Thực tiễn khiếu nại hành chính ở nhiều quốc gia cho thấy, các hệ thống hành chính nội bộ thường có xu hướng ủng hộ việc từ chối cung cấp thông tin và dẫn đến tình trạng trì hoãn việc cung cấp thông tin. Ở Vương quốc Anh, 77% đơn khiếu nại nội bộ gửi cho các cơ quan Chính phủ đã bị từ chối hoàn toàn vào năm 2005.** [↑](#footnote-ref-62)
62. *Pháp và Bồ Đào Nha thì có tên gọi là Uỷ ban tiếp cận tài liệu hành chính, ở Ireland là Văn phòng Uỷ viên thông tin, ở Đức là Uỷ ban liên bang về bảo vệ dữ liệu v.v…* [↑](#footnote-ref-63)
63. **Luật Tiếp cận thông tin nhà nước của Ba Lan quy định rằng: “Bất kỳ người nào, không kể chức trách cương vị của mình mà từ chối việc tiếp cận các thông tin nhà nước sẽ có thể bị phạt tiền, bị hạn chế tự do hoặc phạt tù tối đa một năm”.** [↑](#footnote-ref-64)
64. Trong vài năm qua, chỉ có một vài trường hợp phạt tù ở Hoa Kỳ ở các địa phương khác nhau. Ở Ấn Độ, Ủy viên Thông tin đã bắt đầu phạt tiền các quan chức thông tin đã từ chối hoặc trì hoãn việc cung cấp thông tin một các vô cớ theo quy định của Luật về Quyền thông tin [↑](#footnote-ref-65)
65. Ở Hoa Kỳ, tòa án có thể ra phán quyết bồi thường các chi phí pháp lý cho người yêu cầu nếu như tòa án thấy rằng các tài liệu yêu cầu đã bị từ chối một cách không hợp lý. [↑](#footnote-ref-66)
66. *Được sửa đổi bằng Luật số 8854, ngày 29 tháng 2 năm 2008* [↑](#footnote-ref-67)
67. sửa đổi bởi Luật số 7796, ngày 29 tháng 12 năm 2005; Luật số 8854 ngày 29 tháng 2 năm 2008 [↑](#footnote-ref-68)
68. Sửa đổi bởi Luật số 8854 ngày 29/02/2008 [↑](#footnote-ref-69)
69. Sửa đổi bởi Luật số 8854 ngày 29/02/2008 [↑](#footnote-ref-70)
70. Sửa đổi bởi Luật số 8854 ngày 29/02/2008 [↑](#footnote-ref-71)
71. sửa đổi bởi Luật số 8871, ngày 29/02/2008 [↑](#footnote-ref-72)